CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Địa chỉ tru sở: số 46 đường Trần Phú – Phường Phước Vĩnh – Thành phố Huế

Thành phố Huế, ngày 23 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế (Mã chứng khoán HEP)

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô Thị Huế (Công ty) trân trọng kính mời Quý Cổ đông tới dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty với nội dung như sau:

1. Thời gian: Vào lúc 8 giờ sáng (thứ 6) ngày 15 tháng 05 năm 2026

2. Địa điểm họp: Hội trường tầng 1 Văn phòng Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế, Số 46 đường Trần Phú, Phường Phước Vĩnh, Quận Thuận hóa, Thành phố Huế.

3. Điều kiện dự họp: Cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty (hoặc người được cổ đông ủy quyền tham dự họp hợp pháp) theo danh sách cổ đông Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt nam (VSDC) lập ngày 25/02/2026.

Cổ đông thuộc sở hữu cổ phần là CBCNVC và người lao động trong công ty. Thành phần tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, cụ thể như sau:

- Các cổ đông thuộc BCH Đảng bộ Công ty, HĐQT; Ban Tổng Giám đốc; Ban Kiểm Soát và cổ đông thuộc khối văn phòng Công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc của các Xí nghiệp, các đơn vị trực thuộc Công ty (là những người có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty chốt danh sách cổ đông đến ngày 25/02/2026, (Theo danh sách Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt nam cung cấp.)

- Đại diện các nhóm cổ đông, là những người có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần môi trường và Công trình Đô thị Huế có đến ngày 25/02/2026 có quyền tham dự Đại hội. Trường hợp Quý Cổ đông thuộc đối tượng tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 có lý do vắng mặt không

tham dự được thì làm thủ tục uỷ quyền cho người khác tham dự Đại hội, vui lòng điền vào giấy uỷ quyền theo mẫu Công ty gửi cho các Xí nghiệp, Bộ phận trực thuộc Công ty để thực hiện làm thủ tục ủy quyền theo quy định.

4. Các giấy tờ cần mang theo khi đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

4.1. Đối với cổ đông là cá nhân:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân trực tiếp dự họp ĐHĐCĐ cần mang theo: Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng;

- Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, người được ủy quyền cần mang theo:

+ Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;

+ Giấy ủy quyền hợp lệ theo đúng mẫu của Công ty.

4.2. Đối với cổ đông là tổ chức:

- Trường hợp cổ đông là tổ chức mà người đại diện theo pháp luật trực tiếp dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, cần mang theo:

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (có chứng thực hợp lệ);

+ Hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật (bản gốc) còn thời hạn sử dụng.

-Trường hợp cổ đông là tổ chức mà người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho người khác dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, người được ủy quyền cần mang theo:

+ Hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân (bản gốc) còn thời hạn sử dụng của người được ủy quyền;

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập (có chứng thực hợp lệ);

+ Giấy ủy quyền hợp lệ theo đúng mẫu của Công ty.

5. Tài liệu họp ĐHĐCĐ:

Bản dự thảo tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 21/04/2026, chi tiết xin truy cập website: **http://hepco.com.vn**. Mục quan hệ cổ đông.

Để công tác tổ chức chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 theo đúng thời gian quy định, đề nghị quý cổ đông hoặc người được ủy quyền xác nhận việc tham dự Đại hội bằng cách gọi điện thoại tới số: 0914114551(Ông Lê Vĩnh Thắng PTGĐ – thư ký Công ty) hoặc số điện thoại: 0914050099 (bà Dương Thị Huệ - TV HĐQT công ty)

Mọi chi phí đi lại và ăn ở sẽ do Quý cổ đông tự trang trải.

Rất mong Quý Cổ đông thu xếp thời gian đến dự Đại hội. Sự hiện diện của Quý Cổ đông sẽ góp phần vào thành công của Đại hội.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN QUỐC KHÁNH



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Địa chỉ trụ sở: số 46 Trần Phú, P. Thuận Hóa, TP. Huế

Huế, ngày 15 tháng 5 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Thời gian	Nội dung
08h00-08h30	- Đón tiếp đại biểu và các cổ đông tham dự Đại hội - Kiểm tra tư cổ đông
08h30-08h35	- Chào cờ - Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
08h35-8h40	- Khai mạc ĐH: Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu - Giới thiệu, biểu quyết thông qua danh sách Chủ tịch đoàn; Thư ký đoàn; Ban kiểm phiếu - Thông qua Quy chế làm việc và hướng dẫn biểu quyết tại Đại hội - Thông qua chương trình làm việc của Đại hội
08h40-08h55	Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025 và phương hướng hoạt động năm 2026
08h55-09h10	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026
09h10-09h20	- Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025; - Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.
09h20-09h40	- Tờ trình thông qua dự thảo Điều lệ và các quy chế nội bộ Công ty; - (Dự kiến) Tờ trình thông qua Phương án đầu tư khu xử lý chất thải Hương Bình.
09h40-09h50	- Báo cáo các chỉ tiêu tài chính đã kiểm toán 2025 và phương án phân chia lợi nhuận năm 2025, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2026; - Tờ trình về các vấn đề xin ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026;

09h50-10h00	Phát biểu chỉ đạo Đại hội của Lãnh đạo UBND thành phố Huế.
10h00-10h15	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung: - Báo cáo của HĐQT; Báo cáo của Ban Điều hành; Báo cáo của BKS và Tờ trình Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập 2026; Báo cáo các chỉ tiêu tài chính đã kiểm toán 2025 và phương án phân chia lợi nhuận năm 2025, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2026; - Tờ trình thông qua dự thảo Điều lệ và các quy chế nội bộ Công ty; - (Dự kiến) Tờ trình thông qua Phương án đầu tư khu xử lý chất thải Hương Bình. - Tờ trình về một số vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông.
10h15-10h25	- Thư ký Đại hội trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Đại hội thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thương niên năm 2026
10h25-10h30	Chủ tọa Đại hội phát biểu tổng kết bế mạc Đại hội

UBND THÀNH PHỐ HUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Số /BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 21 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026
(TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026)

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về công tác quản trị và điều hành năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2026 như sau:

I. Thực hiện nhiệm vụ năm 2026:

Các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi tham dự họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phan Lê Hiến	19	100%	
2	Trần Quốc Khánh	19	100%	
3	Dương Thị Huệ	19	100%	
4	Trần Hữu Ân	19	100%	
5	Nguyễn Văn Rin	19	100%	

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã họp 19 đợt, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, đã thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có những đóng góp tích cực trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình thực tiễn, phát huy những thế mạnh liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo và định hướng để Ban Tổng giám đốc điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã đề ra. Các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, các loại hình dịch vụ đều lấy khách hàng làm trọng tâm. Định hướng phát triển, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh, phương thức quản lý, đào tạo, bồi dưỡng về nguồn nhân lực được chú trọng và triển khai thực hiện.

II. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2025, HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng định hướng, giám sát và kiểm tra đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Công tác giám sát được triển khai thường xuyên, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

HĐQT theo dõi việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; việc điều hành các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty; công tác đấu thầu, ký kết và điều chỉnh hợp đồng kịp thời, đảm bảo duy trì hoạt động cung ứng dịch vụ ổn định, liên tục trên địa bàn được giao; dịch vụ mới được hình thành, năng lực cung ứng ngày càng được nâng cao.

HĐQT giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản; thực hành tiết kiệm, kiểm soát chi phí; đảm bảo thu nhập, chế độ, chính sách đối với người lao động; đồng thời theo dõi việc chấp hành các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

Thông qua công tác giám sát, HĐQT đánh giá Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực triển khai các giải pháp điều hành phù hợp với điều kiện thực tế. Mặc dù doanh thu năm 2025 chưa đạt kế hoạch đề ra do những khó khăn khách quan của lĩnh vực xây lắp và hạn chế về nguồn ngân sách địa phương đối với dịch vụ công ích, Công ty vẫn đảm bảo ổn định hoạt động, duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước.

HĐQT thực hiện giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, việc lập và công bố thông tin định kỳ, bất thường theo quy định; ban hành đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định làm cơ sở cho Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện.

III. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành và cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị giám sát Ban điều hành Công ty thông qua việc kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong năm 2025, Ban điều hành dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã triển khai thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chủ động đề ra các giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý và các khoản chi phí liên quan khác để đảm báo chi phí cho hoạt động kinh doanh có hiệu quả, do đơn giá nguyên nhiên, vật liệu, tiền lương tối thiểu vùng đều tăng, nhưng đơn giá xây dựng trong công tác đặt hàng và đấu thầu vẫn thấp hơn so với Quyết định số 2239 UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) ban hành từ năm 2016 đến tại thời điểm này, đơn giá vẫn chưa được điều chỉnh

IV. Việc chấp hành, của người đại diện đối với chủ trương, nghị quyết và chỉ đạo của chủ sở hữu:

- Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những khó khăn, tiền lương tối thiểu vùng, thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định bảng xếp lương doanh nghiệp,các khoản chi phí thanh toán tiền điện, chi phí nguyên vật liệu đầu vào đều tăng so với đơn giá thực tế; từ những khó khăn đó, Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp chỉ đạo tiết kiệm chi phí; Như việc thực hiện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; giải pháp không tăng thêm lao động gián tiếp khi có lao động khối gián tiếp nghỉ hưu theo quy định tinh giảm dần lao động gián tiếp và trực tiếp để thực hiện giảm chi phí tiền lương, thực hiện khoán các khoản chi phí sử dụng công cụ, dụng cụ, chi phí điện thoại, chi phí văn phòng phẩm và một số các khoản chi phí liên quan khác để đảm bảo lợi nhuận thực hiện sau thuế tăng, đảm bảo chia cổ tức đối với phần vốn Nhà nước

và chia cổ tức cho các cổ đông hàng năm. Công tác quản lý tài chính Công ty đã thực hiện đúng theo quy chế quản lý tài chính công ty; quy chế chi tiêu nội bộ; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2025; Điều lệ Công ty và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo chất lượng và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu vốn sản xuất. Tiền lương và các chế độ khác, thực hiện chi trả đầy đủ và kịp thời cho CBCNVC và người lao động. Trích nộp các khoản phải trích nộp BHXH, BHYT, BHTN kịp thời và đầy đủ theo quy định.

- Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư; kế hoạch đầu tư, khối lượng thực hiện, tình hình và khả năng thanh toán vốn đầu tư thực hiện đảm bảo đúng các văn bản quy định hiện hành của nhà nước; công tác giải ngân vốn theo đúng kế hoạch bố trí vốn hàng năm.

- Thực hiện nhiều biện pháp và giải pháp về quản lý các khoản nợ phải thu và nợ phải trả. Do đó trong năm qua, Công ty không có tình trạng nợ kéo dài và nợ khó đòi không có khả năng thu hồi nợ, thực biện thanh toán kịp thời các khoản nợ phải trả đối với khách hàng. Tổng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu các năm đều giảm.

- Luân chuyển nguồn vốn đảm bảo theo quy định; trong đó vốn Nhà nước 51% trên vốn Điều lệ; vốn cổ phần 49%.

- Hoàn thành thủ tục giao dịch chứng khoán trên sàn UpCom thuộc sàn giao dịch chứng khoán Hà nội; đồng thời Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số Công ty thực hiện công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT -BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được công khai trên trang website: http://hepco.com.vn. Mục quan hệ cổ đông, Công bố trên hệ thống công bố thông tín của (IDS); (CIMS) về báo cáo giám sát tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên, phương án phân chia lợi nhuận, chia cổ tức hàng năm, công bố thông tin bất thường theo quy định vv…

- Ngoài duy trì tốt các hoạt động công ích thường xuyên, Công ty đã tập trung nhân lực, phương tiện hoàn thành tốt công tác vệ sinh, chỉnh trang đô thị phục vụ các dịp Tết Dương lịch; Tết Âm lịch; Ngày thống nhất đất nước 30/4; Festival Huế và các sự kiện chính trị, xã hội khác diễn ra trên địa bàn thành phố.

- Hoàn thành công tác đầu tư các dự án trong 5 năm; như, Thoát nước, Điện chiếu sáng, Chỉnh trang vỉa hè…Lập phương án Mở rộng Nghĩa trang nhân dân phía Bắc và phía Nam Thành phố.

V. Việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; nội quy, quy chế Công ty:

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với trách nhiệm là Người đại diện phần vốn nhà nước, đã thường xuyên nghiên cứu các văn bản quy định của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty, ban hành các nội quy, quy chế Công ty phù hợp

với hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong 5 năm, mặc dù Công ty đã có rất nhiều Đoàn thanh kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước. Qua thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, Công ty đã thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, điều hành thực hiện tốt mọi nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, không có tình trạng thất thoát về vốn và tài sản, tiết kiệm tối đã các khoản chi phí sản xuất để tăng lợi nhuận

VI. Kết quả kinh doanh

1.Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2025 tóm tắt như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % (TH/ KH)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)= (4/3)
01	Doanh thu thuần	358.442.263.235	311.232.498.118	86,83
02	Lợi nhuận trước thuế	17.205.228.635	17.893.189.544	104,00
03	Lợi nhuận sau thuế	14.968.548.913	15.715.429.918	104,99
04	Các khoản nộp ngân sách	24.200.000.000	25.207.258.108	104,16
05	TSCĐ hữu hình	192.301.929.275	224.133.944.027	116,55
5.1	TSCĐ CTPLCC	158.729.828.016	191.503.143.992	120,65
5.2	TSCĐ tính khấu hao	33.572.101.259	32.630.800.035	97,20
	Trích khấu hao TSCĐ	8.908.306.199	10.085.824.372	113,22
06	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
07	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	16.587.119	16.585.904	99,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12,00%/VĐL	12,00%/VĐL	100,00

Chỉ tiêu doanh thu đạt 86,83% kế hoạch, vì do điều chỉnh chỉ tiêu doanh thu tăng trưởng 10% theo ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố, chủ yêu giảm chỉ tiêu kinh doanh xây lắp, giảm 56%, do thực hiện cơ chế đấu thầu trên hệ thống mạng Quốc gia, công tác đấu thầu có nhiều bất cập và rào cản về cơ chế giá, Công ty là một trong những doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức thi công các công trình thoát nước, vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng, tất cả các công trình Công ty thực hiện thi công đều đảm bảo chất lượng và thẩm mỹ, nhưng khi thực hiện đấu thầu đa phần bị trật thầu, do đó đã ảnh hưởng đến việc tăng trưởng doanh thu. Do công tác chỉ đạo điều hành rất quyết liệt, Hội đồng quản trị cũng đề ra nhiều giải pháp để quản lý chi phí đầu vào, nên lợi nhuận sau thuế tăng 5% so vơi kế hoạch năm 2025, chỉ tiêu thu nộp ngân sách cũng tăng 4,16% so với kế hoạch năm. Công tác giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban Tổng giám đốc, sự nỗ lực của người lao động trong Công ty đã phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đề ra (số liệu đã tóm tắt chi tiết tại biểu trên).

2. Công tác cổ đông:

Cơ cấu cổ đông công ty theo danh sách chốt cuối ngày 25/02/2025 (Thực hiện quyền bỏ phiếu).

	Số cổ đông	Cổ phần sở hữu	Trị giá (đồng)	Tỷ lệ % / VĐL
1. Cổ đông nhà nước	02	3.060.000	30.600.000.000	51,00%
2. Cổ đông là người lao động và người đã nghỉ hưu	373	2.059.213	20.592.130.000	34,32%
3. Cổ đông chiến lược	01	619.500	6.195.000.000	10,33%
4.Cổ đông ngoài	47	261.287	2.612.870.000	4,35%
Tổng cộng	423	6.000.000	60.000.000.000	100,00%

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Công ty Cổ phần có 51% vốn Nhà nước, Ông Phan lê Hiến - Chủ tịch HĐQT, nắm giữ 60/51% phần vốn nhà nước: 18.360.000 cổ phần; Ông Trần Quốc Khánh - TVHĐQT - Tổng Giám đốc, nắm giữ 40/51%: 1.224.000 cổ phần, tổng số cổ phần sở hữu 51% vốn nhà nước là: 3.060.000 cổ phần; 373 cổ đông là CBCNVC và người lao động trong Công ty và số cổ đông đã nghỉ hưu, sở hữu 2.059.213 cổ phần; 01 cổ đông chiến lược là Công ty TNHH TM XD và dịch vụ Môi trường Thừa Thiên Huế sở hữu: 619.500 cổ phần; 47 cổ đông ngoài, sở hữu: 261.287 cổ phần. Công ty đã có văn bản báo cáo xin ý kiến UBND thành phố Huế về việc thống nhất các nội dung để Người đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026, dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, ngày **15/05/2026**

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động SXKD

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % (KH/TH)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4/3)
01	Doanh thu thuần	311.232.498.118	342.557.775.359	110,06
02	Lợi nhuận trước thuế	17.893.189.544	18.840.677.645	105,30
03	Lợi nhuận sau thuế	15.715.429.918	16.391.389.551	104,30
04	Các khoản nộp NS	25.207.258.108	25.500.000.000	101,16
05	TSCĐ hữu hình	224.133.944.027	118.460.268.720	52,85
5.1	TSCĐ CTPLCC	191.503.143.992	85.330.268.720	44,56
5.2	TSCĐ tính khấu hao	32.630.800.035	33.130.000.000	101,53
	Trích khấu hao TSCĐ	10.085.824.372	10.500.000.000	104,11

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % (KH/TH)
06	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
07	Thu nhập bình quân	16.585.904	17.081.571	102,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12%/VĐL	12,29%/VĐL	102,42

Để triển khai thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản năm 2026. Hội đồng quản trị đề ra một số nhiệm vụ cụ thể nhưu sau:

- Mở rộng đa dạng hoá các loại hình dịch vụ trên địa bàn toàn Tỉnh, tham gia thực hiện đấu thầu đối với các gói thầu thu gom, vận chuyển rác, đấu thầu công tác quản lý hệ thống thoát nước, lề đường, hệ thống điện chiếu sáng, thi công các công trình XCCB, công tác trồng và chăm sóc cây xanh….;

- Nâng cao chất lượng của các loại hình dịch vụ, đảm bảo chất lượng, thẩm mỹ. Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các địa phương; các ban quản lý dự án; các đối tác nước ngoài, các đơn vị kinh doanh, nhằm thúc đẩy Công ty phát triển bền vững, đời sống CBCNV và người lao động ngày càng được cải thiện và nâng cao;

- Nghiên cứu đề ra phương án và các giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành đối với các loại dịch vụ để thực hiện giải pháp cạnh tranh trên các lĩnh vực công ty đang hoạt động. Huy động các nguồn vốn hợp pháp để tiếp tục đầu tư mua sắm phương tiện thiết bị đảm bảo cho hoạt động kinh doanh, đồng thời tiếp tục đầu tư mua sắm phương tiện thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, đáp ứng kịp thời trong công tác quản lý, điều hành hoạt động Công ty;

- Xây dựng các phương án để cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể để thuận tiện trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhận thức được điều này, công ty đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

+ Xây dựng các giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh, giữ vững sự ổn định của khách hàng hiện tại và khai thác, tìm kiếm khách hàng mới trong kinh doanh dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải, nghiên cứu thực hiện cơ chế tài chính để có nguồn kinh phí khuyến khích khách hàng, góp phần tăng doanh thu trong mọi hoạt động của Công ty;

+ Xây dựng phương án kinh doanh với chính sách, chất lượng, giảm giá thành dịch vụ để thu hút khách hàng cạnh tranh và tham gia đấu thầu đối với một số các loại hình dịch vụ đang thực hiện cơ chế đấu thầu theo quy định. Tăng cường công tác truyền thông, chăm sóc khách hàng, quảng bá hình ảnh hoạt động Công ty, giải quyết nhanh và kịp thời những tồn tại và một số các ý kiến của các tổ chức và người dân liên quan đến hoạt động Công ty;

+ Triển khai thực hiện đề án chuyển đổi số. Tiếp tục triển khai và duy trì sử dụng trang mạng xã hội Facebook …để quảng bá tuyên truyền các nội dung nâng cao ý thức của người dân về việc đổ rác đúng giờ, đúng nơi quy định, đồng thời giới thiệu, quảng bá các loại hình dịch vụ Công ty đang thực hiện;

+ Nghiên cứu đề ra các giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông và

người lao động, hoàn thành tốt nghĩa vụ với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ công nhân viên và người lao động trong Công ty. Xây dựng các giải pháp bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả;

+ Tiếp tục thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại Công ty, pháy huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ công nhân viên và người lao động, thực hiện việc công khai minh bạch về kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, việc phân phối lợi nhuận, thực hiện tốt công tác báo cáo của người Đại diện phần vốn nhà nước đối với Chủ sở hữu và đề xuất phương án phân phối lợi nhuận và phân chia cổ tức, trình xin ý kiến chủ sở hữu trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027

+ Có kế hoạch triển khai thực hiện hoàn thành tốt một số các dự án hiện nay thành phố Huế đang tiếp tục giao công ty làm chủ đầu tư và chỉ định thầu thực hiện triển khai thi công. Hoàn thành công tác quyết toán vốn đối với đơn vị chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và đề nghị chuyển Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với công trình hoàn thành qua Trung tâm Quản lý và khai thác hạ tầng Đô thị thành phố Huế tiếp nhận theo quy định.

2. Công tác quản trị Công ty

Rà soát, điều chỉnh khung pháp lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế Công ty: Các quyết định, quy định, quy trình, cơ chế, phân cấp, phân quyền để tạo sự chủ động và chịu trách nhiệm. Tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo hiệu quả công việc.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy đảm bảo tinh gọn, phù hợp với thực tế với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Xác định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư mua sắm TSCĐ từ năm 2026

HĐQT Công ty xác định nguồn vốn đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn khấu hao TSCĐ và nguồn vốn hợp pháp khác. Trên cơ sở kiểm tra, đánh giá của các Phòng chuyên môn và các đơn vị trực tiếp sử dụng phương tiện thiết bị trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện vận chuyển rác thải về Phú Sơn, sự cần thiết phải đầu tư mua sắm mới các loại phương tiện thiết bị chuyên dùng; sửa chữa lớn các loại phương tiện thiết bị đã trích khấu hao hết thời gian quy định. Nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hội đồng quản trị, căn cứ Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành sẽ xem xét và thống nhất ban hành Nghị quyết trước khi triển khai thực hiện sử dụng nguồn vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định năm 2026.

4. Về quản lý

Triển khai thực hiện đề án chuyển đổi số trong toàn Công ty, tiếp tục áp dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện nhiều biện pháp, giải pháp tăng cường công tác quản lý SXKD chặt chẽ, tiết kiệm chi phí hợp lý, đảm bảo có hiệu quả trong kinh doanh.

5. Về nhân sự - lao động

Thực hiện việc sắp xếp công tác tổ chức, bộ máy đảm bảo tinh gọn, hợp lý và hiệu quả, từng bước tinh giảm lao động tại các đơn vị Xí nghiệp trực thuộc và

khối quản lý văn phòng Công ty, để góp phần vào việc thực hiện phương án tiết kiệm chi phí sản xuất trong hoạt động kinh doanh. Tiền lương thu nhập của người lao động được duy trì, ổn định, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, cần xét xét kỹ đối với công tác nhân sự, yếu tố con người là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý tại Công ty, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của Công ty trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường năm 2026 có ý kiến tham gia.

Nơi nhận:
- HĐQT; BTGĐ; BKS.
- Lưu: HĐQT; VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHAN LÊ HIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Số: /BC-MTĐT

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
(Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

Huế, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025, PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

Phần thứ nhất
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Năm 2025 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2025–2030 trong bối cảnh thành phố Huế chính thức trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, năm của các đại hội nhiệm kỳ, năm chẵn của ngày lễ lớn của đất nước,.. yêu cầu đối với công tác môi trường đô thị và hạ tầng kỹ thuật ngày càng cao.

Bám sát Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Công ty thường niên năm 2025 và nhiệm kỳ 2025-2030, Chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và nhiệm kỳ 2025-2030, Ban Điều hành đã tập trung chỉ đạo toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, duy trì ổn định hoạt động, nâng cao hiệu quả tài chính và bảo toàn vốn nhà nước. Ban Điều hành báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

I. Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao

1. Chỉ tiêu khối lượng hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % (TH/KH)
1	Quét rác	10.000m2	49.804	49.861	100,12
2	Thu gom rác	km	194.084	199.735	102,91
3	Vận chuyển rác	tấn	202.618	210.032	103,66
4	Tưới nước rửa đường	m3	28.532	22.808	79,94
5	Xử lý rác	tấn	2.681	5.796	216,20
6	Nạo vét hệ thống TN	m3	5.077	4.170	82,14
7	Xử lý nước thải sinh hoạt	m3	38.977	38.325	98,33
8	Quản lý NTND	ha	147,61	148	100,00
9	Quản lý hệ thống chiếu sáng	trạm	359	391	108,91

2. Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản về hoạt động kinh doanh năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % (TH/KH)
1	Doanh thu thuần	358.442.263.235	311.232.498.118	86,83

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % (TH/KH)
2	Lợi nhuận trước thuế	17.205.228.635	17.893.189.544	104,00
3	Lợi nhuận sau thuế	14.968.548.913	15.715.429.918	104,99
4	Nộp ngân sách	24.200.000.000	25.207.258.108	104,16
5	TSCĐ hữu hình	192.301.929.275	224.133.944.027	116,55
5.1	TSCĐ CTPLCC	158.729.828.016	191.503.143.992	120,65
5.2	TSCĐ tính khấu hao	33.572.101.259	32.630.800.035	97,20
	Trích khấu hao TSCĐ	8.908.306.199	10.085.824.372	113,22
6	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
7	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	16.587.119	16.585.904	99,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12,00%/VĐL	12,00%/VĐL	100,00

2.2. Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Tỷ lệ %
I	Lợi nhuận trước thuế	16.479.991.150	17.893.189.544	108,58
II	Lợi nhuận sau thuế	14.398.898.938	15.715.429.918	109,14
1	Trích quỹ ĐTPT	2.879.779.788	3.800.800.943	131,98
2	Trích quỹ Khen thưởng, quỹ Phúc lợi (30%); trong đó:	4.319.119.150	4.714.628.975	109,16
	- Quỹ KT (60%)	2.591.471.490	2.828.777.385	109,16
	- Quỹ PL (40%)	1.727.647.660	1.885.851.590	109,16
3	- Tỷ lệ chia cổ tức (%/VĐL)	12,00%	12,00%	100,00
	- Chi trả cổ tức:	7.200.000.000	7.200.000.000	100,00
	+ 51% vốn góp Nhà nước	3.672.000.000	3.672.000.000	100,00
	+ 49% vốn cổ đông	3.528.000.000	3.528.000.000	100,00

3. Đánh giá chung về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2025, hoạt động của Công ty diễn ra trong điều kiện nhu cầu dịch vụ môi trường đô thị tiếp tục tăng, tuy nhiên cơ chế đấu thầu dịch vụ công ích và áp lực cạnh tranh ngày càng lớn; đồng thời chi phí đầu vào tăng trong khi đơn giá dịch vụ chưa được điều chỉnh kịp thời đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Mặc dù doanh thu thuần không đạt kế hoạch, chủ yếu do lĩnh vực xây lắp suy giảm mạnh và đơn giá dịch vụ công ích chưa được điều chỉnh kịp thời theo biến động chi phí đầu vào, Ban Điều hành đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp quản trị, tiết giảm chi phí, cơ cấu lại hoạt động và khai thác hiệu quả các lĩnh vực có biên lợi nhuận tốt; qua đó Công ty vẫn hoàn thành và vượt chỉ tiêu lợi nhuận được giao.

Công ty tiếp tục hoàn thành tốt nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, duy trì ổn định chất lượng vệ sinh môi trường, chiếu sáng, thoát nước và hạ tầng đô thị; phục vụ hiệu quả các sự kiện chính trị, văn hóa lớn của Thành phố, góp phần giữ gìn cảnh quan đô thị xanh – sạch – sáng – văn minh.

Đồng thời, Công ty từng bước triển khai các mô hình, dịch vụ mới như thu gom rác tái chế, vệ sinh công nghiệp, ứng dụng công nghệ trong quản lý, qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động và từng bước mở rộng lĩnh vực kinh doanh.

3.1. Hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công

Cung ứng sản phẩm, dịch vụ công luôn được Công ty xác định là lĩnh vực then chốt, chiếm 75,80% doanh thu; Do đó, Công ty luôn tập trung đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng năng lực mở rộng địa bàn phục vụ, vì vậy hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tiếp tục tăng trưởng cả về quy mô lẫn chất lượng và địa bàn phục vụ ngày càng mở rộng.

Trong quá trình triển khai các hợp đồng dịch vụ công trọng điểm, Công ty đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước để điều chỉnh đơn giá, bổ sung khối lượng hợp lý theo cơ chế, chính sách hiện hành; đồng thời kịp thời hoàn thiện nghiệm thu, ký phụ lục hợp đồng, xử lý các vấn đề phát sinh, bảo đảm không làm gián đoạn chất lượng dịch vụ và quyền lợi của người lao động.

Trong năm 2025, trên địa bàn thành phố Huế diễn ra nhiều sự kiện chính trị – xã hội quan trọng, có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển của Thành phố, như: sự kiện công bố Huế trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương; Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025–2030; Đại hội Thi đua yêu nước các cấp; kỷ niệm 50 năm giải phóng Thành phố Huế; tổ chức chuỗi hoạt động Festival bốn mùa, Festival Nghề truyền thống Huế; các sự kiện văn hóa – du lịch cấp quốc gia, quốc tế; các hội nghị, diễn đàn hợp tác quốc tế được tổ chức tại Huế theo định hướng xây dựng Huế trở thành Thành phố Di sản – Văn hóa – Sinh thái – Cảnh quan – Thân thiện môi trường và thông minh… Trước yêu cầu cao về chất lượng cảnh quan, vệ sinh môi trường và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong bối cảnh nhiều sự kiện quy mô lớn diễn ra liên tục, Công ty đã tập trung bố trí lực lượng, trang thiết bị, phương tiện, bảo đảm duy trì môi trường đô thị xanh – sạch – sáng, an toàn, văn minh, góp phần quan trọng vào thành công chung của Thành phố.

Đối với nhiệm vụ phục vụ phòng chống thiên tai, mưa bão, Công ty đã nhanh chóng huy động các lực lượng ứng trực 24/24h, triển khai thu gom lượng lớn rác thải phát sinh sau mưa lũ, khơi thông cống rãnh, mương thoát nước, kịp thời xử lý sự cố chiếu sáng và các điểm mất an toàn tại các tuyến đường trọng yếu. Công tác phối hợp với các phòng ban của Thành phố, các phường, cơ quan

chức năng được thực hiện chặt chẽ, kịp thời, góp phần bảo đảm an toàn cho người dân và giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Với những nỗ lực trên, Doanh thu hoạt động Cung ứng sản phẩm, dịch vụ công năm 2025 đạt hơn 236 tỷ đồng, **tăng 7,62%** so với thực hiện năm 2024.

3.2. Hoạt động kinh doanh xây lắp

Năm 2025, Công ty không còn được giao làm chủ đầu tư, hoạt động xây lắp chủ yếu thông qua đấu thầu. Trong điều kiện số lượng gói thầu hạn chế và cạnh tranh gay gắt, doanh thu lĩnh vực này đạt gần 27 tỷ đồng, bằng 42,11% so với năm 2024. Đây là nguyên nhân chính làm giảm tỷ trọng đóng góp của lĩnh vực xây lắp trong cơ cấu doanh thu.

3.3. Hoạt động kinh doanh dịch vụ

Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ duy trì tăng trưởng nhưng hiệu quả chưa đồng đều giữa các mảng.

Doanh thu kinh doanh dịch vụ năm 2025 đạt hơn 48 tỷ đồng, tăng 13,39% so với năm 2024. Trong đó, các dịch vụ truyền thống như hút hầm vệ sinh, thu gom và xử lý chất thải tiếp tục đóng vai trò chủ lực.

Hoạt động thu mua phế liệu tăng mạnh về doanh thu, tuy nhiên hiệu quả chưa tương xứng do chi phí phân loại, thu gom và vận chuyển còn cao. Đây là lĩnh vực có tiềm năng phát triển trong thời gian tới; Công ty sẽ tập trung hoàn thiện mô hình tổ chức thu gom, đầu tư hệ thống phân loại – tái chế nhằm nâng cao hiệu quả và biên lợi nhuận.

Nhìn chung, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, Ban Điều hành đã chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành, bảo đảm duy trì ổn định hoạt động và từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. Một số công tác khác

- Ngoài công tác chuyên môn, Công ty tham gia góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đối với lĩnh vực chuyên ngành. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định nội bộ.

- Tập trung thực hiện chương trình chuyển đổi số; triển khai phương án thu gom rác các phường theo yêu cầu giảm tải trong thành nội; kiện toàn lại nhân sự các đơn vị phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Không ngừng chăm lo đời sống cả về vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên của đơn vị. Luôn quan tâm và tạo điều kiện để mỗi tổ chức đoàn thể hoạt động và phát huy tốt vai trò của mình. Tích cực tham gia các hoạt động thể thao, văn nghệ do các tổ chức chính trị - xã hội phát động. Đóng góp cho các quỹ: đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, ngày công vì tuổi thơ, …mái ấm công đoàn, nạn nhân chất độc da cam,

- Công tác dân quân tự vệ, an ninh quốc phòng luôn được Công ty chú trọng. An ninh trật tự trong doanh nghiệp được bảo đảm; tài sản nhà nước được quản lý, bảo vệ an toàn.

II. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, vẫn còn một số tồn tại như sau:

1. Lĩnh vực cung ứng sản phẩm, dịch vụ công trên địa bàn Thành phố:

Hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách của các địa phương. Đây là khó khăn lớn nhất của Công ty và cũng là khó khăn chung của các doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ công trên cả nước trong quá trình thực hiện mục tiêu tăng trưởng.

Do ngân sách hạn chế nên kinh phí bố trí cho hoạt động công ích hàng năm chưa đáp ứng được nhu cầu mở rộng thu gom, tăng cường vận hành hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng phục vụ nhân dân. Đồng thời chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu của Công ty không đạt.

Đồng hành với những khó khăn của Thành phố, giá hợp đồng dịch vụ công ích nhiều năm qua chưa được điều chỉnh, trong khi đó giá đầu vào, nhất là nhiên liệu năm qua tiếp tục ở mức cao và dự kiến khả năng còn tăng gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhất là công tác vận chuyển rác về xử lý tại Nhà máy xử lý rác Phú Sơn làm cự ly vận chuyển tăng lên, thời gian tiếp nhận rác kéo dài áp lực lên phương tiện vận chuyển.

2. Lĩnh vực kinh doanh xây lắp:

- Năm 2025, Công ty không còn được giao làm chủ đầu tư nên phải tham gia đấu thầu các dự án. Đồng thời trong năm 2025 rất ít gói thầu, cạnh tranh không lành mạnh: Trong giai đoạn chuyển sang cơ chế chính quyền 2 cấp hầu như không có dự án mới tổ chức đấu thầu, số lượng dự án phù hợp với năng lực của Công ty không nhiều; Các công trình thuộc dự án dưới 5 tỷ dành cho các doanh nghiệp nhỏ, Công ty không được tham gia. Với sự thiếu hụt các công trình mới, việc cạnh tranh ngày càng gay gắt, các đơn vị tư nhân giảm giá quá sâu nên Công ty rất khó để cạnh tranh. Năm 2025 Công ty chỉ trúng được 04 công trình mới.

- Đối với các gói thầu cũ đã trúng thầu như gói thầu Toàn bộ phần xây lắp của dự án thuộc dự án Tuyến đường dọc sông Hương (phía Nam) đoạn từ cầu Dã Viên đến đường Huyền Trân Công Chúa hiện tại đang vướng mắc trong việc giải phóng mặt bằng nên chưa thể thi công tiếp được.

3. Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ khác

Theo kế hoạch chung, chỉ tiêu doanh thu lĩnh vực này năm 2025 phải tăng so với thực hiện năm 2024 tối thiểu là 17,8%. Để đạt được doanh thu trong lĩnh vực này, một mặt Công ty đã phải rất nỗ lực duy trì các khách hàng cũ đang thực hiện, mặt khác phải tăng cường tìm kiếm thị trường, khách hàng mới nhằm tăng doanh thu; đồng thời bổ sung một số dịch vụ kinh doanh mới như thu gom, thu mua rác thải tái chế sau phân loại, dịch vụ vệ sinh công nghiệp…

Việc tăng doanh thu trong lĩnh vực này cũng gặp những khó khăn nhất định:

- Đối với dịch vụ truyền thống, các khách hàng đã ký hợp đồng từ đầu năm nên việc điều chỉnh giá để tăng doanh thu là không thể, doanh thu chỉ phụ thuộc vào khối lượng thực tế phát sinh của khách hàng; việc khai thác khách hàng mới

trên địa bàn không nhiều, phụ thuộc vào việc thành lập doanh nghiệp mới (các doanh nghiệp đã và đang hoạt động trên địa bàn cơ bản đã là khách hàng truyền thống); Ngoài ra, khó khăn lớn nhất là các khách hàng lớn trên địa bàn lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ qua phương thức đấu thầu rộng rãi nên mức độ cạnh tranh lớn; đồng thời việc tăng giá cũng gặp khó khăn do các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước hiện vẫn đang áp dụng đơn giá thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt quy định tại quyết định số 94/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế) để hợp đồng (mức giá này không còn phù hợp vì hiện rác thải sinh hoạt phải vận chuyển về giao cho Nhà máy đốt rác phát điện Phú Sơn xử lý).

- Đối với dịch vụ mới: bước đầu triển khai thực hiện nên doanh thu chưa cao, đang trong giai đoạn xây dựng năng lực và chuẩn bị các điều kiện để mở rộng thị trường trong các năm tiếp theo.

Các tồn tại, hạn chế nêu trên cho thấy hoạt động của Công ty vẫn còn phụ thuộc lớn vào cơ chế cung ứng dịch vụ công ích và chưa chủ động được nguồn tăng trưởng bền vững từ thị trường.

Trên cơ sở đó, Ban Điều hành xác định năm 2026 cần tập trung khắc phục các tồn tại, đồng thời chuyển dịch theo hướng giảm dần phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, đẩy mạnh phát triển các dịch vụ có tính thị trường và nâng cao hiệu quả quản trị chi phí.

Phần thứ hai
PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

Trên cơ sở kết quả năm 2025, Ban Điều hành xác định năm 2026 tập trung vào ba định hướng trọng tâm: (i) nâng cao hiệu quả dịch vụ công ích, (ii) phát triển kinh doanh dịch vụ và (iii) tăng cường năng lực cạnh tranh trong lĩnh vực xây lắp.

Năm 2026, Công ty tiếp tục hoạt động trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, đòi hỏi công tác điều hành phải chủ động, linh hoạt và hiệu quả hơn; Phát huy những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua, Ban Điều hành Công ty đề ra một số mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện như sau:

I. Mục tiêu, chỉ tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

HEPCO là doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo mô hình công ty cổ phần (Nhà nước giữ 51% vốn điều lệ) có năng lực, bề dày kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cung ứng sản phẩm, dịch vụ công: Dịch vụ thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý chất thải, vệ sinh công cộng; Dịch vụ chiếu sáng đô thị; Dịch vụ thoát nước đô thị; Dịch vụ nghĩa trang nhân dân,.. và kinh doanh các dịch vụ vệ sinh khác, thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

Tiếp tục phát huy vai trò, thế mạnh của mình, năm 2026 HEPCO tiếp tục thực hiện các mục tiêu tổng quát như sau:

- Đảm bảo tăng trưởng doanh thu, mở rộng địa bàn phục vụ và cung ứng dịch vụ mới; tối ưu hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Duy trì, nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn lao động và tăng thu nhập cho người lao động.

2. Chỉ tiêu sản lượng chính

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch 2026
1	Quét rác	10.000m2	52.294
2	Thu gom rác	km	203.788
3	Vận chuyển rác	tấn	212.749
4	Tưới nước rửa đường	m3	29.959
5	Xử lý rác	tấn	2.815
6	Nạo vét hệ thống TN	m3	5.331
7	Xử lý nước thải sinh hoạt	m3	38.977
8	Quản lý NTND	ha	148
9	Quản lý hệ thống chiếu sáng	trạm	403

3. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % (KH/TH)
1	Doanh thu thuần	311.232.498.118	342.557.775.359	110,06
2	Lợi nhuận trước thuế	17.893.189.544	18.840.677.645	105,30
3	Lợi nhuận sau thuế	15.715.429.918	16.391.389.551	104,30
4	Các khoản nộp NS	25.207.258.108	25.500.000.000	101,16
5	TSCĐ hữu hình	224.133.944.027	118.460.268.720	52,85
5.1	TSCĐ CTPLCC	191.503.143.992	85.330.268.720	44,56
5.2	TSCĐ tính khấu hao	32.630.800.035	33.130.000.000	101,53
	Trích khấu hao TSCĐ	10.085.824.372	10.500.000.000	104,11
6	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
7	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	16.585.904	17.081.571	102,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12%/VĐL	12,29%/VĐL	102,42

(Năm 2026, Công ty dự kiến bàn giao Trung tâm quản lý và Khai thác hạ tầng thành phố Huế đối với các công trình phúc lợi công cộng, như Nghĩa trang, bãi rác, thoát nước, vỉa hè, điện chiếu sáng (phần còn lại); Các tài sản khác (bãi rác Lộc Thủy, các trạm bơm tại Lăng Cô), Công ty sẽ bàn giao khi có Quyết định của UBND Thành phố).

4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2026:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ KH/TH(%)
I	Lợi nhuận trước thuế	17.893.189.544	18.840.677.645	105,30
II	Lợi nhuận sau thuế	15.715.429.918	16.391.389.551	104,30
1	Trích quỹ ĐTPT	3.800.800.943	4.099.972.686	107,87
2	Trích quỹ Khen thưởng, quỹ Phúc lợi (30%); trong đó:	4.714.628.975	4.917.416.865	104,30
	- Quỹ KT (60%)	2.828.777.385	2.950.450.119	104,30
	- Quỹ PL (40%)	1.885.851.590	1.966.966.746	104,30
3	- Tỷ lệ chia cổ tức (%/VĐL)	12,00%	12,29%	102,42
	- Chi trả cổ tức:	7.200.000.000	7.374.000.000	102,42
	+ 51% vốn góp Nhà nước	3.672.000.000	3.760.740.000	102,42
	+ 49% vốn cổ đông	3.528.000.000	3.613.260.000	102,42

II. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Kế hoạch tổ chức sản xuất kinh doanh

1.1. Lĩnh vực cung ứng sản phẩm, dịch vụ công:

- Tiếp tục thực hiện các hợp đồng dịch vụ công ích, bảo đảm ổn định và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Phối hợp chính quyền các phường, xã đề xuất mở rộng mạng lưới thu gom, vệ sinh công cộng, tăng tần suất thu gom, vệ sinh nâng cao chất lượng phục vụ; Lập dự toán từng địa phương, khu vực và chuẩn bị hồ sơ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công theo đơn giá tối đa theo Quyết định số 2239/QĐ-UBND, nhằm duy trì ổn định mức lợi nhuận tối thiểu và thu nhập bình quân cho người lao động.

- Mở rộng địa bàn quản lý bảo trì HTTN và vận hành ĐCS, BTĐ, Hệ thống THGT; Tổ chức triển khai quản lý hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng đã thống nhất chủ trương thực hiện.

- Phối hợp chủ đầu tư hoàn thành hợp đồng cung cấp Dịch vụ xử lý nước rỉ rác theo công nghệ RO, làm cơ sở thanh toán khối lượng Công ty đã thực hiện từ giữa năm 2025 đến nay nhưng chưa thanh toán được.

- Tăng cường tiếp cận, phối hợp với chính quyền địa phương, Chủ đầu tư nhằm chủ động nắm bắt cơ hội tham gia đấu thầu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công khi có yêu cầu.

- Tiếp tục thực hiện phương án thuê Cổ đông chiến lược - Công ty TNHH Thương mại - Xây dựng và Dịch vụ vệ sinh môi trường Thừa Thiên Huế (HCP) làm nhà thầu phụ và thuê phương tiện để phục vụ sản xuất kinh doanh; tập trung nguồn lực đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, nâng cao năng lực xử lý chất thải.

1.2. Kinh doanh xây lắp:

- Tăng cường các hoạt động kinh doanh xây lắp, phát triển hạ tầng đô thị. Nâng cao năng lực, tích cực tham gia đấu thầu/ nhận đặt hàng các công trình chỉnh trang đô thị, thoát nước vỉa hè, điện chiếu sáng, nghĩa trang.

- Tổ chức triển khai hoàn thành các công trình đã trúng thầu, được chỉ định thầu đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.

- Tiếp tục theo dõi, tham gia dự thầu các công trình phù hợp.

1.3. Kinh doanh dịch vụ:

Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tiếp tục được xác định là hướng phát triển trọng tâm nhằm từng bước giảm sự phụ thuộc vào nguồn thu từ dịch vụ công ích.

Trong năm 2026, Công ty tập trung mở rộng thị trường, phát triển khách hàng ngoài ngân sách; ưu tiên khai thác các hợp đồng có tính ổn định, dài hạn; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ đối với các khách hàng truyền thống.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức cung ứng dịch vụ theo hướng linh hoạt, đồng bộ giữa các khâu thu gom – vận chuyển – xử lý – thu hồi tái chế, qua đó nâng cao hiệu quả tổng thể và khả năng cạnh tranh trên thị trường, cụ thể:

- Mở rộng thị trường, phát triển khách hàng ngoài ngân sách.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ thuộc lĩnh vực kinh doanh cho các khách hàng truyền thống.

- Tích cực tiếp cận khách hàng lớn, tiềm năng (khách sạn, chung cư, trường học, bệnh viện, khu công nghiệp, siêu thị, trung tâm thương mại) để ký hợp đồng dài hạn, định kỳ; đặc biệt khách hàng trong lĩnh vực xử lý chất thải nguy hại, xử lý chất thải công nghiệp.

- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ vệ sinh công nghiệp, kinh doanh thu gom, thu mua rác tái chế, phế liệu; Khai thác các hợp đồng đột xuất, ngắn hạn và dịch vụ trọn gói (kết hợp vệ sinh, thu gom, xử lý, thu mua phế liệu).

- Nghiên cứu cung cấp dịch vụ mới, đa dạng hóa gói dịch vụ.

1.4. Các nhiệm vụ khác

- Xây dựng đơn giá dịch vụ công ích theo quy định của Luật giá và hướng dẫn của UBND Thành phố Huế.

- Xây dựng Điều lệ, các quy chế quản trị nội bộ theo Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và các quy định hiện hành; Tiếp tục tập trung thực hiện chuyển đổi số doanh nghiệp; Tăng cường công tác quản lý thu chi, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình phân loại rác tại nguồn, tăng cường công tác hướng dẫn, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát việc thực hiện phân loại rác tại nguồn trên địa bàn các phường/xã. Sẵn sàng hỗ trợ các phường/xã trên địa bàn thành phố về phân loại rác tại nguồn theo chức năng nhiệm vụ của Công ty và nhu cầu, kế hoạch của các địa phương.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý và vận hành.

- Tăng cường quản trị chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

2.1. Mục tiêu đầu tư

- Hiện đại hóa phương tiện thiết bị, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ; tập trung nâng cao năng lực thu gom vận chuyển rác.

- Phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn.

- Di dời cơ sở xử lý Thủy Phương và đầu tư khu xử lý chất thải Hương Bình.

2.2. Danh mục dự án đầu tư

Ngoài việc tiếp tục đầu tư phương tiện thay thế các phương tiện cũ hoạt động kém hiệu quả, nâng cao năng lực vận chuyển để mở rộng địa bàn cung ứng dịch vụ và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ từ nguồn hoạt động sản xuất kinh doanh; năm 2026 Công ty tập trung đầu tư để phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn và chuẩn bị thực hiện phương án Di dời cơ sở xử lý Thủy Phương về khu xử lý chất thải Hương Bình.

3. Kế hoạch quản lý vốn nhà nước

Công ty là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ, do đó việc quản lý, sử dụng và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định liên quan.

Trong năm 2026, Công ty xác định việc quản lý vốn nhà nước phải gắn với mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đồng thời bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và cổ đông.

Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường quản trị tài chính, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm duy trì hệ số bảo toàn và phát triển vốn nhà nước ở mức $H > 1$, bảo đảm vốn nhà nước tại doanh nghiệp được sử dụng đúng mục đích, an toàn và hiệu quả.

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, cổ đông và người lao động, đồng thời tạo nguồn lực tái đầu tư để nâng cao năng lực hoạt động của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, minh bạch hóa thông tin tài chính, thực hiện chế độ báo cáo, giám sát tài chính và quản lý vốn nhà nước theo quy định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bảo đảm việc sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp an toàn, hiệu quả.

4. Kế hoạch lao động, tiền lương

Trong năm 2026, Công ty tiếp tục thực hiện quản lý lao động, tiền lương theo quy định của pháp luật và các quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp,

bảo đảm tiền lương gắn với năng suất lao động, phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh và khả năng tài chính của doanh nghiệp.

Công ty tập trung triển khai các giải pháp nâng cao năng suất lao động thông qua việc cải tiến quy trình sản xuất, tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý và điều hành sản xuất, đồng thời từng bước hiện đại hóa phương tiện, thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả công việc của người lao động.

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tiếp tục được chú trọng, đặc biệt đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật, tổ trưởng sản xuất và cán bộ quản lý. Công ty tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo an toàn lao động, đào tạo kỹ năng quản lý và vận hành thiết bị nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và từng bước nâng cao thu nhập, phúc lợi cho người lao động phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Công ty tiếp tục thực hiện rà soát, sắp xếp lao động theo hướng tinh gọn, nâng cao năng suất lao động, phù hợp với lộ trình đổi mới mô hình quản trị doanh nghiệp. Việc tuyển dụng lao động mới được thực hiện có chọn lọc, ưu tiên các vị trí kỹ thuật, vận hành thiết bị và ứng dụng công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hoạt động sản xuất kinh doanh và chuyển đổi số của doanh nghiệp.

5. Đánh giá rủi ro

5.1. Các rủi ro chính

Trong quá trình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, hoạt động của Công ty có thể chịu tác động từ một số yếu tố rủi ro như sau:

- Nguồn ngân sách bố trí cho hoạt động cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích có thể còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc mở rộng phạm vi và khối lượng cung ứng dịch vụ của Công ty.

- Giá nhiên liệu và một số chi phí đầu vào có thể tiếp tục biến động, làm gia tăng chi phí vận hành, đặc biệt đối với hoạt động thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Môi trường cạnh tranh trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích và xây lắp ngày càng gia tăng do việc thực hiện đấu thầu theo quy định của pháp luật, trong khi một số doanh nghiệp tư nhân có xu hướng giảm giá sâu để cạnh tranh.

- Các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực môi trường, quản lý chất thải và cung ứng dịch vụ công ích có thể được điều chỉnh, bổ sung trong thời gian tới, đòi hỏi doanh nghiệp phải kịp thời thích ứng.

5.2. Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro

Để chủ động ứng phó với các rủi ro nêu trên, Công ty sẽ triển khai một số giải pháp như sau:

- Tăng cường công tác quản trị chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, tiết kiệm chi phí sản xuất nhằm giảm thiểu tác động của biến động giá đầu vào.

- Đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, mở rộng thị trường ngoài lĩnh vực dịch vụ công ích nhằm tăng nguồn thu và giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước.

- Từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, hiện đại hóa phương tiện và thiết bị nhằm nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí vận hành.

- Chủ động theo dõi, cập nhật các chính sách, quy định của Nhà nước trong lĩnh vực môi trường, dịch vụ công ích và đầu tư xây dựng để kịp thời điều chỉnh phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các nội quy, quy chế nội bộ của Công ty; cải tiến các quy trình, hình thức quản lý không còn phù hợp; củng cố tổ chức và công tác nhân sự; sắp xếp lại cơ cấu phù hợp đối với một số phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc thực hiện Giải pháp tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục tăng cường quảng bá hình ảnh Công ty, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ qua website, mạng xã hội,..

- Đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định, chăm lo cho người lao động.

***

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2026.

Ban Điều hành cam kết tiếp tục đổi mới công tác quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

Ban Điều hành Công ty kính chúc quý vị đại biểu, các vị khách quý cùng toàn thể cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Khánh

UBND THÀNH PHỐ HUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Số /BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 21 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH, PHƯƠNG ÁN PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, CHI TRẢ CỔ TỨC NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 20/06/2020, có hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ bổ sung lần thứ hai thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 28/04/2021;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã được chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ Tin học Moore AISC tại Đà Nẵng đã thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính của Công ty năm 2025 và phát hành báo cáo đã kiểm toán ngày 23/03/2026.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 về báo cáo các chỉ tiêu tài chính, phương án phân chia lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch năm 2026 như sau:

I. Báo cáo một số chỉ tiêu tài chính năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % (TH/KH)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=4/3
01	Doanh thu thuần	358.442.263.235	311.232.498.118	86,83
02	Lợi nhuận trước thuế	17.205.228.635	17.893.189.544	104,00
03	Lợi nhuận sau thuế	14.968.548.913	15.715.429.918	104,99
04	Các khoản nộp ngân sách	24.200.000.000	25.207.258.108	104,16
05	TSCĐ hữu hình	192.301.929.275	224.133.944.027	116,55
5.1	TSCĐ CTPLCC	158.729.828.016	191.503.143.992	120,65
5.2	TSCĐ tính khấu hao	33.572.101.259	32.630.800.035	97,20
	Trích khấu hao TSCĐ	8.908.306.199	10.085.824.372	113,22
06	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
07	Thu nhập b/q (đồng/người/tháng)	16.587.119	16.585.904	99,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12%/VĐL	12%/VĐL	100,00

Nhận xét và đánh giá tình hình tài chính Công ty năm 2025:

- Năm 2025 là năm thứ nhất, triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2025 – 2030

đã đề ra. Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo triển khai thực hiện, hàng tháng họp Hội đồng quản trị mở rộng, đánh giá từng nhiệm vụ cụ thể theo sự phân công trách nhiệm của từng thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban điều hành, triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng công việc cụ thể, kiểm tra, đánh giá những nhiệm vụ đã thực hiện và chưa thực hiện, trên cơ sở đó tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện để kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2025; Tuy nhiên chỉ tiêu doanh thu so với kế hoạch giảm 13%; nhưng lợi nhuận sau thuế thực hiện 2025 tăng so với kế hoạch 2025 là 5%, thu nộp ngân sách tăng 4,16%.

Lý do doanh thu thực hiện giảm so với kế hoạch, vì thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố Huế về giao chỉ tiêu tăng trưởng doanh thu năm 2025 là 10%, tăng so với thực hiện năm 2024: 11,4. Do đơn giá dự toán đấu thầu vẫn đang áp dụng đơn giá thấp hơn khoảng 14% so với đơn giá tại Quyết định số 2239/QĐ-UBND của UBND tỉnh TT Huế (nay là UBND thành phố Huế), khối lượng hầu như không tăng so với các Hợp đồng năm trước. Ngoài ra, thực hiện Quyết định số 39/2025/QĐ-UBND của UBND thành phố Huế, HEPCO phải điều chỉnh công tác thu gom rác các địa bàn thực hiện từ ngày sang đêm, tuy nhiên khối lượng này vẫn chưa được chỉnh đơn giá làm đêm. Việc giảm doanh thực hiện so với chỉ tiêu kế hoạch, chủ yếu do yếu tố về đơn giá dịch vụ và thực hiện công tác đấu thầu thi công các công trình xây dựng cơ bản, rào cản về cơ chế giá đấu thầu, việc tính toán khi đấu thầu đảm bảo chi phí và có lợi nhuận, là một trong những giải pháp hết sức quan trọng, chính vì vậy việc tham gia thực hiện đấu thầu hầu hết không trúng thầu, trên cơ sở đó HĐQT và Ban điều hành Công ty cũng đã chủ động tính toán, tiết kiệm tối đa các khoản chi phí sản xuất để tăng thu nhập cho người lao động, tăng lợi nhuận, đảm bảo chia cổ tức cho các tổ đông, trong đó cổ đông nhà nước chiếm tỷ lệ 51%/vốn điều lệ, tỷ lệ chia cổ tức 2025, dự kiến 12%/vốn điều lệ

- Giải quyết kịp thời mọi chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi của CBCNV và người lao động, Thực hiện việc trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định bảng xếp lương doanh nghiệp, mức lương tối thiểu vùng, các khoản chi phí thanh toán tiền điện, chi phí nguyên vật liệu đầu vào đều tăng so với đơn giá thực tế.

- Công tác quản lý tài chính Công ty đã thực hiện đúng theo quy chế quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết Hội đồng quản trị; Điều lệ Công ty và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo đúng quy định của Pháp luật, đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất. Tiền lương và các chế độ khác, thực hiện chi trả đầy đủ và kịp thời cho CBCNVC và người lao động. Thường xuyên kiểm tra, soát xét các chỉ tiêu về vốn, thực hiện nộp ngân sách các khoản liên quan về thuế và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định hiện hành.

- Thực hiện nhiều biện pháp và giải pháp về quản lý các khoản nợ phải thu và nợ phải trả. Do đó trong năm 2025 Công ty không có tình trạng nợ kéo dài và

nợ khó đòi không có khả năng thu hồi nợ, thực biện thanh toán kịp thời các khoản nợ phải trả đối với khách hàng.

- Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của nhà nước, tăng giảm vốn năm 2025 như sau.

+ Đến thời điểm 31/12/2025. Tổng tài sản cố định hữu hình, giá trị còn lại là: 224.133.944.027 VNĐ; trong đó: Giá trị TSCĐ các công trình phúc lợi Công ty đang quản lý: 191.503.143.992 VNĐ; giá trị tài sản cố định còn lại thuộc phương tiện thiết bị, nhà và các tài sản khác, tính khấu hao hạch toán phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh là: 32.630.800.035 VNĐ; trong năm 2025 Công ty sử dụng nguồn vốn khấu hao mua sắm phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị, tổng số tiền là: 9.013.831.212 VNĐ, đã hạch toán tăng tài sản và tính khấu hao kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng, chi phí khấu hao năm 2025 là: 10.085.824.372 VNĐ; dự kiến sử dụng vốn khấu hao mua sắm tài và đầu tư khác, số tiền là: 11.000.000.000 VNĐ, dự kiến khấu hao hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh: 10.500.000.000đ; giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình, tính khấu hao, dự kiến thời điểm 31/12/2026 là: 33.130.000.000 VNĐ.

+ Năm 2026, Công ty dự kiến bàn giao qua Trung tâm quản lý và Khai thác hạ tầng Thành phố Huế đối với các công trình phúc lợi công cộng; như Nghĩa trang, bãi rác, thoát nước, vỉa hè, điện chiếu sang (phần còn lại): Giá trị còn lại là: 106.172.875.313 VNĐ, giá trị còn lại thuộc bãi bác, các trạm bơm tại Lăng cô, số tiền là: 85.330.268.720 VĐ, Công ty sẽ bàn giao đầy đủ khi có Quyết định của UBND Thành phố.

- Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng giải quyết mọi chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi của cán bộ công nhân viên và người lao động; Thực hiện việc trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định bảng xếp lương doanh nghiệp theo mức lương tối thiểu vùng, các khoản chi phí thanh toán tiền điện, chi phí nguyên vật liệu đầu vào đều tăng so với đơn giá thực tế. Công tác quản lý tài chính Công ty đã thực hiện đúng theo quy chế quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết Hội đồng quản trị; Điều lệ Công ty và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo đúng quy định của Pháp luật, đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất. Tiền lương và các chế độ khác, thực hiện chi trả đầy đủ và kịp thời cho CBCNVC và người lao động.

- Thực hiện nhiều biện pháp và giải pháp về quản lý các khoản nợ phải thu và nợ phải trả. Do đó trong năm 2025, Công ty không có tình trạng nợ kéo dài và nợ khó đòi không có khả năng thu hồi nợ, thực biện thanh toán kịp thời các khoản nợ phải trả đối với khách hàng.

- Thực hiện quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của nhà nước, luôn đảm bảo hệ số bảo toàn vốn >1, thực hiện luân chuyển nguồn vốn đảm bảo theo quy định; trong đó vốn Nhà nước 51% trên vốn Điều lệ; vốn cổ phần 49%.Công ty thực hiện công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT -BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được công khai trên trang website: http://hepco.com.vn. Mục quan hệ cổ đông, Công bố trên hệ thống công bố thông tín của (IDS); (CIMS) về báo cáo giám sát tài chính

6 tháng, báo cáo tài chính năm, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên, phương án phân chia lợi nhuận, chia cổ tức hàng năm, công bố thông tin bất thường theo quy định vv…

II. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 2026:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % (KH/TH)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4/3)
01	Doanh thu thuần	311.232.498.118	342.557.775.359	110,06
02	Lợi nhuận trước thuế	17.893.189.544	18.840.677.645	105,30
03	Lợi nhuận sau thuế	15.715.429.918	16.391.389.551	104,30
04	Các khoản nộp NS	25.207.258.108	25.500.000.000	101,16
05	TSCĐ hữu hình	224.133.944.027	118.460.268.720	52,85
5.1	TSCĐ CTPLCC	191.503.143.992	85.330.268.720	44,56
5.2	TSCĐ tính khấu hao	32.630.800.035	33.130.000.000	101,53
	Trích khấu hao TSCĐ	10.085.824.372	10.500.000.000	104,11
06	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
07	Thu nhập b/q (đồng/người/tháng)	16.585.904	17.081.571	102,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12%/VĐL	12,29%/VĐL	102,42

III. Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2026:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ KH/TH(%)
I	Lợi nhuận trước thuế	17.893.189.544	18.840.677.645	105,30
II	Lợi nhuận sau thuế	15.715.429.918	16.391.389.551	104,30
1	Trích quỹ ĐTPT (24%)	3.800.800.943	4.099.972.686	107,86
2	Trích quỹ KT, quỹ PL	4.714.628.975	4.917.416.865	104,30
	Trong đó:			
	- Quỹ Khen thưởng 60%	2.828.777.385	2.950.450.119	104,30
	- Quỹ Phúc lợi 40%	1.885.851.590	1.966.966.746	104,30
3	Chia cổ tức	7.200.000.000	7.374.000.000	102,42
	Trong đó:			
	- Cổ đông NN: 51%	3.672.000.000	3.760.740.000	102,42
	- Cổ đông khác: 49%	3.528.000.000	3.613.260.000	102,42

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ KH/TH(%)
4	Chia cổ tức (%/VĐL)	12%	12,29%	102,42

IV. Kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký năm 2026:

STT	Chức danh	Số tiền (đ/ng/tháng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	14.800.000	Theo số liệu các Sở và UBND thành phố đã thẩm tra (20%/x TL)
2	Thành viên HĐQT	12.000.000	
3	Trưởng Ban KS	12.000.000	
4	Thư ký Công ty	10.000.000	
5	UV Ban Kiểm soát	5.000.000	

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026, Công ty tập trung chỉ đạo triển khai một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực môi trường hiện nay trên địa bàn tỉnh có nhiều doanh nghiệp cạnh tranh, Công ty cần phải xây dựng các giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh, giữ sự ổn định của khách hàng hiện tại và khai thác, tìm kiếm khách hàng mới trong kinh doanh dịch vụ thu gom vận chuyển và xử lý rác thải, nghiên cứu thực hiện cơ chế tài chính để có nguồn kinh phí khuyến khích khách hàng, góp phần tăng doanh thu trong mọi hoạt động của Công ty.

- Phân tích đối thủ cạnh tranh và xây dựng, lập phương án kinh doanh với chính sách, chất lượng, giảm giá thành dịch vụ để thu hút khách hàng cạnh tranh và tham gia đấu thầu đối với một số các loại hình dịch vụ đang thực hiện cơ chế đấu thầu theo quy định. Tăng cường công tác truyền thông, chăm sóc khách hàng, quảng bá hình ảnh hoạt động Công ty, giải quyết nhanh và kịp thời những tồn tại và một số các ý kiến của các tổ chức và người dân liên quan đến hoạt động Công ty

- Nghiên cứu đề ra các giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông và người lao động, hoàn thành tốt nghĩa vụ với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ công nhân viên và người lao động trong Công ty. Xây dựng các giải pháp bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số, sự liên kết thông tin giữa các đơn vị trực thuộc, kết nối trên nền tảng một hệ thống công nghệ đồng nhất, giúp cho các vấn đề phát sinh được giải quyết ngay khi xảy ra và sự vận hành không bị tắc nghẽn trong hoạt động của Công ty, phục vụ khách hàng không bị chậm trễ. Nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung Quy chế quản lý công ty; quản lý tài chính; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát, để tạo động lực thúc đẩy sản xuất và kinh doanh ngày càng phát triển.

- Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại Công ty, pháy huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ công nhân viên và người lao động, thực hiện việc công khai minh bạch về kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, việc phân phối lợi nhuận, thực hiện tốt công tác báo cáo của người Đại diện phần vốn đối với Chủ sở hữu và đề xuất phương án phân phối lợi nhuận và phân chia cổ tức, trình xin ý kiến chủ sở hữu trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.

- Rà soát, điều chỉnh và ban hành mới về hệ thống khung pháp lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế Công ty: Các quyết định, quy định, quy trình, cơ chế, phân cấp, phân quyền để tạo sự chủ động và chịu trách nhiệm tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo hiệu quả công việc.

- Sớm xây dựng và ban hành quy chế trả lương theo vị trí việc làm, đối với bộ phận quản lý, cần soát xét về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bố trí đúng vị trí việc làm để phát huy tốt công việc được phân công, cần soát xét tinh giảm đối vơi cán bộ bố trí không phù hợp với trình độ chuyên môn đã đào tạo tại các phòng, ban quản lý các đơn vị trực thuộc; đối vơi công nhân trực tiếp sản xuất, tính toán lại định mức lao động để khoán tiền lương theo định mức đơn giá, trên cơ sở đó cơ cấu sắp xếp lại lao động đảm bảo hợp lý. Tiếp tục kiện toàn bộ máy đảm bảo tinh gọn, phù hợp với thực tế và chuyên môn hóa trong công việc. Đây là nội dung rất quan trọng là một trong những giải pháp về tiết kiệm chi phí, tăng lợi nhuận.

- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi số, áp dụng các giải pháp quản trị và vận hành số hóa sẽ tăng cường tinh hiệu quả và chính xác trong các quyết định của doanh nghiệp. Đồng thời chuyển đổi số giúp Công ty nâng cao khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác, tối ưu hóa quản trị, chi phí, lợi nhuận, tương tác nhanh chóng với khách hàng, chính sách chăm sóc và phục vụ khách hàng. Thực hiện nhiều biện pháp tăng cường công tác quản lý SXKD chặt chẽ, tiết kiệm chi phí hợp lý, đảm bảo có hiệu quả trong kinh doanh.

Trên đây là một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình tài chính Công ty năm 2025 và phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2025, kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức, chi trả thù lao cho HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐ; (để thông qua)
- Lưu: HĐQT; BKS; VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHAN LÊ HIẾN

UBND THÀNH PHỐ HUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Số /BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày 21 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2026 (TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026)

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về công tác quản trị và điều hành năm 2025, phương hướng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị năm 2026 như sau:

I. Thực hiện nhiệm vụ năm 2026:

Các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi tham dự họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phan Lê Hiến	19	100%	
2	Trần Quốc Khánh	19	100%	
3	Dương Thị Huệ	19	100%	
4	Trần Hữu Ân	19	100%	
5	Nguyễn Văn Rin	19	100%	

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã họp 19 đợt, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, đã thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nêu cao tinh thần trách nhiệm trước tập thể, có những đóng góp tích cực trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị đã bám sát tình hình thực tiễn, phát huy những thế mạnh liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty, chỉ đạo và định hướng để Ban Tổng giám đốc điều hành thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 đã đề ra. Các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, các loại hình dịch vụ đều lấy khách hàng làm trọng tâm. Định hướng phát triển, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh, phương thức quản lý, đào tạo, bồi dưỡng về nguồn nhân lực được chú trọng và triển khai thực hiện.

II. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:

Trong năm 2025, HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng định hướng, giám sát và kiểm tra đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Công tác giám sát được triển khai thường xuyên, gắn với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.

HĐQT theo dõi việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025; việc điều hành các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty; công tác đấu thầu, ký kết và điều chỉnh hợp đồng kịp thời, đảm bảo duy trì hoạt động cung ứng dịch vụ ổn định, liên tục trên địa bàn được giao; dịch vụ mới được hình thành, năng lực cung ứng ngày càng được nâng cao.

HĐQT giám sát việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản; thực hành tiết kiệm, kiểm soát chi phí; đảm bảo thu nhập, chế độ, chính sách đối với người lao động; đồng thời theo dõi việc chấp hành các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

Thông qua công tác giám sát, HĐQT đánh giá Ban Tổng giám đốc đã nỗ lực triển khai các giải pháp điều hành phù hợp với điều kiện thực tế. Mặc dù doanh thu năm 2025 chưa đạt kế hoạch đề ra do những khó khăn khách quan của lĩnh vực xây lắp và hạn chế về nguồn ngân sách địa phương đối với dịch vụ công ích, Công ty vẫn đảm bảo ổn định hoạt động, duy trì hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước.

HĐQT thực hiện giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, việc lập và công bố thông tin định kỳ, bất thường theo quy định; ban hành đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định làm cơ sở cho Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện.

III. Kết quả giám sát đối với Ban điều hành và cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị giám sát Ban điều hành Công ty thông qua việc kiểm tra đánh giá tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong năm 2025, Ban điều hành dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT đã triển khai thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chủ động đề ra các giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý và các khoản chi phí liên quan khác để đảm báo chi phí cho hoạt động kinh doanh có hiệu quả, do đơn giá nguyên nhiên, vật liệu, tiền lương tối thiểu vùng đều tăng, nhưng đơn giá xây dựng trong công tác đặt hàng và đấu thầu vẫn thấp hơn so với Quyết định số 2239 UBND tỉnh (nay là UBND thành phố) ban hành từ năm 2016 đến tại thời điểm này, đơn giá vẫn chưa được điều chỉnh

IV. Việc chấp hành, của người đại diện đối với chủ trương, nghị quyết và chỉ đạo của chủ sở hữu:

- Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có những khó khăn, tiền lương tối thiểu vùng, thực hiện trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định bảng xếp lương doanh nghiệp,các khoản chi phí thanh toán tiền điện, chi phí nguyên vật liệu đầu vào đều tăng so với đơn giá thực tế; từ những khó khăn đó, Công ty đã đưa ra nhiều giải pháp chỉ đạo tiết kiệm chi phí; Như việc thực hiện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ; giải pháp không tăng thêm lao động gián tiếp khi có lao động khối gián tiếp nghỉ hưu theo quy định tinh giảm dần lao động gián tiếp và trực tiếp để thực hiện giảm chi phí tiền lương, thực hiện khoán các khoản chi phí sử dụng công cụ, dụng cụ, chi phí điện thoại, chi phí văn phòng phẩm và một số các khoản chi phí liên quan khác để đảm bảo lợi nhuận thực hiện sau thuế tăng, đảm bảo chia cổ tức đối với phần vốn Nhà nước

và chia cổ tức cho các cổ đông hàng năm. Công tác quản lý tài chính Công ty đã thực hiện đúng theo quy chế quản lý tài chính công ty; quy chế chi tiêu nội bộ; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2025; Điều lệ Công ty và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo chất lượng và hiệu quả đáp ứng được nhu cầu vốn sản xuất. Tiền lương và các chế độ khác, thực hiện chi trả đầy đủ và kịp thời cho CBCNVC và người lao động. Trích nộp các khoản phải trích nộp BHXH, BHYT, BHTN kịp thời và đầy đủ theo quy định.

- Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư; kế hoạch đầu tư, khối lượng thực hiện, tình hình và khả năng thanh toán vốn đầu tư thực hiện đảm bảo đúng các văn bản quy định hiện hành của nhà nước; công tác giải ngân vốn theo đúng kế hoạch bố trí vốn hàng năm.

- Thực hiện nhiều biện pháp và giải pháp về quản lý các khoản nợ phải thu và nợ phải trả. Do đó trong năm qua, Công ty không có tình trạng nợ kéo dài và nợ khó đòi không có khả năng thu hồi nợ, thực biện thanh toán kịp thời các khoản nợ phải trả đối với khách hàng. Tổng nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu các năm đều giảm.

- Luân chuyển nguồn vốn đảm bảo theo quy định; trong đó vốn Nhà nước 51% trên vốn Điều lệ; vốn cổ phần 49%.

- Hoàn thành thủ tục giao dịch chứng khoán trên sàn UpCom thuộc sàn giao dịch chứng khoán Hà nội; đồng thời Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số Công ty thực hiện công bố thông tin theo Thông tư số 96/2020/TT -BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được công khai trên trang website: http://hepco.com.vn. Mục quan hệ cổ đông, Công bố trên hệ thống công bố thông tín của (IDS); (CIMS) về báo cáo giám sát tài chính 6 tháng, báo cáo tài chính năm, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên, phương án phân chia lợi nhuận, chia cổ tức hàng năm, công bố thông tin bất thường theo quy định vv…

- Ngoài duy trì tốt các hoạt động công ích thường xuyên, Công ty đã tập trung nhân lực, phương tiện hoàn thành tốt công tác vệ sinh, chỉnh trang đô thị phục vụ các dịp Tết Dương lịch; Tết Âm lịch; Ngày thống nhất đất nước 30/4; Festival Huế và các sự kiện chính trị, xã hội khác diễn ra trên địa bàn thành phố.

- Hoàn thành công tác đầu tư các dự án trong 5 năm; như, Thoát nước, Điện chiếu sáng, Chỉnh trang vỉa hè…Lập phương án Mở rộng Nghĩa trang nhân dân phía Bắc và phía Nam Thành phố.

V. Việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí; nội quy, quy chế Công ty:

Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với trách nhiệm là Người đại diện phần vốn nhà nước, đã thường xuyên nghiên cứu các văn bản quy định của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty, ban hành các nội quy, quy chế Công ty phù hợp

với hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong 5 năm, mặc dù Công ty đã có rất nhiều Đoàn thanh kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước. Qua thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, Công ty đã thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, điều hành thực hiện tốt mọi nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, không có tình trạng thất thoát về vốn và tài sản, tiết kiệm tối đã các khoản chi phí sản xuất để tăng lợi nhuận

VI. Kết quả kinh doanh

1.Kết quả kinh doanh thực hiện năm 2025 tóm tắt như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % (TH/ KH)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)= (4/3)
01	Doanh thu thuần	358.442.263.235	311.232.498.118	86,83
02	Lợi nhuận trước thuế	17.205.228.635	17.893.189.544	104,00
03	Lợi nhuận sau thuế	14.968.548.913	15.715.429.918	104,99
04	Các khoản nộp ngân sách	24.200.000.000	25.207.258.108	104,16
05	TSCĐ hữu hình	192.301.929.275	224.133.944.027	116,55
5.1	TSCĐ CTPLCC	158.729.828.016	191.503.143.992	120,65
5.2	TSCĐ tính khấu hao	33.572.101.259	32.630.800.035	97,20
	Trích khấu hao TSCĐ	8.908.306.199	10.085.824.372	113,22
06	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
07	Thu nhập b/q (đông/người/tháng)	16.587.119	16.585.904	99,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12%/VĐL	12%/VĐL	100,00

Chỉ tiêu doanh thu đạt 86,83% kế hoạch, vì do điều chỉnh chỉ tiêu doanh thu tăng trưởng 10% theo ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố, chủ yêu giảm chỉ tiêu kinh doanh xây lắp, giảm 56%, do thực hiện cơ chế đấu thầu trên hệ thống mạng Quốc gia, công tác đấu thầu có nhiều bất cập và rào cản về cơ chế giá, Công ty là một trong những doanh nghiệp có nhiều kinh nghiệm trong việc tổ chức thi công các công trình thoát nước, vỉa hè, hệ thống điện chiếu sáng, tất cả các công trình Công ty thực hiện thi công đều đảm bảo chất lượng và thẩm mỹ, nhưng khi thực hiện đấu thầu đa phần bị trật thầu, do đó đã ảnh hưởng đến việc tăng trưởng doanh thu. Do công tác chỉ đạo điều hành rất quyết liệt, Hội đồng quản trị cũng đề ra nhiều giải pháp để quản lý chi phí đầu vào, nên lợi nhuận sau thuế tăng 5% so vơi kế hoạch năm 2025, chỉ tiêu thu nộp ngân sách cũng tăng 4,16% so với kế hoạch năm. Công tác giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự điều hành của Ban Tổng giám đốc, sự nỗ lực của người lao động trong Công ty đã phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đề ra (số liệu đã tóm tắt chi tiết tại biểu trên).

2. Công tác cổ đông:

Cơ cấu cổ đông công ty theo danh sách chốt cuối ngày 25/02/2025 (Thực hiện quyền bỏ phiếu).

	Số cổ đông	Cổ phần sở hữu	Trị giá (đồng)	Tỷ lệ % / VĐL
1. Cổ đông nhà nước	02	3.060.000	30.600.000.000	51,00%
2. Cổ đông là người lao động và người đã nghỉ hưu	373	2.059.213	20.592.130.000	34,32%
3. Cổ đông chiến lược	01	619.500	6.195.000.000	10,33%
4.Cổ đông ngoài	47	261.287	2.612.870.000	4,35%
Tổng cộng	423	6.000.000	60.000.000.000	100,00%

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Công ty Cổ phần có 51% vốn Nhà nước, Ông Phan lê Hiến - Chủ tịch HĐQT, nắm giữ 60/51% phần vốn nhà nước: 18.360.000 cổ phần; Ông Trần Quốc Khánh - TVHĐQT - Tổng Giám đốc, nắm giữ 40/51%: 1.224.000 cổ phần, tổng số cổ phần sở hữu 51% vốn nhà nước là: 3.060.000 cổ phần; 373 cổ đông là CBCNVC và người lao động trong Công ty và số cổ đông đã nghỉ hưu, sở hữu 2.059.213 cổ phần; 01 cổ đông chiến lược là Công ty TNHH TM XD và dịch vụ Môi trường Thừa Thiên Huế sở hữu: 619.500 cổ phần; 47 cổ đông ngoài, sở hữu: 261.287 cổ phần. Công ty đã có văn bản báo cáo xin ý kiến UBND thành phố Huế về việc thống nhất các nội dung để Người đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026, dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, ngày **15/05/2026**

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ hoạt động SXKD

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % (KH/TH)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4/3)
01	Doanh thu thuần	311.232.498.118	342.557.775.359	110,06
02	Lợi nhuận trước thuế	17.893.189.544	18.840.677.645	105,30
03	Lợi nhuận sau thuế	15.715.429.918	16.391.389.551	104,30
04	Các khoản nộp NS	25.207.258.108	25.500.000.000	101,16
05	TSCĐ hữu hình	224.133.944.027	118.460.268.720	52,85
5.1	TSCĐ CTPLCC	191.503.143.992	85.330.268.720	44,56
5.2	TSCĐ tính khấu hao	32.630.800.035	33.130.000.000	101,53
	Trích khấu hao TSCĐ	10.085.824.372	10.500.000.000	104,11

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % (KH/TH)
06	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
07	Thu nhập b/q	16.585.904	17.081.571	102,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12%/VĐL	12,29%/VĐL	100,00

Để triển khai thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản năm 2026. Hội đồng quản trị đề ra một số nhiệm vụ cụ thể nhưu sau:

- Mở rộng đa dạng hoá các loại hình dịch vụ trên địa bàn toàn Tỉnh, tham gia thực hiện đấu thầu đối với các gói thầu thu gom, vận chuyển rác, đấu thầu công tác quản lý hệ thống thoát nước, lề đường, hệ thống điện chiếu sáng, thi công các công trình XCCB, công tác trồng và chăm sóc cây xanh….;

- Nâng cao chất lượng của các loại hình dịch vụ, đảm bảo chất lượng, thẩm mỹ. Tăng cường mối quan hệ hợp tác với các địa phương; các ban quản lý dự án; các đối tác nước ngoài, các đơn vị kinh doanh, nhằm thúc đẩy Công ty phát triển bền vững, đời sống CBCNV và người lao động ngày càng được cải thiện và nâng cao;

- Nghiên cứu đề ra phương án và các giải pháp tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành đối với các loại dịch vụ để thực hiện giải pháp cạnh tranh trên các lĩnh vực công ty đang hoạt động. Huy động các nguồn vốn hợp pháp để tiếp tục đầu tư mua sắm phương tiện thiết bị đảm bảo cho hoạt động kinh doanh, đồng thời tiếp tục đầu tư mua sắm phương tiện thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, đáp ứng kịp thời trong công tác quản lý, điều hành hoạt động Công ty;

- Xây dựng các phương án để cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể để thuận tiện trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhận thức được điều này, công ty đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

+ Xây dựng các giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh, giữ vững sự ổn định của khách hàng hiện tại và khai thác, tìm kiếm khách hàng mới trong kinh doanh dịch vụ thu gom vận chuyển rác thải, nghiên cứu thực hiện cơ chế tài chính để có nguồn kinh phí khuyến khích khách hàng, góp phần tăng doanh thu trong mọi hoạt động của Công ty;

+ Xây dựng phương án kinh doanh với chính sách, chất lượng, giảm giá thành dịch vụ để thu hút khách hàng cạnh tranh và tham gia đấu thầu đối với một số các loại hình dịch vụ đang thực hiện cơ chế đấu thầu theo quy định. Tăng cường công tác truyền thông, chăm sóc khách hàng, quảng bá hình ảnh hoạt động Công ty, giải quyết nhanh và kịp thời những tồn tại và một số các ý kiến của các tổ chức và người dân liên quan đến hoạt động Công ty;

+ Triển khai thực hiện đề án chuyển đổi số. Tiếp tục triển khai và duy trì sử dụng trang mạng xã hội Facebook …để quảng bá tuyên truyền các nội dung nâng cao ý thức của người dân về việc đổ rác đúng giờ, đúng nơi quy định, đồng thời giới thiệu, quảng bá các loại hình dịch vụ Công ty đang thực hiện;

+ Nghiên cứu đề ra các giải pháp triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông và

người lao động, hoàn thành tốt nghĩa vụ với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ công nhân viên và người lao động trong Công ty. Xây dựng các giải pháp bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả;

+ Tiếp tục thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tại Công ty, pháy huy quyền làm chủ tập thể của cán bộ công nhân viên và người lao động, thực hiện việc công khai minh bạch về kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, việc phân phối lợi nhuận, thực hiện tốt công tác báo cáo của người Đại diện phần vốn nhà nước đối với Chủ sở hữu và đề xuất phương án phân phối lợi nhuận và phân chia cổ tức, trình xin ý kiến chủ sở hữu trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2027

+ Có kế hoạch triển khai thực hiện hoàn thành tốt một số các dự án hiện nay thành phố Huế đang tiếp tục giao công ty làm chủ đầu tư và chỉ định thầu thực hiện triển khai thi công. Hoàn thành công tác quyết toán vốn đối với đơn vị chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và đề nghị chuyển Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư đối với công trình hoàn thành qua Trung tâm Quản lý và khai thác hạ tầng Đô thị thành phố Huế tiếp nhận theo quy định.

2. Công tác quản trị Công ty

Rà soát, điều chỉnh khung pháp lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế Công ty: Các quyết định, quy định, quy trình, cơ chế, phân cấp, phân quyền để tạo sự chủ động và chịu trách nhiệm. Tăng cường kiểm tra, giám sát đảm bảo hiệu quả công việc.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy đảm bảo tinh gọn, phù hợp với thực tế với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Xác định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư mua sắm TSCĐ từ năm 2026

HĐQT Công ty xác định nguồn vốn đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn khấu hao TSCĐ và nguồn vốn hợp pháp khác. Trên cơ sở kiểm tra, đánh giá của các Phòng chuyên môn và các đơn vị trực tiếp sử dụng phương tiện thiết bị trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện vận chuyển rác thải về Phú Sơn, sự cần thiết phải đầu tư mua sắm mới các loại phương tiện thiết bị chuyên dùng; sửa chữa lớn các loại phương tiện thiết bị đã trích khấu hao hết thời gian quy định. Nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hội đồng quản trị, căn cứ Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp hiện hành sẽ xem xét và thống nhất ban hành Nghị quyết trước khi triển khai thực hiện sử dụng nguồn vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định năm 2026.

4. Về quản lý

Triển khai thực hiện đề án chuyển đổi số trong toàn Công ty, tiếp tục áp dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện nhiều biện pháp, giải pháp tăng cường công tác quản lý SXKD chặt chẽ, tiết kiệm chi phí hợp lý, đảm bảo có hiệu quả trong kinh doanh.

5. Về nhân sự - lao động

Thực hiện việc sắp xếp công tác tổ chức, bộ máy đảm bảo tinh gọn, hợp lý và hiệu quả, từng bước tinh giảm lao động tại các đơn vị Xí nghiệp trực thuộc và

khối quản lý văn phòng Công ty, để góp phần vào việc thực hiện phương án tiết kiệm chi phí sản xuất trong hoạt động kinh doanh. Tiền lương thu nhập của người lao động được duy trì, ổn định, chú trọng công tác quy hoạch nhân sự, cần xét xét kỹ đối với công tác nhân sự, yếu tố con người là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý tại Công ty, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực của Công ty trong năm 2026 và các năm tiếp theo.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường năm 2026 có ý kiến tham gia.

Nơi nhận:
- HĐQT; BTGĐ; BKS.
- Lưu: HĐQT; VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
DN: C=VN, L=HUẾ, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3300101082
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026-04-23 17:20:21

PHAN LÊ HIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
BAN KIỂM SOÁT
Số /BC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Thành phố Huế, ngày 21 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO

DỰ THẢO **Hoạt động của Ban kiểm soát**
tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ:

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28/04/2021;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1.Về tình hình nhân sự và tổ chức:

Nhiệm kỳ 2025 – 2030, Đại hội đồng cổ đông ngày 27/06/2025 đã bầu Ban kiểm soát gồm 03 thành viên

1. Ông Trương Thị Lan Hương: Trưởng Ban kiểm soát
2. Bà Phan Thị Trang: Thành viên Ban Kiểm soát
3. Bà Võ Thị Diệu Phương: Thành viên Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, nhưng đã luôn sắp xếp thời gian để hoàn thành nhiệm vụ

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025

- Trong năm 2025, trên cơ sở hồ sơ, số liệu được cung cấp và trong phạm vi thẩm quyền của mình, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát các hoạt động trọng yếu của Công ty, bao gồm theo dõi việc thực kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và sử dụng vốn, thẩm định báo cáo tài chính, các khoản chi phí sản xuất; giám sát phân công nhiệm vụ, thực hiện Nghị quyết và phân phối lợi nhuận và phân chia cổ tức, kiểm soát doanh thu, chi phí và bảo toàn vốn, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn minh bạch và đúng theo quy định của Pháp luật hiện hành
- Hàng năm lập kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty và tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- Kiểm tra việc triển khai kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc trực tiếp điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của mọi

hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025

- Giám sát việc ban hành, triển khai và kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ động đối với (HĐQT) và Ban Tổng Giám đốc trực tiếp điều hành

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính năm 2025. Xem xét báo cáo tài chính của các niên độ kế toán hàng năm đã được soát xét và kiểm toán của Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore AISC tại Đà Nẵng, thực hiện kiểm toán và phát hành báo cáo tài chính theo quy định của Luật kế toán và Thông tư quy định hiện hành của Bộ Tài chính

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, nắm bắt thông tin kịp thời để đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, việc điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động kinh doanh trong năm qua

3. Đánh giá tính độc lập và khách quan

Ban kiểm soát hoạt động theo nguyên tắc tập thể, độc lập và khách quan, không tham gia trực tiếp vào việc điều hành sản xuất kih doanh của Công ty. Các ý kiến đóng góp và kiến nghị của Ban kiểm soát đều dựa trên các hồ sơ, số liệu thực tế nhằm mục đích hạn chế rủi ro, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Thù lao và chi phí hoạt động

Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, mức thù lao thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hang năm. Các chi phí phục vụ hoạt động của Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định hiện hành và quy chế nội bộ của Công ty, đảm bảo tiết kiệm, minh bạch, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ.

5.Công tác phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát duy trì phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT và được cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác giám sát.

Trên cơ sở các thông tin và tài liệu được cung cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Qua công tác giám sát năm 2025, Ban kiểm saots nhận thấy HĐQT và Ban điều hành đã tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các hoạt động quản lý, điều hành được thực hiện trong phạm vị thẩm quyền, Ban kiểm soát không phát hiện giao dịch có dấu hiệu xung đột lợi ích ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty và cổ đông

6. Về nhân sự HĐQT:

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2025 – 2030, ngày 27/06/2025 đã bầu HĐQT

gồm 5 người như sau:

01	Ông Phan Lê Hiến	Chủ tịch HĐQT
02	Ông Trần Quốc Khánh	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc
03	Ông Trần Hữu Ân	Thành viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc
04	Bà Dương Thị Huệ	Thành viên HĐQT
05	Nguyễn Văn Rin	Thành Viên HĐQT

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và cẩn trọng trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- HĐQT họp thường kỳ đầy đủ, các thành viên của HĐQT đều có sự thống nhất cao, các Nghị quyết của HĐQT được ban hành và triển khai thực hiện kịp thời, đáp ứng yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc, trong năm 2025 Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị nào của cổ đông đối với công tác chỉ đạo của HĐQT

- Trong năm 2025, HĐQT đã đề ra những định hướng đúng đắn trong việc phát triển mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng của các loại hình dịch vụ, hạ giá thành sản xuất, tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong kinh doanh, đảm bảo doanh thu, lợi nhuận và thu nộp ngân sách năm sau luôn cao hơn năm trước, doanh thu giảm 13%, do yếu tố khách quan, lợi nhuận sau thuế tăng 5%

- Từng bước sắp xếp và tinh giảm bộ máy quản lý tại Công ty, các Xí nghiệp và người lao động đảm bảo hiệu quả và hợp lý. Cân đối tình hình tài chính, thanh toán và thu hồi kịp thời các khoản nợ phải thu ngắn hạn, hạn chế các khoản nợ dây dưa khó đòi

II.Thẩm định báo cáo tài chính

1. Công tác lập và kiểm tra Báo cáo tài chính

a.Việc lập Báo cáo tài chính

Ban điều hành chịu trách niệm lập Báo cáo tài chính năm 2025 theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp luật có liên quan.

b. Ý kiến nhận xét của đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán 2025

Đánh giá báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình luân chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thức cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo quyết toán tài chính của Công ty năm 2025 của Công ty kiểm toán độc lập, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % (TH/KH)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=4/3)
01	Doanh thu thuần	358.442.263.235	311.232.498.118	86,83
02	Lợi nhuận trước thuế	17.205.228.635	17.893.189.544	104,00
03	Lợi nhuận sau thuế	14.968.548.913	15.715.429.918	104,99
04	Các khoản nộp ngân sách	24.200.000.000	25.207.258.108	104,16
05	TSCĐ hữu hình	192.301.929.275	224.133.944.027	116,55
5.1	TSCĐ CTPLCC	158.729.828.016	191.503.143.992	120,65
5.2	TSCĐ tính khấu hao	33.572.101.259	32.630.800.035	97,20
	Trích khấu hao TSCĐ	8.908.306.199	10.085.824.372	113,22
06	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
07	Thu nhập b/q (đồng/người/tháng)	16.587.119	16.585.904	99,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12%/VĐL	12%/VĐL	100,00

- Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của nhà nước, tăng giảm vốn năm 2025 như sau.

+ Đến thời điểm 31/12/2025.Tổng tài sản cố định hữu hình, giá trị còn lại là: 224.133.944.027 VNĐ; trong đó: Giá trị TSCĐ các công trình phúc lợi Công ty đang quản lý: 191.503.143.992 VNĐ; giá trị tài sản cố định còn lại thuộc phương tiện thiết bị, nhà và các tài sản khác, tính khấu hao hạch toán phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh là: 32.630.800.035 VNĐ; trong năm 2025 Công ty sử dụng nguồn vốn khấu hao mua sắm phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị, tổng số tiền là: 9.013.831.212 VNĐ, đã hạch toán tăng tài sản và tính khấu hao kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng, chi phí khấu hao năm 2025 là: 10.085.824.372 VNĐ; dự kiến sử dụng vốn khấu hao mua sắm tài và đầu tư khác, số tiền là: 11.000.000.000 VNĐ, dự kiến khấu hao hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh: 10.500.000.000đ; giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình, tính khấu hao, dự kiến thời điểm 31/12/2026 là: 33.130.000.000 VNĐ.

+ Năm 2026, Công ty dự kiến bàn giao qua Trung tâm quản lý và Khai thác hạ tầng Thành phố Huế đối với các công trình phúc lợi công cộng; như Nghĩa trang, bãi rác, thoát nước, vỉa hè, điện chiếu sang (phần còn lại): Giá trị còn lại là: 106.172.875.313 VNĐ, giá trị còn lại thuộc bãi bác, các trạm bơm tại Lăng cô, số

tiền là: 85.330.268.720 VĐ, Công ty sẽ bàn giao đầy đủ khi có Quyết định của UBND Thành phố.

Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng giải quyết mọi chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi của cán bộ công nhân viên và người lao động; Thực hiện việc trích nộp BHXH,BHYT,BHTN theo quy định bảng xếp lương doanh nghiệp theo mức lương tối thiểu vùng, các khoản chi phí thanh toán tiền điện, chi phí nguyên vật liệu đầu vào đều tăng so với đơn giá thực tế. Công tác quản lý tài chính Công ty đã thực hiện đúng theo quy chế quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; Nghị quyết Hội đồng quản trị; Điều lệ Công ty và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước, công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo đúng quy định của Pháp luật, đáp ứng nhu cầu vốn sản xuất. Tiền lương và các chế độ khác, thực hiện chi trả đầy đủ và kịp thời cho CBCNVC và người lao động.

- Tình hình chi trả cổ tức

Thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 xác định tỷ lệ 12%/VĐL, thực hiện chi trả cổ tức năm 2025 đạt 100% so với kế hoạch 2025, bằng thực hiện 2024

- Chi trả thù lao HĐQT và Ban kiểm soát thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm 2025

- Chỉ định Công ty Kiểm toán độc lập, thực hiện theo Nghị quyết hàng năm của Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát và HĐQT đã lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập, dựa vào các tiêu chí đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm, đảm bảo tính chuyên nghiệp, giảm chi phí và đúng theo danh mục công bố của Bộ Tài chính đối với việc hành nghề của các Công ty Kiểm toán độc lập

2. Đánh giá về tình hình tài chính Công ty

a. Tình hình tài sản.

STT	Chỉ tiêu	01/01/2025	31/12/2025	Tỷ lệ % (+-)
A	**Tài sản ngắn hạn**	**75.808.040.017**	**94.034.310.074**	**+24,04**
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	51.048.573..941	10.987.006.104	-21,52
II	Các khoản phải thu ngắn hạn	21.265.499.158	79.796.530.177	+ 375,23
III	Hàng tồn kho	2.531.837.104	2.930.854.673	+15,76
IV	Tài sản ngắn hạn khác	962.129.814	319.919.120	-33,25
B	**Tài sản dài hạn**	**197.674.105.247**	**227.283.325.051**	**+14,97**
I	Tài sản cố định	192.301.929.275	224.896.652.091	+16,94
II	Tài sản dở dang dài hạn	472.320.000	21.843.518	-4,62
III	Tài sản dài hạn khác	4.899.855.972	2.364.832.442	-48,26
	Tổng tài sản	**273.482.145.264**	**321.317.638.125**	**+17,49**

b.Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	01/01/2025	31/12/2025	Tỷ lệ % (+-)
01	Nợ ngắn hạn	27.430.048.668	39.351.645.068	+43,46
02	Nợ dài hạn	0	0	
	Tổng nợ phải trả	27.430.048.668	39.351.645.068	+43,46

c. Cơ cấu nợ ngắn hạn

Chỉ tiêu	01/01/2025	31/12/2025	Tỷ lệ % (+-)
Phải trả cho người bán ngắn hạn	2.941.422.733	2.733.611.764	-7,07
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.780.688.824	9.033.007.014	-29,33
Thuế và các khoản phải nộp NS	86.481.897	5.664.555.718	+6,55
Phải trả người lao động	5.992.750.741	16.614.018.590	+277,23
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.277.515.091	2.989.764.720	-91,22
Phải trả ngắn hạn khác	1.566.963.626	608.303.782	-38,82
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Quỹ khen thưởng phúc lợi	784.225.756	1.708.383.480	+217,84
Tổng nợ ngắn hạn	**27.430.048.668**	**39.351.645.068**	**+43,43%**

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả tăng: 11.921.596.400 đồng so với số đầu kỳ (01/01/2025), nợ phải trả số cuối năm tăng 43,43%, các khoản nợ phải trả chủ yếu là khoản phải trả cho người bán ngắn hạn, phải trả tiền lương và các khoản phải nộp ngân sách xác định thời điểm 31/12/2025 nhưng chưa nộp, các khoản nợ phải trả tương ứng với các khoản nợ phải thu ngắn hạn

+ Công tác quản lý tài chính của Công ty được thực hiện theo Điều lệ công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo tài chính định kỳ theo qui định.

+ Công tác quản lý và theo dõi thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng theo quy định, các khoản thu chi quỹ tiền mặt đều có lập phiếu thu, phiếu chi và các chứng từ gốc đính kèm đầy đủ. Cuối kỳ tiền mặt được kiểm kê, đối chiếu và xác nhận đầy đủ.

+ Công ty mở sổ kế toán chi tiết và tổng hợp theo dõi các khoản phải thu, phải trả, sổ chi tiết của các khoản chi phí sản xuất theo từng đối tượng sản xuất, có phân công cán bộ theo dõi đôn đốc thu hồi nợ, thực hiện đối chiếu công nợ vào thời điểm cuối năm.

+ Công tác quản lý tài sản và khấu hao tài sản cố định công ty thực hiện theo Thông tư quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Cuối năm có thực hiện kiểm kê, đánh giá và phân loại tài sản.

+ Sổ sách, chứng từ kế toán thực hiện theo thiết kế phần mềm kế toán đã được cài đặt sẵn, cuối tháng, quý và cuối năm, từng nhân viên Phòng KTTV được phân

công theo dõi, in sổ, trình ký theo mẫu quy định, đồng thời lưu trữ hồ sơ, chứng từ kế toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

3.Tình hình quản lý chi phí:

Thực hiện chủ trương của Công ty là phải tiết kiệm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng phục vụ đối với tất cả các loại hình dịch vụ. thực hiện khoán chi phí quản lý hành chính và các khoản chi phí liên quan khác theo đúng Quy chế quản lý tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ công ty đã ban hành thực hiện đến thời điểm 2025, hiện tại đang dự thảo thay thế để phù hợp với các văn bản quy định hiện hành của nhà nước

III.Phương hướng hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát

Trong năm 2026 Ban kiểm saots sẽ tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tập trung vào các nội dung sau:

- Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong hoạt động điều hành.
- Giám sát tình hình tài chính, việc quản lý, việc quản lý sử dụng vốn và tài sản; giám sát việc lập, trình bày và công bố Báo cáo tài chính theo định kỳ năm.
- Theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, vật tư hang hóa…
- Giám satscacs giao dịch với các bên liên quan, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Phối hợp với HĐQT, Ban điều hành trong quá trình thực hiện n hiệm vụ, kịp thời kiến nghị các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo an toàn tài chính và bảo toàn, phát triển vốn Công ty.
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác cuae Ban kiểm soát theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ Công ty.

IV. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét

- Qua thực hiện công tác giám sát hoạt động quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý năm 2025. Ban kiểm soát nhận thấy hoạt động quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý Công ty đã thực hiện theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cỏ đông hàng năm và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.
- Công ty tổ chức hoạt động kinh doanh và khai thác tối đa nguồn lực hiện có và chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật. Hoạt động của các phòng, ban chức

năng công ty được quản lý và giám sát chặt chẽ và kiểm tra chéo lẫn nhau thông qua các phần mềm quản lý và Hệ thống quản lý của Công ty đã cài đặt.

- Các khoản tiền thu, chi thực hiện theo dõi và lý theo quy định hiện hành.
- Tình hình an ninh trật tự, an toàn về PCCC được đảm bảo tốt.
- Thu nhập tiền lương và thu nhập khác của CBCNVC và người lao động, thực hiện đảm bảo theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Ban Kiểm soát nhất trí với báo cáo của HĐQT và của Ban điều hành về phần đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026

2.Kiến nghị:

Để thực hiện giải pháp tiết kiệm chi phí trong hoạt động kinh doanh của Công ty để bù đắp các khoản chi phí nguyên, nhiên vật liệu tăng trong lúc chưa có quyết định thay thế Quyết định số Quyết định số 2239/QĐ-UBND ngày16/9/2016. Ban Kiểm soát kính đề nghị Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty, tiếp tục nghiên cứu; sắp xếp công tác tổ chức, bộ máy đảm bảo tinh gọn, hợp lý và có hiệu quả, đồng thời tiếp tục thực hiện việc tinh giảm lao động tại bộ phận quản lý Công ty và các đơn vị trực thuộc, tiếp tục thực hiện chuyển đổi số và chuyển đổi phương thức sản xuất, từ lao động thủ công qua cơ giới hóa. Tiếp tục triển khai một số các đề án HĐQT đã phê duyệt, nhằm tăng doanh thu, giảm chi phí, đảm bảo tiền lương thu nhập của người lao động năm sau luôn cao so với năm trước.

Trên đây là một số ý kiến của Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Kính trình Đại hội xem xét thông qua. Thay mặt Ban Kiểm soát cảm ơn quý vị cổ đông đã tin tưởng giao cho chúng tôi nhiệm vụ kiểm soát hoạt động của Công ty trong năm qua. Cảm ơn HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã hỗ trợ và tạo điều kiện cho Ban kiểm soát thực hiện hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 và tiếp tục triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2026.

Trân trọng cảm ơn!

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:
- ĐHĐCĐT 2026;
- Lưu: VT; HĐQT; BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

TRƯƠNG THỊ LAN HƯƠNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
Số /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----o0o-----

Huế, ngày 21 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH
V/v Các vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông năm 2026 thông qua

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế.

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực từ 01/01/2021;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế sửa đổi bổ sung lần thứ hai thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 28 tháng 04 năm 2021;

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã được chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ Tin học Moore AISC tại Đà Nẵng đã thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính của Công ty năm 2025 và phát hành báo cáo đã kiểm toán ngày 23/03/2026.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung sau:

I. Báo cáo tổng kết năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ năm 2026 của HĐQT;

II. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Ban điều hành Công ty

a. Kết quả sản xuất kinh doanh 2025:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % (TH/KH)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)= (4/3)
01	Doanh thu thuần	358.442.263.235	311.232.498.118	86,83
02	Lợi nhuận trước thuế	17.205.228.635	17.893.189.544	104,00
03	Lợi nhuận sau thuế	14.968.548.913	15.715.429.918	104,99
04	Các khoản nộp ngân sách	24.200.000.000	25.207.258.108	104,16

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % (TH/KH)
05	TSCĐ hữu hình	192.301.929.275	224.133.944.027	116,55
5.1	TSCĐ CTPLCC	158.729.828.016	191.503.143.992	120,65
5.2	TSCĐ tính khấu hao	33.572.101.259	32.630.800.035	97,20
	Trích khấu hao TSCĐ	8.908.306.199	10.085.824.372	113,22
06	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
07	Thu nhập b/q (đồng/người/tháng)	16.587.119	16.585.904	99,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12%/VĐL	12%/VĐL	100,00

b. Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2026:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ KH/TH(%)
I	Lợi nhuận trước thuế	17.893.189.544	18.840.677.645	105,30
II	Lợi nhuận sau thuế	15.715.429.918	16.391.389.551	104,30
1	Trích quỹ ĐTPT	3.800.800.943	4.099.972.686	107,86
2	Trích quỹ KT, quỹ PL	4.714.628.975	4.917.416.865	104,30
	Trong đó:			
	- Quỹ Khen thưởng 60%	2.828.777.385	2.950.450.119	104,30
	- Quỹ Phúc lợi 40%	1.885.851.590	1.966.966.746	104,30
3	Chia cổ tức	7.200.000.000	7.374.000.000	102,42
	Trong đó:			
	- Cổ đông NN: 51%	3.672.000.000	3.760.740.000	102,42
	- Cổ đông khác: 49%	3.528.000.000	3.613.260.000	102,42
4	Chia cổ tức (%/VĐL)	12%	12,29%	102,42

III. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 2026:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % (KH/TH)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4/3)
01	Doanh thu thuần	311.232.498.118	342.557.775.359	110,06
02	Lợi nhuận trước thuế	17.893.189.544	18.840.677.645	105,30
03	Lợi nhuận sau thuế	15.715.429.938	16.391.389.551	104,30
04	Các khoản nộp NS	25.207.258.108	25.500.000.000	101,16

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % (KH/TH)
05	TSCĐ hữu hình	224.133.944.027	118.460.268.720	52,85
5.1	TSCĐ CTPLCC	191.503.143.992	85.330.268.720	44,56
5.2	TSCĐ tính khấu hao	32.630.800.035	33.130.000.000	101,53
	Trích khấu hao TSCĐ	10.085.824.372	10.500.000.000	104,11
06	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
07	Thu nhập b/q (đồng/người/tháng)	16.585.904	17.081.571	102,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12%/VĐL	12,29%/VĐL	100,00

Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, thu nộp ngân sách, dự kiến số kế hoạch 2026 tăng so với thực hiện 2025 là 10%.

Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán độc lập và kiểm toán nhà nước, đã được trình bày trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

IV. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025 đã được trình bày trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét thông qua.

V. Thông qua Điều lệ Công ty (thay thế Điều lệ hiện hành) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026 và Quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

VI. (Dự kiến) Thông qua Phương án đầu tư Khu xử lý chất thải Hương Bình theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.

(Phương án đầu tư Khu xử lý chất thải Hương Bình được gửi kèm theo tài liệu Đại hội để cổ đông nghiên cứu, thảo luận.

Việc xem xét, thông qua nội dung này chỉ được thực hiện trong trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận theo quy định.

Trường hợp chưa có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu tại thời điểm tổ chức Đại hội, nội dung này không đưa ra biểu quyết và không thuộc phạm vi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026).

VII. Quỹ lương 2025 và quỹ lương năm 2026

1. Quỹ tiền lương thực hiện 2025:

Tổng quỹ lương thực hiện năm 2025: **123.754.628.050 đồng**; Trong đó tiền lương của Chủ tịch HĐQT, TVHĐQT, Trưởng Ban kiểm soát là: 1.836.291.840 đồng; Quỹ tiền lương của Ban điều hành và người lao động là: 121.918.336.050 đồng.

Xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện 7 tháng đầu năm 2025, Công ty căn cứ Nghị định số 44/2025 và Thông tư 003/2025/TT-BNV; đồng thời Công ty cũng căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP để làm xác định quỹ tiền lương của 5 tháng còn lại năm 2025 và xây dựng kế hoạch tiền lương năm 2026 thực hiện theo Nghị định số 248/2025 đã được các Sở thẩm định ngày 02/04/2026 và UBND thành phố có ý kiến thống nhất các số liệu về quỹ tiền

lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế tại Công văn số 5074/UBND-CCHC ngày 13/04/2026

2. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026, như sau:

- Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT, TVHĐQT, Trưởng ban kiểm soát: **2.352.000.000 đồng (hai tỷ, ba trăm năm hai triệu đồng chẵn);**

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành và người lao động: **134.671.110.144 đồng (Một trăm ba tư triệu, sáu trăm bảy mười mốt ngàn, một trăm bốn bốn đồng chẵn).**

3. Trên cơ sở dự kiến quỹ lương kế hoạch 2026 đã được các ngành thẩm định và UBND thành phố thống nhất. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT căn cứ vào doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh, xác định đơn giá tiền lương thực hiện năm 2026 để chi trả tiền lương cho HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Ban điều hành và người lao động đảm bảo hợp lý và đúng quy định hiện hành của nhà nước

4. Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ hoạt động của Công ty và Quy chế quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công

VIII. Thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và phương án chi trả năm 2026

1. Thù lao đã chi trả năm 2025 là: 384.000.000 đồng; Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 6.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT và Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS: 2.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký Công ty: 2.000.000 đồng/người/tháng

2. Dự kiến thù lao chi trả năm 2026:

Thực hiện theo Nghị định 248/2025 và kế hoạch chi trả tiền thù lao 2026 đã được các ngành và UBND thành phố thẩm tra và thống nhất số liệu như sau:

STT	Chức danh	Số tiền (đ/ng/tháng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	14.800.000	Theo số liệu các Sở và UBND thành phố đã thẩm tra (20%/x TL)
2	Thành viên HĐQT	12.000.000	
3	Trưởng Ban KS	12.000.000	
4	Thư ký Công ty	10.000.000	
4	UV Ban Kiểm soát	5.000.000	

IX. Lựa chọn đơn vị kiểm toán

Ủy quyền cho HĐQT Công ty chọn đơn vị Kiểm toán Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2026 theo đúng các tiêu chí Ban kiểm soát đã trình trước Đại hội cổ đông thường niên năm 2026.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần môi trường và Công trình Đô thị Huế kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua các nội dung như đã trình bày tại phần trên.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHAN LÊ HIẾN

`CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số /TTr-BKS

Huế, ngày 21 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(Về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, có hiệu lực từ 01/01/2021.

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2020/QH14 ngày 06/12/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế;

Thực hiện các nội dung được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần môi trường và Công trình Đô thị Huế kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 phê duyệt tiêu chí lựa chọn các Công ty Kiểm toán và ủy quyền cho hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn Công ty Kiểm toán theo các tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty như sau:

1.Đề xuất tiêu chí lựa chọn Đơn vị Kiểm toán độc lập

Ban Kiểm soát đề xuất với Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 các tiêu chí lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập như sau:

Chọn một đơn vị Kiểm toán độc lập có uy tín, có quyết định của Bộ Tài chính cho phép hành nghề Kiểm toán;

- Có kinh nghiệm Kiểm toán cho các Công ty trong lĩnh vực kinh doanh;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và có nhiều kinh nghiệm;
- Có uy tín về chất lượng Kiểm toán;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty về phạm vi và tiến độ Kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

2. Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn Công ty Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 theo các tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua và giao cho Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Trương Thị Lan Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
Số /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----o0o-----

Huế, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v Thông qua Điều lệ và các Quy chế nội bộ (thay thế các văn bản hiện hành)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và nhiệm kỳ 2025-2030, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã xây dựng dự thảo các văn bản thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, gồm:

- Điều lệ Công ty;
- Quy chế quản trị nội bộ;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu đã có ý kiến thống nhất để Công ty hoàn thiện dự thảo Điều lệ và các Quy chế nội bộ trình Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Hội đồng quản trị đã tiếp thu, hoàn chỉnh các dự thảo theo ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố Huế tại Công văn số 5466/UBND-DN ngày 20/4/2026 về việc cho ý kiến đối với dự thảo Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế.

(Đính kèm các dự thảo).

Hội đồng quản trị báo cáo nội dung dự thảo Điều lệ và các quy chế nội bộ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.

I. Sự cần thiết điều chỉnh

Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2025) yêu cầu các doanh nghiệp Nhà nước rà soát, ban hành điều lệ được sửa đổi, bổ sung; quy chế nội bộ của doanh nghiệp bảo đảm phù hợp với quy định của Luật này; việc ban hành phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2026. Đồng thời, việc sửa đổi, ban hành mới Điều lệ và các quy chế nội bộ còn nhằm đáp ứng yêu cầu hoàn thiện khung quản trị công ty đại chúng, nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

II. Mục tiêu và yêu cầu:

1. Mục tiêu:

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các quy chế nội bộ nhằm các mục tiêu chủ yếu:

- Cập nhật các quy định pháp luật mới liên quan đến quản trị công ty đại chúng và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ;

- Hoàn thiện cơ chế quản trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và bộ máy điều hành;

- Tạo hành lang pháp lý cho việc tổ chức họp, biểu quyết trực tuyến, lưu trữ hồ sơ điện tử và công bố thông tin phù hợp với xu hướng chuyển đổi số.

2. Yêu cầu:

- Cập nhật phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan (quy định mới về quản lý vốn nhà nước, tiền lương và công bố thông tin; Thay thế các tham chiếu đến văn bản cũ hết hiệu lực);

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa Điều lệ và các quy chế nội bộ, đáp ứng yêu cầu quản trị công ty đại chúng;

III. Căn cứ, Phương pháp thực hiện

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP);

- Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

- Các văn bản pháp luật có liên quan;

2. Phương pháp thực hiện:

Trên cơ sở mẫu Điều lệ và mẫu các quy chế ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC:

- Điều chỉnh, cập nhật nội dung phù hợp với hiện trạng của Công ty và các văn bản pháp luật hiện hành;

- Bổ sung một số nội dung theo quy định; bỏ một số nội dung không phù hợp với mô hình Công ty.

- Các Quy chế nội bộ được xây dựng theo nguyên tắc dẫn chiếu các nội dung đã được quy định tại Điều lệ, nhằm tránh trùng lặp, bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quản trị.

IV. Kết quả điều chỉnh

Các văn bản được xây dựng theo hướng ban hành mới, thay thế toàn bộ Điều lệ và các quy chế hiện hành, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống quản trị Công ty và phù hợp với quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

1. Dự thảo Điều lệ Công ty:

1.1. Nội dung chính:

Điều lệ gồm 21 mục, 60 điều; gồm những nội dung chính sau:

- Tên, trụ sở, ngành nghề, vốn điều lệ, cổ phần.
- Quyền & nghĩa vụ cổ đông.
- Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
- Công bố thông tin, kiểm toán, giải thể, tranh chấp nội bộ.
- Quyền tra cứu sổ sách, dấu công ty.

1.2. Những thay đổi, điều chỉnh

1) Người đại diện theo pháp luật:

Dự thảo Điều lệ điều chỉnh số lượng người đại diện theo pháp luật từ 02 người (hiện hành: Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc) xuống còn 01 người là Tổng Giám đốc (Điều 3 dự thảo). Sự thay đổi này nhằm tập trung trách nhiệm đại diện pháp lý, phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020 và thực tiễn quản trị công ty đại chúng có vốn nhà nước.

2) Quyền hạn và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc:

Dự thảo Điều lệ rà soát, làm rõ và hệ thống lại quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và thông lệ quản trị công ty đại chúng.

Theo đó:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức và điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị; chủ trì các cuộc họp của Hội đồng quản trị; theo dõi, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và hoạt động của Ban điều hành (Điều 29 dự thảo).

- Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao (Điều 35 dự thảo).

3) Bổ sung các quy định liên quan đến doanh nghiệp có vốn nhà nước (định nghĩa "người đại diện phần vốn nhà nước", phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Luật 68/2025/QH15; tiền lương, thưởng HĐQT, BKS gắn với hiệu quả SXKD theo NĐ 248/2025; trình tự họp Đại hội đồng cổ đông (trực tuyến) theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP; công bố thông tin theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và 96/2020/TT-BTC).

Các nội dung điều chỉnh bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, đồng thời tăng cường phân định rõ thẩm quyền giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.

2. Dự thảo Quy chế Quản trị nội bộ:

2.1. Nội dung chính:

Quy chế gồm 5 chương, 21 điều; gồm những nội dung chính sau:

- Phạm vi, giải thích từ ngữ.
- Trình tự họp ĐHĐCĐ.
- Đề cử, bầu, miễn nhiệm HĐQT và Ban kiểm soát.
- Người phụ trách quản trị công ty.
- Đánh giá hàng năm, khen thưởng kỷ luật, xử lý vi phạm.
- Công bố thông tin & lưu trữ hồ sơ.

2.2. Những thay đổi, điều chỉnh

Quy chế tham chiếu mẫu nhưng điều chỉnh phù hợp Điều lệ Công ty (dùng Ban kiểm soát, không có Ủy ban kiểm toán) và Luật Quản lý vốn nhà nước số 68/2025/QH15:

- Dự thảo xây dựng trên cơ sở 7 điều chỉnh của mẫu Quy chế (mẫu quy chế chỉ quy định khung); quy định chi tiết thủ tục họp ĐHĐCĐ (Điều 4-7), phối hợp hoạt động (Điều 17), và tích hợp quy định vốn nhà nước (báo cáo/xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về thù lao HĐQT/BKS/TGĐ).

- Bổ sung phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Luật 68/2025/QH15; công bố thông tin và lưu trữ hồ sơ theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Việc điều chỉnh chủ yếu mang tính kỹ thuật trình bày và hệ thống hóa nội dung, không làm thay đổi bản chất các quy định quản trị của Công ty.

3. Dự thảo Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị:

3.1. Nội dung chính:

Quy chế gồm 7 chương, 25 điều; gồm những nội dung chính sau:

- Nguyên tắc hoạt động HĐQT.
- Tiêu chuẩn, quyền nghĩa vụ thành viên HĐQT.
- Cuộc họp HĐQT, tiểu ban giúp việc.
- Công khai lợi ích liên quan.
- Mối quan hệ với Ban điều hành, Ban kiểm soát, cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3.2. Những thay đổi, điều chỉnh

Tổng thể, quy chế Hoạt động Hội đồng quản trị dài hơn mẫu 01 điều, tập trung bổ sung các quy định liên quan đến vốn nhà nước (báo cáo, mối quan hệ, tiền lương), cập nhật luật mới, và chi tiết hóa thời hạn/trình tự để phù hợp với thực tiễn công ty. Mối quan hệ với cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Luật

68/2025/QH15; tiền lương, thù lao theo Nghị định 248/2025/NĐ-CP; trình tự họp theo Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

4. Dự thảo Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát:

4.1. Nội dung chính:

Quy chế gồm 8 chương, 25 điều; gồm những nội dung chính sau:

- Tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát.
- Quyền giám sát trực tiếp/gián tiếp, kiểm tra định kỳ/đột xuất.
- Báo cáo hàng năm chi tiết (đánh giá tuân thủ, đề xuất kiểm toán).
- Công khai lợi ích, giao dịch liên quan.
- Mối quan hệ độc lập và phối hợp với HĐQT/Ban điều hành.

4.2. Những thay đổi, điều chỉnh

Tổng thể, dự thảo Quy chế hoạt động BKS được xây dựng tham chiếu chặt chẽ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, nhưng điều chỉnh để phù hợp với Điều lệ Công ty mới và các quy định về vốn nhà nước. Các thay đổi chủ yếu mang tính kỹ thuật và cập nhật:

- Cập nhật căn cứ pháp lý mới;
- Bổ sung Điều 12 – Chế độ làm việc và Điều 23, 24 – Khen thưởng, kỷ luật.

Các điều chỉnh đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ, phù hợp yêu cầu quản trị công ty đại chúng có vốn nhà nước, đồng thời tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động giám sát độc lập của BKS.

V. Nhận xét, đánh giá:

Các dự thảo Điều lệ và các Quy chế nội bộ đã được xây dựng trên cơ sở tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật hiện hành, bám sát mẫu quy định tại Thông tư 116/2020/TT-BTC, đồng thời đã tiếp thu, hoàn thiện theo ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan liên quan, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua toàn văn Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty (thay thế các văn bản hiện hành).

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHAN LÊ HIẾN

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
HEPCO CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Số: / MTĐT-KH
V/v báo cáo tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Điều lệ và các Quy chế nội bộ theo ý kiến UBND thành phố Huế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huế, ngày tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Huế.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 5466/UBND-DN ngày 20/4/2026 về việc cho ý kiến đối với dự thảo Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế;

Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 2791/STC-ĐKKD ngày 06/4/2026 về việc cho ý kiến đối với dự thảo Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty CP Môi trường và Công trình đô thị Huế,

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế (HEPCO) đã tổ chức rà soát, tiếp thu và hoàn thiện các dự thảo Điều lệ và các Quy chế nội bộ, cụ thể như sau:

1. Đối với dự thảo Điều lệ

HEPCO đã rà soát và chỉnh sửa dự thảo Điều lệ theo các nội dung góp ý chi tiết của Sở Tài chính, đặc biệt là các nội dung về thẩm quyền, trình tự bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý; quản lý, sử dụng vốn nhà nước; công bố thông tin và chế độ báo cáo, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối với các dự thảo Quy chế nội bộ

2.1. Nguyên tắc chung

Các Quy chế nội bộ (Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát) được xây dựng theo nguyên tắc:

- Dẫn chiếu Điều lệ, tránh trùng lặp nội dung;
- Bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống văn bản quản trị nội bộ;
- Làm rõ trách nhiệm, quy trình tổ chức thực hiện.

2.2. Nội dung tiếp thu, chỉnh sửa cụ thể

a) Quy chế quản trị nội bộ

- Ý kiến của Sở Tài chính: Bổ sung nội dung về công bố thông tin và chế độ báo cáo.

- Thực hiện của HEPCO: Nội dung này đã được quy định tại dự thảo Điều lệ (khoản 9 Điều 13 quy định trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị, cũng như các quyền, trách nhiệm theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp) và cụ thể hóa tại Điều 20 dự thảo Quy chế quản trị nội bộ. Để làm rõ hơn trách nhiệm, HEPCO đã bổ sung điểm d vào khoản 1 Điều 20 nội dung sau:

"d) Việc công bố thông tin và chế độ báo cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan."

b) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

- Ý kiến của Sở Tài chính: Làm rõ trách nhiệm và quy trình xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu; cần bổ sung quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước.

- Thực hiện của HEPCO:

+ Nội dung về quyền, nghĩa vụ của người đại diện phần vốn nhà nước đã được dẫn chiếu tại Điều 3 Quy chế. Để làm rõ hơn, HEPCO đã bổ sung một khoản vào cuối Điều 11 như sau:

"Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc liên quan đến quản lý, sử dụng vốn nhà nước, Hội đồng quản trị thực hiện xin ý kiến, báo cáo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty."

+ Về Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước: HEPCO sẽ nghiên cứu, xây dựng và ban hành quy chế nội bộ về hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước trong phạm vi quản trị của Công ty, bảo đảm phù hợp quy định pháp luật và đồng bộ với hệ thống quản trị.

c) Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

- Ý kiến của Sở Tài chính: Bổ sung nội dung giám sát tài chính, quản lý vốn nhà nước.

- Thực hiện của HEPCO: Khoản 7 Điều 3 dự thảo đã quy định thành viên Ban kiểm soát là người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Để tăng cường trách nhiệm giám sát, HEPCO đã bổ sung sau khoản 3 Điều 11 nội dung sau:

"4. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại HEPCO theo quy định của pháp luật."

3. Đối với các quy chế khác

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố, tiếp thu ý kiến của Sở Tài chính, HEPCO sẽ:

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện Quy chế tài chính; lấy ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu và chỉ đạo Người đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến trước khi ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15.

- Nghiên cứu ban hành Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, Quy chế quản lý, sử dụng quỹ của doanh nghiệp và Quy chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp theo quy định pháp luật và các quy chế khác theo quy định pháp luật, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

4. Kết luận và kiến nghị

HEPCO đã nghiêm túc tiếp thu đầy đủ ý kiến của Sở Tài chính theo chỉ đạo của UBND thành phố, rà soát và hoàn thiện dự thảo Điều lệ và các Quy chế nội bộ bảo đảm phù hợp quy định pháp luật.

(Đính kèm: Dự thảo Điều lệ và các dự thảo Quy chế nội bộ sau khi chỉnh sửa).

Công ty kính báo cáo UBND thành phố và sẽ triển khai trình Đại hội đồng cổ đông theo đúng chỉ đạo; đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung trình./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tài chính thành phố Huế;
- HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Lưu VT.

TM. NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC
CHỦ TỊCH HĐQT

PHAN LÊ HIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Huế, ngày ... tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU *1*

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ *1*

Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY *2*

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 2

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 3

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY *4*

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty 4

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 6

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN *6*

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần 6

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 7

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 7

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 7

Điều 10. Thu hồi cổ phần 8

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT *8*

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 8

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *8*

Điều 12. Quyền của cổ đông 8

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 10

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 11

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 12

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 13

Điều 17. Thay đổi các quyền 14

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 15

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 16

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 16

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua 18

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 22
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 22
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 23
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 23
Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 25
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 26
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 28
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 28
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 29
Điều 33. Tổ chức bộ máy điều hành 29
Điều 34. Nguyên tắc hoạt động của bộ máy điều hành 29
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 29
IX. BAN KIỂM SOÁT 31
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát 31
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát 31
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 31
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 32
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 33
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 33
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 33
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 33
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 34
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 35
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 35
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 36
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 36

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN *36*
Điều 46. Phân phối lợi nhuận 36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN *37*
Điều 47. Tài khoản ngân hàng 37
Điều 48. Năm tài chính 37
Điều 49. Chế độ kế toán 37
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN *37*
Điều 50. Báo cáo tài chính 37
Điều 51. Báo cáo thường niên và báo cáo tình hình hoạt động Công ty 38
Điều 52. Cung cấp và công bố thông tin 38
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY *38*
Điều 53. Kiểm toán 38
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP *38*
Điều 54. Dấu của doanh nghiệp 38
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY *39*
Điều 55. Giải thể công ty 39
Điều 56. Gia hạn hoạt động 39
Điều 57. Thanh lý 39
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ *40*
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ 40
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ *40*
Điều 59. Điều lệ công ty 40
XXI. NGÀY HIỆU LỰC *40*
Điều 60. Ngày hiệu lực 40

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số …./…./NQ-ĐHĐCĐ ngày … tháng …năm … của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025, và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành có liên quan; Điều lệ này thay thế bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2021 thông qua ngày 28/04/2021.

2. Điều lệ này quy định tổ chức, hoạt động, quản trị và các vấn đề liên quan của Công ty, có giá trị ràng buộc đối với tất cả cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các bên liên quan.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty và được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/11/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025);

d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024);

đ) *Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp* là Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025;

e) *Nghị định 155/2020/NĐ-CP* là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025);

g) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

h) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, ngày 28 tháng 12 năm 2005;

i) *Người điều hành Công ty* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác quy định tại Điều 33 Điều lệ này;

k) *Người quản lý Công ty* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác, bao gồm

Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm;

l) *Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách* là thành viên Hội đồng quản trị làm việc thường xuyên, toàn thời gian cho Công ty; có giao kết hợp đồng lao động với Công ty và hưởng tiền lương theo chức danh được giao.

m) *Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách* là thành viên Hội đồng quản trị không làm việc thường xuyên tại Công ty; không giao kết hợp đồng lao động với Công ty; chỉ hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

n) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

o) *Người đại diện phần vốn nhà nước* là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại Công ty.

p) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

q) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

r) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động vô thời hạn của Công ty kể từ ngày thành lập, trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác;

s) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (VNX) và các công ty con, bao gồm Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và UPCOM.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế. Khi quy định hoặc văn bản tham chiếu thay đổi thì áp dụng những thay đổi đó.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

a) Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ**

b) Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **HUE URBAN ENVIRONMENT AND PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY**

c) Tên Công ty viết tắt: **HEPCO**

d) Logo Công ty:

2. Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế (Công ty) là công ty cổ phần, nhà nước nắm giữ 51% vốn Điều lệ; Cơ quan đại diện chủ sở hữu là UBND thành phố Huế. Công ty có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, hoạt động dưới hình thức công ty đại chúng giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán **HEP** kể từ ngày 27 tháng 09 năm 2017, theo Công văn số 6460/UBCK-GSDC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Trụ sở chính:

a) Địa chỉ: 46 Trần Phú, phường Thuận Hóa, thành phố Huế, Việt Nam.

b) Điện thoại: (0234) 3848 242; (0234) 3823 896.

c) Fax: (0234) 3848 075.

d) Website: www.hepco.com.vn

e) Email: info@hepco.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty cư trú tại Việt Nam. Khi người đại diện theo pháp luật của Công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

3. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thay thế người đại diện theo pháp luật của Công ty theo khoản 5 Điều 12 Luật Doanh nghiệp, đảm bảo luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật tại Việt Nam.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản trị về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.

6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ đại diện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị, trong phạm vi được Hội đồng quản trị quyết định và chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều này.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
2	Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
4	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
5	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
6	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị	3312
7	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
8	Thu gom rác thải không độc hại, phân bùn bể phốt, bùn cống thoát nước	3811
9	Thu gom rác thải độc hại	3812
10	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại, phân bùn bể phốt, bùn cống thoát nước	3821
11	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
12	Tái chế phế liệu	3830
13	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
14	Xây dựng nhà để ở	4101
15	Xây dựng nhà không để ở	4112
16	Xây dựng công trình đường bộ	4212
17	Xây dựng công trình điện	4221
18	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
19	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

TT	Tên ngành	Mã ngành
20	Xây dựng công trình công ích khác	4229
21	Xây dựng công trình thủy	4291
22	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
24	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
25	Phá dỡ	4311
26	Chuẩn bị mặt bằng	4312
27	Lắp đặt hệ thống điện	4321
28	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
29	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (Bổ sung cho ngành nghề chính và các ngành nghề xây dựng Công ty đang hoạt động)	4329
30	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
31	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
32	Kinh doanh cây xanh	4620
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
34	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4673
35	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4679
36	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. *Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng*	4752
37	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
38	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	6810
39	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác	7020
40	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Tư vấn thiết kế các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường)	7110
41	Hoạt động thiết kế chuyên dụng khác	7410
42	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu *Chi tiết: Quản lý, duy tu, bảo dưỡng: hệ thống thoát nước, vỉa hè, lề đường, hệ thống kênh, mương, hồ, kè; hệ thống điện chiếu sáng và trang trí đường phố, đèn tín hiệu giao thông, nghĩa trang*	7499
43	Cho thuê xe có động cơ	7710
44	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm điều người điều khiển	7730
45	Cung ứng lao động tạm thời	7821
46	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

TT	Tên ngành	Mã ngành
47	Dịch vụ vệ sinh khác *Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác; các dịch vụ vệ sinh khác*	8129
48	Dịch vụ cảnh quan	8130
49	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ và các dịch vụ liên quan	9630
50	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác	9531

2. Mục tiêu hoạt động:

a) Trở thành doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam /khu vực miền Trung trong lĩnh vực môi trường và quản lý, vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và chuyển đổi số;

b) Cung cấp các dịch vụ môi trường đô thị chất lượng cao, thân thiện với môi trường; mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển bền vững;

c) Đảm bảo tăng trưởng doanh thu, mở rộng địa bàn phục vụ; Tối ưu hóa lợi nhuận; Cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn lao động và tăng thu nhập cho người lao động và cho cổ đông; Đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước;

d) Đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của thành phố Huế.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phần.

2. Công ty chỉ có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát

hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hợ những đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Nghĩa vụ tài chính bao gồm số tiền chưa thanh toán, lãi suất chậm trả (không quá 10% một năm), và các chi phí phát sinh liên quan. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông

là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 25 và khoản 2 Điều 36 của Điều lệ.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty hoặc Quy chế quản trị nội bộ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

9. Cổ đông là người đại diện phần vốn nhà nước:

a) Báo cáo và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị về các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

b) Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo Điều 39 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bao gồm giám sát sử dụng vốn nhà nước, báo cáo định kỳ về tình hình tài chính, đầu tư, và rủi ro cho cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 37 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty thực hiện các quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký

của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

đ) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

l) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

m) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

n) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được văn bản thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất 24 giờ trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ

đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5 % cổ phần phổ thông trở lên;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu

sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị

quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa số lượng thành viên được bầu.

3. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, theo quy định tại khoản 5 Điều 115

Luật Doanh nghiệp Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

5. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, và không được là người có quan hệ gia đình của người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty tối đa không quá 02 người.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch và ngân sách hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, chủ trương đối với các chương trình, đề án, dự án, gói thầu, hợp đồng lớn, quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác của Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo, đánh giá hoạt động Tổng giám đốc và bộ máy điều hành;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các chính sách về tài chính, đầu tư, nhân sự và tiền lương), quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị nội bộ công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước về tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày.

3. Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông phương án tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng, các lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quyết định mức tiền lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.

4. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành thì hưởng tiền lương theo chức danh Ban điều hành và thù lao theo chức danh Thành viên hội đồng làm việc không chuyên trách; Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đứng đầu Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên của Hội đồng quản trị sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc theo khoản 2 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch và tổ chức điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì, làm chủ tọa và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua và ký nghị quyết, quyết định, văn kiện của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Yêu cầu đơn vị, cá nhân liên quan báo cáo, giải trình về việc tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ đạo của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Nhân danh Hội đồng quản trị, đại diện Công ty thực hiện công tác đối ngoại thuộc phạm vi chiến lược và các hoạt động thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị;

g) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Thành viên hội đồng quản trị không được biểu quyết trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 42 Điều lệ này.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, nhiệm vụ các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty chịu trách nhiệm tổ chức điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

2. Bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

4. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ máy điều hành do Hội đồng quản trị quyết định hoặc phân cấp cho Tổng giám đốc quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 34. Nguyên tắc hoạt động của bộ máy điều hành

1. Bộ máy điều hành hoạt động theo nguyên tắc tập trung, thống nhất dưới sự điều hành của Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của bộ máy điều hành và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3. Các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh điều hành khác chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về lĩnh vực công tác được phân công; có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo và giải trình trước Hội đồng quản trị khi được yêu cầu.

4. Bộ máy điều hành có trách nhiệm tổ chức phối hợp giữa các đơn vị, bộ phận trong Công ty nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh được thông suốt, hiệu quả và tuân thủ quy định của pháp luật.

5. Tiền lương và thưởng của Người điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; là chủ tài khoản của Công ty và thực hiện việc quản lý, sử dụng tài khoản trong phạm vi ngân sách, kế hoạch chi tiêu, mua sắm đã được Hội đồng quản trị quyết định.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyền của Tổng giám đốc:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty trong phạm vi kế hoạch, ngân sách, quy chế và thẩm quyền đã được Hội đồng quản trị quyết định;

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty theo phân cấp, thẩm quyền và quy định do Hội đồng quản trị quyết định, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền trực tiếp của Hội đồng quản trị;

- Quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người điều hành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc, theo chính sách, quỹ lương, quy chế trả lương, thưởng, phúc lợi và phân cấp thẩm quyền đã được Hội đồng quản trị quyết định;

- Tổ chức tuyển dụng lao động để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty theo kế hoạch lao động, định biên, quỹ lương và quy định do Hội đồng quản trị quyết định;

- Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Nghĩa vụ của Tổng giám đốc:

- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị quyết định;

- Kiến nghị Hội đồng quản trị phương án cơ cấu tổ chức và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- Kiến nghị Hội đồng quản trị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- Thực hiện chế độ báo cáo, giải trình trước Hội đồng quản trị theo quy định.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành sau khi có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa số lượng thành viên được bầu.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó;

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước về tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước.

2. Ban kiểm soát xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông phương án tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng, các lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát quyết định mức tiền lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.

3. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn nhà nước một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người đại diện phần vốn nhà nước và người quản lý khác phải công khai các lợi

ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người đại diện phần vốn nhà nước, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người đại diện phần vốn nhà nước, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan có phải được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị từ 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người đại diện phần vốn nhà nước và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành Công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở

hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Trước khi phân phối cổ tức, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng phúc lợi, và nộp phần lợi nhuận thuộc vốn nhà nước vào ngân sách theo tỷ lệ sở hữu, phù hợp với Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định hướng dẫn.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 51. Báo cáo thường niên và báo cáo tình hình hoạt động Công ty

a) Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Thực hiện báo cáo tình hình hình hoạt động Công ty cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu các nội dung theo quy định tại Điều 54 Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

Điều 52. Cung cấp và công bố thông tin

1. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020. Yêu cầu phải bằng văn bản, gửi đến Hội đồng quản trị. Nội dung bao gồm: danh tính cổ đông, số cổ phần, loại thông tin, mục đích. Công ty cung cấp thông tin trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận yêu cầu hợp lệ. Nếu từ chối, phải thông báo bằng văn bản nêu lý do trong 03 ngày.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thông tin nội bộ để thực hiện nhiệm vụ. Yêu cầu gửi đến Ban điều hành, cung cấp trong thời hạn hợp lý, không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận yêu cầu. Thông tin phải được bảo mật.

2. Công bố thông tin: thực hiện công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo của Điều lệ này, các quy chế nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành và quy định pháp luật có liên quan.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 60. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Huế, ngày ... tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG *1*
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Giải thích từ ngữ 2
Chương II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG *2*
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2
Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 2
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 4
Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến 5
Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến 8
Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *9*
Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 9
Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 9
Điều 10. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 11
Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị 12
Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 12
Chương IV BAN KIỂM SOÁT *13*
Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát 13
Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát 13
Chương V TỔNG GIÁM ĐỐC *14*
Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng giám đốc 14
Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc 15
Chương VI CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC *15*
Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc 15
Điều 18. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác 18
Điều 19. Xử lý vi phạm về quản trị công ty 18
Điều 20. Công bố thông tin và lưu trữ hồ sơ 19
Điều 21. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp 19

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
---***---

Số: /QC-MTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

Huế, ngày tháng .... năm 202...

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số ……../NQ-ĐHĐCĐ ngày ……)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/11/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025);

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2026,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế (Công ty) ban hành Quy chế quản trị nội bộ Công ty bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế quản trị nội bộ Công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động quản trị khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thông tư 96/2020/TT-BTC* là Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

2. *Quản trị công ty* là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm: Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

3. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời giữ vị trí người điều hành theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

4. *Người có quan hệ gia đình* là các cá nhân được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

5. *Người phụ trách quản trị công ty* là người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm để hỗ trợ công tác quản trị công ty, thực hiện trách nhiệm, quyền hạn theo quy chế này.

6. *Công bố thông tin* là việc Công ty đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo khoản 3 Điều 7 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

7. *Hệ thống quy chế nội bộ Công ty* là hệ thống quy chế bao gồm nhưng không giới hạn: Quy chế quản trị nội bộ (do Đại hội đồng cổ đông phê duyệt); các quy chế do Hội đồng quản trị phê duyệt: a) Quy chế tài chính – đầu tư; b) Quy chế nhân sự và tiền lương; c) Quy chế quản lý chương trình, đề án, dự án lớn; d) Quy chế điều hành.

Chương II
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông: được quy định khoản 1 Điều 14 Điều lệ công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông: được quy định tại Điều 15 Điều lệ công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: được quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 14 và khoản 1 Điều 18 Điều lệ công ty.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Việc lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ công ty.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

a) Việc thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

b) Trường hợp chương trình họp có nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thông báo nêu rõ thời hạn cuối nộp hồ sơ đề cử để đảm bảo công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên theo điểm b khoản 4 Điều này;

4. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:

a) Hội đồng quản trị chuẩn bị chương trình và nội dung họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề theo khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp; Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

b) Trường hợp chương trình họp có nội dung bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, công ty công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu theo các nội dung quy định tại khoản 1 điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;

c) Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 18 Điều lệ công ty.

d) Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc.

5. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty.

6. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông hoặc người được ủy quyền đăng ký tham dự trực tiếp tại địa điểm họp hoặc thông qua hệ thống đăng ký trực tuyến (nếu áp dụng). Người tham dự cần xuất trình giấy tờ tùy thân và văn bản ủy quyền (nếu người được ủy quyền) khi đăng ký. Công ty kiểm tra tư cách cổ đông dựa trên danh sách cổ đông có quyền dự họp.

7. Điều kiện tiến hành: được quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty.

8. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 2 hình thức chính: Biểu quyết tại cuộc họp hoặc Lấy ý kiến bằng văn bản.

a) Biểu quyết tại cuộc họp: quy định tại khoản 6 Điều 13 Điều lệ công ty.

b) Lấy ý kiến bằng văn bản: quy định tại Điều 5 Quy chế này.

9. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu: được quy định tại Điều 20 Điều lệ công ty.

10. Điều kiện để nghị quyết được thông qua: được quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty.

11. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được công bố trước khi bế mạc cuộc họp và ghi vào biên bản họp.

12. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: được quy định tại Điều 24 Điều lệ công ty.

13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty.

14. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết được công bố trên website Công ty, UBCKNN và HNX trong vòng 24 giờ sau khi kết thúc họp theo Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: được quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a) Hội đồng quản trị thống nhất, ra quyết định về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản;

b) Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Lưu ý:

- Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu liên quan được gửi đến các cổ đông bằng phương thức gửi bảo đảm;

- Danh sách cổ đông có quyền tham gia góp ý được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy phiếu lấy ý kiến bằng văn bản;

c) Phiếu lấy ý kiến phải gửi về công ty trước thời hạn xác định và đảm bảo tuân thủ các điều kiện về hình thức theo quy định.

- Trường hợp, các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

- Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

+ Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trong trường hợp này, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức;

+ Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

d) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu:

- Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty;

- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

đ) Gửi Biên bản kiểm phiếu đến các cổ đông của công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- Công ty có trách nhiệm lưu giữ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến tại trụ sở chính của công ty.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Thực hiện theo khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;

b) Nội dung thông báo phải bao gồm:

- Thời gian họp, nền tảng trực tuyến sử dụng và cách thức truy cập;

- Chương trình nghị sự, tài liệu họp, mẫu phiếu biểu quyết (nếu áp dụng), hướng dẫn đăng ký tham dự và quy trình biểu quyết trực tuyến;

- Liên kết truy cập (link), mã truy cập (access code) hoặc hướng dẫn đăng nhập;

- Hướng dẫn kỹ thuật tham gia (cách xác thực danh tính, bỏ phiếu, xử lý sự cố);

c) Công ty phải đảm bảo nền tảng trực tuyến đáp ứng các yêu cầu: bảo mật thông tin, xác thực danh tính cổ đông, ghi nhận và lưu trữ dữ liệu biểu quyết, cho phép tham gia đồng thời và thảo luận.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đăng ký tham dự qua hệ thống trực tuyến do Công ty cung cấp, hoặc qua email/fax theo hướng dẫn trong thông báo triệu tập;

b) Cổ đông cung cấp thông tin xác thực: họ tên, số CCCD/hộ chiếu, mã số cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu (hoặc thông tin khác theo yêu cầu);

c) Người được ủy quyền phải nộp thêm văn bản ủy quyền hợp lệ (theo Điều 16 Điều lệ);

d) Thời hạn đăng ký: chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, trừ khi Điều lệ quy định khác;

e) Công ty kiểm tra tư cách tham dự dựa trên danh sách cổ đông có quyền dự họp (đã chốt theo quy định).

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Cổ đông có quyền ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân hoặc tổ chức tham dự và biểu quyết trực tuyến;

b) Văn bản ủy quyền phải:

- Theo mẫu do Công ty cung cấp hoặc theo quy định pháp luật;
- Nêu rõ phạm vi ủy quyền (toàn bộ hoặc một phần quyền biểu quyết);
- Được gửi đến Công ty trước thời hạn đăng ký (qua email, hệ thống trực tuyến hoặc thư bảo đảm);

c) Người được ủy quyền phải cung cấp thông tin xác thực và văn bản ủy quyền khi đăng ký;

d) Công ty có thể yêu cầu xác minh danh tính qua video call hoặc biện pháp điện tử khác.

4. Điều kiện tiến hành:

a) Thực hiện theo Điều 19 Điều lệ Công ty (tổng số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết);

b) Đồng thời đảm bảo:

- Nền tảng trực tuyến hoạt động ổn định, cho phép cổ đông tham gia, thảo luận và biểu quyết đồng thời;
- Có biện pháp xác minh danh tính cổ đông (mã OTP, chữ ký số, tài khoản đã xác thực hoặc biện pháp tương đương);
- Hệ thống ghi lại toàn bộ quá trình họp để phục vụ kiểm tra và lưu trữ.

c) Trường hợp hệ thống gặp sự cố kỹ thuật nghiêm trọng, Chủ tọa có quyền tạm dừng họp và gia hạn trong vòng 24 giờ để khắc phục, đồng thời thông báo cho cổ đông.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

a) Nghị quyết được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tuyến tại cuộc họp;

b) Hình thức biểu quyết bao gồm:

- Chọn nút biểu quyết trực tiếp trên giao diện họp (cho các vấn đề thủ tục, thăm dò);

- Sử dụng phần mềm biểu quyết chuyên dụng tích hợp trong nền tảng họp (cho các nghị quyết chính thức, bầu cử, phê duyệt);

- Gửi phiếu biểu quyết điện tử qua hệ thống hoặc email được chỉ định (nếu nền tảng hỗ trợ).

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

a) Cổ đông bỏ phiếu thông qua:

- Giao diện biểu quyết trên nền tảng (chọn tán thành/không tán thành/không ý kiến);

- Phiếu biểu quyết điện tử (nếu có) được gửi qua hệ thống hoặc email chỉ định;

- Phần mềm biểu quyết chuyên dụng (hỗ trợ dồn phiếu, bầu cử theo tỷ lệ cổ phần).

b) Hệ thống phải ghi nhận thời gian, nội dung biểu quyết của từng cổ đông và đảm bảo tính minh bạch.

c) Công ty cung cấp hướng dẫn chi tiết về cách thức bỏ phiếu trước và trong cuộc họp.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến:

a) Ban kiểm phiếu (do Hội đồng quản trị chỉ định trước cuộc họp, và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hoặc bổ sung thành viên giám sát tại cuộc họp) thực hiện kiểm phiếu qua:

- Hệ thống tự động tổng hợp kết quả (nếu sử dụng phần mềm chuyên dụng);

- Kiểm tra thủ công phiếu biểu quyết điện tử để xác định tính hợp lệ;

b) Loại bỏ phiếu không hợp lệ (trùng lặp, không xác thực danh tính, gửi sau thời hạn).

c) Lập biên bản kiểm phiếu điện tử, ghi rõ:

- Tổng số phiếu hợp lệ;

- Số phiếu tán thành, không tán thành, không ý kiến;

- Tỷ lệ phần trăm (%) cho từng nghị quyết;

- Danh sách phiếu không hợp lệ và lý do.

d) Biên bản có chữ ký điện tử của thành viên Ban kiểm phiếu;

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

a) Chủ tọa công bố Kết quả kiểm phiếu trước khi bế mạc cuộc họp;

b) Thông báo bao gồm: số lượng phiếu biểu quyết hợp lệ, tỷ lệ tán thành/không tán thành/không ý kiến cho từng nghị quyết;

c) Biên bản kiểm phiếu được gửi đến cổ đông qua email hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty (nếu yêu cầu).

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo khoản 13 Điều 4 Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo khoản 14 Điều 4 Quy chế này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Các quy định tương tự như họp trực tiếp và trực tuyến, đảm bảo quyền tham gia và biểu quyết của cổ đông ở cả hai hình thức được thực hiện công bằng và minh bạch, bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Nội dung thông báo nêu rõ thời gian, địa điểm họp trực tiếp, và thông tin truy cập nền tảng trực tuyến;

b) Thông báo họp trực tiếp thực hiện theo khoản 3 Điều 4 Quy chế này; họp trực tuyến thực hiện theo khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

a) Họp trực tiếp: thực hiện theo khoản 6 Điều 4 Quy chế này;

b) Họp trực tuyến: hiện theo khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Họp trực tiếp: thực hiện theo khoản 5 Điều 4 Quy chế này;

b) Họp trực tuyến: thực hiện theo khoản 3 Điều 6 Quy chế này.

4. Điều kiện tiến hành:

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có tổng số cổ đông dự họp trực tiếp và trực tuyến đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; Cuộc họp lần thứ hai, thứ ba theo khoản Điều 4 Quy chế này và đảm bảo điều kiện họp trực tuyến theo khoản 4 Điều 6 Quy chế này.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết được thông qua bằng hình thức biểu quyết kết hợp trực tiếp (Giơ tay, bỏ phiếu kín, hoặc sử dụng thiết bị biểu quyết điện tử tại địa điểm họp) với trực tuyến (Bỏ phiếu qua giao diện nền tảng trực tuyến, phiếu biểu quyết điện tử gửi qua email, hoặc phần mềm biểu quyết chuyên dụng).

6. Cách thức bỏ phiếu:

a) Họp trực tiếp: thực hiện theo khoản 10 Điều 4;

b) Họp trực tuyến: thực hiện theo khoản 6 Điều 6.

7. Cách thức kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu thông qua hai hình thức Họp trực tiếp (thực hiện theo khoản 11 Điều 4) và Họp trực tuyến (thực hiện theo khoản 7 Điều 6) và tổng hợp kết quả của cả hai hình thức.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

a) Chủ tọa công bố Kết quả kiểm phiếu trước khi bế mạc cuộc họp;

b) Thông báo bao gồm: số lượng phiếu biểu quyết hợp lệ, tỷ lệ tán thành/không tán thành/không ý kiến cho từng nghị quyết theo từng hình thức biểu quyết;

c) Biên bản kiểm phiếu được gửi đến cổ đông qua email hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty (nếu yêu cầu).

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo khoản 13 Điều 4.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện theo khoản 14 Điều 4.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Vai trò của Hội đồng quản trị: được quy định khoản 1 Điều 27 Điều lệ công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: được quy định tại khoản 2, 3 Điều 27 Điều lệ công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành, cá nhân giữ chức danh quản lý khác của Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty; Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo khoản 5 Điều 41 Luật Chứng khoán, Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều 42, 43 Điều lệ công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đứng đầu Hội đồng quản trị, do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị: theo khoản 1, 2 Điều 26 Điều lệ công ty.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a) Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị: theo khoản 3 Điều 26 Điều lệ công ty;

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị: theo khoản 5 Điều 25 Điều lệ công ty;

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a) Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 25 Điều lệ công ty;

b) Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết tối thiểu 12 ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết để tiến hành bầu cử, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty;

c) Hồ sơ đề cử gồm: Văn bản đề cử, lý lịch ứng cử viên, bản sao giấy tờ tùy thân, tài liệu chứng minh trình độ, kinh nghiệm, cam kết ứng cử viên không thuộc đối tượng bị cấm làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty; Hồ sơ gửi đến Công ty tối thiểu 12 ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

a) Miễn nhiệm: Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

b) Bãi nhiệm: Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, gây thiệt hại cho Công ty, hoặc theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

- Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

c) Bổ sung: Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty hoặc còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá mức quy định;

d) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu trên;

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

a) Công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty.

b) Thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ;

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

a) Công ty tổ chức tiếp nhận hồ sơ ứng cử, đề cử của cổ đông/nhóm cổ đông; tiến hành kiểm tra hồ sơ, thông báo bổ sung nếu hồ sơ không hợp lệ (thời hạn 02 ngày);

b) Tổng hợp và công bố danh sách ứng viên hợp lệ trên website công ty theo thời gian quy định tại điểm b khoản 5 Điều 4;

c) Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua trước khi tiến hành bầu cử;

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó theo khoản 1 Điều 157 Luật Doanh nghiệp hoặc theo khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị họp, đề cử ứng viên trong số thành viên Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và bầu bằng biểu quyết theo nguyên tắc đa số thành viên tán thành;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo khoản 1 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị họp, đề xuất bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và biểu quyết theo nguyên tắc đa số thành viên tán thành.

Điều 10. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị: thực hiện theo Điều 28 Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm báo cáo và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị để tham gia ý kiến, biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cuộc họp được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

4. Biên bản họp được lập và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Nội dung biên bản thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Ngoài chữ ký của Chủ tọa và Thư ký, các thành viên dự họp trực tiếp cùng ký biên bản họp theo yêu cầu của Chủ tọa.

5. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký thì biên bản này có hiệu lực theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

6. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến thành viên và các bên liên quan sau cuộc họp và công bố nếu thuộc diện phải công bố theo quy định.

Điều 12. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:

a) Người phụ trách quản trị phải am hiểu pháp luật, Điều lệ công ty, có khả năng tổ chức, điều phối công việc và một số tiêu chuẩn theo yêu cầu của Điều lệ công ty (nếu có);

b) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị của công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty theo khoản 1 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

3. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Hội đồng quản trị miễn nhiệm Người phụ trách quản trị khi người này không còn đáp ứng tiêu chuẩn hoặc vi phạm nghĩa vụ quản trị.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm được công bố thông tin và gửi thông báo đến cơ quan có thẩm quyền (nếu yêu cầu).

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty: theo khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty.

Chương IV
BAN KIỂM SOÁT

Điều 13. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: theo Điều 39 Điều lệ công ty.

2. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

b) Thực hiện chức năng giám sát một cách độc lập, trung thực, khách quan và công bằng đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và bộ máy điều hành công ty;

c) Không lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Giữ bí mật thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

d) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát và họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định; có ý kiến kịp thời bằng văn bản về các vấn đề thuộc phạm vi giám sát;

đ) Báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ, hoặc gây thiệt hại cho công ty; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;

e) Chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới về thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ giám sát.

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát: theo Điều 37 và Điều 38 Điều lệ công ty.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát: theo khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử theo tỷ lệ quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ;

b) Các cổ đông hợp thành nhóm phải thông báo họp nhóm cho cổ đông dự họp biết tối thiểu 12 ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

c) Trường hợp số ứng cử viên không đủ, Ban kiểm soát đương nhiệm hoặc Hội đồng quản trị có thể giới thiệu thêm ứng cử viên;

d) Hồ sơ đề cử gồm: văn bản đề cử, lý lịch ứng cử viên, bản sao giấy tờ tùy thân, tài liệu chứng minh trình độ kinh nghiệm, cam kết không thuộc đối tượng bị cấm; hồ sơ gửi Công ty tối thiểu 12 ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát:

Việc bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc nhiều ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo khoản 3 và khoản 4 Điều 37 Điều lệ công ty;

b) Bổ sung: Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban kiểm soát đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty hoặc còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá mức quy định;

c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Ban kiểm soát; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát ngoài trường hợp quy định miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu trên.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:

Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát:

a) Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 41 Điều lệ công ty;

b) Thành viên Ban kiểm soát là người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo và xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến về mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng của Ban kiểm soát để tham gia ý kiến tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Chương V
TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 15. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Công ty, chịu trách nhiệm điều hành công việc kinh doanh hàng ngày, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị cũng như trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc là chủ tài khoản của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ Tổng giám đốc: theo Điều 34 và Điều 35 Điều lệ công ty;

Điều 16. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc: theo khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty;

b) Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, hoặc thành viên Ban kiểm soát, người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc:

a) Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc theo khoản 1 Điều 35 Điều lệ Công ty;

b) Việc bổ nhiệm phải được ghi nhận bằng quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Ký hợp đồng lao động (hoặc hợp đồng dịch vụ) với Tổng giám đốc theo quy định pháp luật lao động và Điều lệ Công ty.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

a) Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm người thay thế theo khoản 4 Điều 35 Điều lệ Công ty;

b) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc:

Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc được công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc: theo khoản 3 và khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty.

Chương VI
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 17. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc: theo Điều 30, Điều 39, Điều 40 và Điều 42 Điều lệ công ty.

2. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến thành viên Ban kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị;

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;

b) Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị có thể mời Ban Tổng giám đốc hoặc Người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo Điều 11 Quy chế này;

d) Tại các phiên họp của Ban điều hành, người chủ trì có thể mời Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát tham dự và đóng góp ý kiến; biên bản họp phải gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để báo cáo.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát:

Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới các Kiểm soát viên trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc:

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;

4. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị: theo khoản 3 và 5 Điều 30 Điều lệ công ty.

5. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao:

a) Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này định kỳ theo quy định và khi được yêu cầu;

b) Tổng giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về các vấn đề sau:

- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất – kinh doanh;
- Tình hình tài chính;
- Các quyết định và giao dịch lớn, giao dịch với bên liên quan;
- Nhân sự và tổ chức: Thay đổi nhân sự cấp phòng, kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm.

- Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty, cổ đông và thị trường, các rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Đề xuất phương án, kế hoạch, dự án mới, điều chỉnh ngân sách, huy động vốn;

- Hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác;

c) Tổng giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ, kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị;

d) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất theo yêu cầu;

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu;

7. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm;

+ Kế hoạch kinh doanh hàng năm;

+ Những vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị;

- Báo cáo của Tổng giám đốc phải được gửi đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như nhau.

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

a) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

- Hội đồng quản trị đảm bảo rằng tất cả tài liệu, thông tin về nội dung họp, tài liệu, biên bản họp, nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các báo cáo của Tổng giám đốc và người điều hành khác trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành, được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp với thành viên Hội đồng quản trị;

- Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, Ban kiểm soát được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty;

b) Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

- Tổng giám đốc và người điều hành khác thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của Công ty;

- Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến công việc mà thành viên Ban kiểm soát được phân công thực hiện;

- Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng giám đốc và người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát;

- Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất;

- Các văn bản báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị;

c) Phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng giám đốc và các đơn vị báo cáo thực hiện việc cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị và quy định pháp luật.

- Tổng giám đốc có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng quản trị bao gồm cả cách thức gửi/nhận thông tin, báo cáo đảm bảo an toàn, bảo mật theo quy định của Hội đồng quản trị.

9. Phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu:

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phối hợp chặt chẽ với cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 18. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý Công ty và người điều hành khác;

2. Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Kiểm soát viên;

3. Tiêu chí đánh giá hoạt động và xếp loại đánh giá theo quy định của Công ty trong từng thời kỳ.

Điều 19. Xử lý vi phạm về quản trị công ty

1. Xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác: theo Điều 42 và Điều 43 Điều lệ Công ty.

2. Tùy theo mức độ vi phạm, áp dụng hình thức kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Người vi phạm phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và cổ đông.

Điều 20. Công bố thông tin và lưu trữ hồ sơ

1. Trách nhiệm công bố thông tin:

a) Công ty chịu trách nhiệm công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, các quy định pháp luật hiện hành và Quy chế công bố thông tin của Công ty;

b) Các nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và các thông tin liên quan đến bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, người điều hành phải được công bố trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp hoặc sự kiện;

c) Người phụ trách quản trị công ty chịu trách nhiệm giám sát và đảm bảo việc công bố thông tin đúng thời hạn, đầy đủ, và chính xác;

d) Việc công bố thông tin và chế độ báo cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ có liên quan.

2. Lưu trữ hồ sơ:

a) Các biên bản họp, nghị quyết, phiếu biểu quyết, phiếu lấy ý kiến, và tài liệu liên quan của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty trong thời hạn tối thiểu 10 năm kể từ ngày phát hành, hoặc theo quy định pháp luật;

b) Hồ sơ lưu trữ phải được bảo mật, chỉ cung cấp cho các bên có thẩm quyền theo yêu cầu của pháp luật hoặc Điều lệ công ty;

c) Công ty có thể sử dụng hệ thống lưu trữ điện tử, đảm bảo tính bảo mật và toàn vẹn của dữ liệu;

d) Hồ sơ điện tử phải có chữ ký số theo quy định pháp luật.

Điều 21. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp

1. Hiệu lực thi hành:

Quy chế quản trị nội bộ Công ty Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế bao gồm 6 chương, 21 điều, được Đại hội đồng cổ đông ngày …./…./2026 thông qua, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ../…./2026 và thay thế quy chế quản trị nội bộ số 09/QC-HĐQT ngày 29/4/2020;

2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Các nghị quyết, quyết định, và hoạt động quản trị đã thực hiện trước khi Quy chế này có hiệu lực vẫn giữ nguyên hiệu lực, trừ trường hợp có mâu thuẫn trực tiếp với Quy chế này;

b) Các hợp đồng, giao dịch, hoặc quyết định đang trong quá trình thực hiện nhưng chưa hoàn tất và không phù hợp với Quy chế này phải được điều chỉnh trong vòng 30 ngày kể từ ngày Quy chế có hiệu lực;

c) Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp

có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty;

3. Tổ chức thực hiện:

a) Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này;

b) Tổng giám đốc và Người phụ trách quản trị công ty có trách nhiệm phối hợp triển khai và báo cáo việc thực hiện Quy chế này cho Hội đồng quản trị;

c) Ban kiểm soát thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại pháp luật và Điều lệ Công ty;

d) Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Huế, ngày ... tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG *1*
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 2
Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *2*
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị 2
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị ... 2
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 2
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 3
Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *3*
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 3
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 3
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường 3
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị 3
Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *4*
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị 4
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị 4
Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH *4*
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm và báo cáo tình hình hoạt động Công ty 4
Điều 18. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 5
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 5
Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *6*
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 6
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành 6
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát 6
Điều 23. Mối quan hệ với cơ quan đại diện chủ sở hữu 6
Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH *7*
Điều 24. Hiệu lực thi hành 7

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
---***---
Số: /QC-MTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

Huế, ngày tháng ... năm 202....

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 202... số ……../NQ-ĐHĐCĐ ngày ……)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/11/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025);

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế;

Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm...

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế (Công ty) ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện theo khoản 2 Điều 27, Điều 42, Điều 43 Điều lệ công ty và Điều 8 Quy chế quản trị nội bộ.

2. Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn nhà nước theo Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 44 Điều lệ công ty và khoản 3 Điều 8 Quy chế quản trị nội bộ.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 1 và 2 Điều 26 Điều lệ công ty (05 thành viên, nhiệm kỳ không quá 05 năm).

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 3 Điều 26 Điều lệ công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo khoản 5 Điều 25 và khoản 5 Điều 26 Điều lệ công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Theo Điều 29 Điều lệ công ty.

2. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty theo khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo khoản 4 Điều 26 Điều lệ công ty và khoản 5 Điều 9 Quy chế quản trị nội bộ.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thực hiện theo khoản 3 và 4 Điều 9 Quy chế quản trị nội bộ.

2. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty và khoản 6 Điều 9 Quy chế quản trị nội bộ.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Thực hiện theo Điều 27 Điều lệ công ty và Điều 8 Quy chế quản trị nội bộ.

2. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc liên quan đến quản lý, sử dụng vốn nhà nước, Hội đồng quản trị thực hiện xin ý kiến, báo cáo theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Thực hiện theo khoản 3, 4 Điều 14 và Điều 18 Điều lệ công ty và Điều 8 Quy chế quản trị nội bộ.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo Điều 31 Điều lệ công ty và Điều 4 Quy chế quản trị nội bộ.

Chương IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 30 Điều lệ công ty và Điều 11 Quy chế quản trị nội bộ.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm và báo cáo tình hình hoạt động Công ty

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;

d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

4. Thực hiện báo cáo tình hình hình hoạt động Công ty cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu các nội dung theo Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan.

Điều 18. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện theo Điều 28 Điều lệ công ty và Điều 10 Quy chế quản trị nội bộ.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo Điều 42 Điều lệ công ty và quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của

Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 23. Mối quan hệ với cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các quy định liên quan.

2. Hội đồng quản trị báo cáo định kỳ (hàng quý, hàng năm) và bất thường cho cơ quan đại diện chủ sở hữu về tình hình sử dụng vốn nhà nước, kết quả

kinh doanh, đầu tư, thoái vốn, và quản lý quỹ lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định.

3. Trước khi quyết định các vấn đề lớn (sửa đổi Điều lệ, đầu tư, thoái vốn, phân phối lợi nhuận, xác định quỹ lương), Hội đồng quản trị phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị cung cấp thông tin bổ sung. Hội đồng quản trị phải cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, và công bố theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

5. Trường hợp có tranh chấp, Hội đồng quản trị phối hợp với cơ quan đại diện chủ sở hữu để giải quyết theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, các quy định pháp luật liên quan, và Điều lệ Công ty.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế bao gồm 7 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2026.

2. Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị số 13/QĐ-HĐQT ngày 26/5/2020.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(DỰ THẢO)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

Huế, ngày ... tháng 5 năm 2026

MỤC LỤC

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG *1*
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát 2
Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT *2*
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát 2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát 2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát 2
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát 3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát 3
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát 4
Chương III BAN KIỂM SOÁT *5*
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát 5
Điều 12. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát 6
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 7
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông 7
Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT *8*
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát 8
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát 8
Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH *8*
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm 8
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác 9
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan 9
Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT *10*
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát 10
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành 10
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị 10
Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT *10*
Điều 23. Khen thưởng 10
Điều 24. Kỷ luật 10
Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH *11*
Điều 25. Hiệu lực thi hành 11

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
---***---

Số: /QC-MTĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
---o0o---

Huế, ngày tháng ... năm 202....

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 202... số ……/NQ-ĐHĐCĐ ngày ……)

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024);

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/11/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025);

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025);

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế;

Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế (Công ty) ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

3. Trừ khi có quy định khác, các thuật ngữ được áp dụng trong Quy chế này cũng có nghĩa như được định nghĩa trong Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

7. Thành viên Ban kiểm soát là người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện phần vốn nhà nước theo Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;

4. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

5. Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;

6. Đảm bảo điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp; các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Điều 36 Điều lệ công ty và khoản 3 Điều 14 Quy chế quản trị nội bộ.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa số lượng thành viên được bầu.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm

soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát; Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 5 Quy chế này;

b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm

thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định về công bố thông tin.

Chương III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại HEPCO theo quy định của pháp luật.

5. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

6. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

7. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

9. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

10. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

11. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 12. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Thực hiện chế độ làm việc tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát; Trưởng Ban có trách nhiệm tổ chức phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, các thành viên tự chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

2. Giám sát là biện pháp kiểm tra chủ yếu được Ban kiểm soát thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa, phát hiện kịp thời và xử lý các vi phạm pháp luật, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty. Có 02 hình thức giám sát:

a) Giám sát gián tiếp: Thông qua các tài liệu, báo cáo, các dự thảo văn bản do Công ty gửi đến và thông tin thu thập từ nhiều nguồn tin cậy khác nhau, Ban kiểm soát kiểm tra, đối chiếu với các quy định của nhà nước, Điều lệ và Quy chế của Công ty, nếu phát hiện có sự sai lệch, thua lỗ, vi phạm các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước, Ban kiểm soát phải có ý kiến để Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc xem xét và có sự điều chỉnh phù hợp.

b) Giám sát trực tiếp: Theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát được trực tiếp làm việc với các phòng nghiệp vụ để giám sát việc chấp hành các quy định của nhà nước, Điều lệ và Quy chế của Công ty; sau đó báo cáo Trưởng Ban kiểm soát để kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung trình Hội đồng quản trị hoặc thông báo cho Tổng giám đốc Công ty xem xét, điều chỉnh hoạt động cho phù hợp và có hiệu quả.

4. Kiểm tra định kỳ: Cuối niên độ kế toán, sau khi báo cáo tài chính của Công ty đã được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán theo quy định, Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính. Việc thẩm định được hiểu là việc xem xét tính hợp lý, hợp lệ của báo cáo theo hướng dẫn của Bộ tài chính về cơ chế quản lý tài chính của Công ty.

5. Kiểm tra đột xuất: Đối với những việc cần kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm sai sót giúp Công ty khắc phục kịp thời, Trưởng Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị Công ty quyết định thời điểm và nội dung kiểm tra.

6. Trường hợp cần thiết, Ban kiểm soát được quyền trưng cầu giám định, tư vấn của các chuyên gia, tổ chức chuyên ngành để phục vụ công tác của Ban kiểm soát sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của Hội đồng quản trị Công ty. Chi phí thuê chuyên gia, tổ chức chuyên ngành được tính vào chi phí hoạt động nghiệp vụ của Ban kiểm soát.

7. Trường hợp đối tượng kiểm tra chưa nhất trí với nội dung kết luận của Ban kiểm soát thì được ghi rõ ý kiến của mình vào biên bản kiểm tra để Trưởng Ban kiểm soát báo cáo Hội đồng quản trị và thông báo với Tổng giám đốc Công ty.

8. Các nội dung kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình Hội đồng quản trị hoặc thông báo cho Tổng giám đốc Công ty phải được bàn bạc thống nhất trong nội bộ Ban kiểm soát. Trường hợp chưa thống nhất, mỗi thành viên Ban kiểm soát có quyền bảo lưu ý kiến của mình và Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo những ý kiến bảo lưu của các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát..

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

6. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của Nhà nước về tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước.

2. Ban kiểm soát xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông phương án tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng, các lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát quyết định mức tiền lương, thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.

3. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;

c) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

1. Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII
KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Trưởng Ban kiểm soát trình và đề nghị hình thức khen thưởng đối với cá nhân và tập thể Ban kiểm soát theo kết quả và hiệu quả giám sát, kiểm soát của cá nhân và tập thể Ban kiểm soát.

2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty.

3. Nguồn kinh phí để khen thưởng đối với tập thể và cá nhân kiểm soát viên được trích từ quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty.

Điều 24. Kỷ luật

Thành viên Ban kiểm soát lợi dụng chức vụ, quyền hạn, có hành động vụ lợi cá nhân, cố ý bỏ qua hoặc bao che những hành vi phạm pháp hoặc xâm phạm lợi ích hợp pháp của các đơn vị, cá nhân liên quan; những người gây cản trở thực thi nhiệm vụ giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế bao gồm 8 chương, 25 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

2. Quy chế này thay thế Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát số…

3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
Số /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
-----o0o-----

Huế, ngày 21 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v Thông qua chủ trương đầu tư Khu xử lý chất thải tại Hương Bình

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua chủ trương đầu tư Khu xử lý chất thải tại Hương Bình, với các nội dung chính như sau:

I. Sự cần thiết đầu tư

Cơ sở xử lý chất thải tại Thủy Phương sẽ phải đóng cửa theo quy hoạch và hết hạn giấy phép môi trường vào năm 2029; việc di dời và đầu tư cơ sở mới là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo đảm không gián đoạn hoạt động xử lý chất thải trên địa bàn.

Nhu cầu xử lý chất thải ngày càng tăng, trong khi các cơ sở hiện hữu đã quá tải, đặc biệt Nhà máy Phú Sơn đang vận hành vượt công suất thiết kế.

Việc đầu tư Khu xử lý chất thải tại Hương Bình phù hợp quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn, nâng cao tỷ lệ tái chế và bảo vệ môi trường.

II. Mục tiêu và định hướng đầu tư

1. Mục tiêu:

- Di dời cơ sở xử lý chất thải từ Thủy Phương về Hương Bình;
- Xây dựng khu xử lý chất thải tập trung hiện đại, đồng bộ;
- Nâng cao năng lực xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại và sinh hoạt.

2. Định hướng đầu tư:

- Triển khai theo 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Di dời và đầu tư hệ thống xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại, phân loại – tái chế và thí điểm sản xuất vật liệu làm bón từ chất thải hữu cơ;

+ Giai đoạn 2: Đầu tư hệ thống xử lý chất thải sinh hoạt công suất khoảng 250–300 tấn/ngày.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, kết hợp phân loại – tái chế – thu hồi năng lượng theo mô hình kinh tế tuần hoàn.

III. Quy mô và nội dung đầu tư chủ yếu (giai đoạn 1)

- Quy mô diện tích: khoảng 3,2 ha tại Khu xử lý chất thải rắn Hương Bình;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: khoảng 99,976 tỷ đồng;
- Bố trí gồm 05 khu chức năng chính:

+ Khu phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật (gồm nhà điều hành, trạm cân, trạm điện, PCCC, đường nội bộ, hệ thống cấp – thoát nước, cây xanh…);

+ Khu tiếp nhận, phân loại và lưu chứa phế liệu (phục vụ tiếp nhận, phân loại, sơ chế rác tái chế);

+ Khu xử lý chất thải công nghiệp thông thường (bố trí dây chuyền phân loại, lò đốt công nghiệp, hệ thống sấy bùn, phối trộn vật liệu);

+ Khu xử lý chất thải nguy hại (gồm lò đốt, hệ thống xử lý hóa chất, tái chế điện tử – quang năng và các công trình phụ trợ);

+ Khu tái chế và xử lý nước thải (kết hợp thí điểm sản xuất vật liệu làm phân bón từ chất thải hữu cơ)

(gồm khu sản xuất vật liệu làm phân bón từ chất thải hữu cơ nhằm đánh giá khả năng xử lý theo hướng kinh tế tuần hoàn; hệ thống xử lý nước thải, hồ sinh học và các hạng mục môi trường).

Hạng mục thí điểm sản xuất vật liệu làm phân bón từ chất thải hữu cơ trong giai đoạn 1 mang tính thí điểm, quy mô linh hoạt, không phải hạng mục đầu tư chính và không làm thay đổi tính chất của dự án; sẽ được nghiên cứu, hoàn thiện trong giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và điều chỉnh phù hợp với quy hoạch.

IV. Nguồn vốn và tiến độ thực hiện

- Nguồn vốn dự kiến:

+ Vốn tự có;

+ Vốn vay ưu đãi;

+ Huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

- Tiến độ thực hiện:

+ Giai đoạn đầu tư: 2026–2029;

+ Vận hành: từ năm 2030.

Các thông số về tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và hiệu quả tài chính là dự kiến ở cấp độ chủ trương và sẽ được xác định cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu khả thi.

V. Tính chất trình Đại hội

Phương án đầu tư được xây dựng ở cấp độ chủ trương đầu tư, làm cơ sở để Công ty triển khai các bước chuẩn bị đầu tư tiếp theo theo quy định pháp luật; các nội dung cụ thể sẽ được xác định trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và các hồ sơ đầu tư liên quan.

Các nội dung chi tiết về công nghệ, tài chính, phương án huy động vốn và hiệu quả đầu tư sẽ được nghiên cứu, hoàn thiện trong Báo cáo nghiên cứu khả thi.

VI. Kiến nghị

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông:

- Xem xét, thông qua chủ trương đầu tư Khu xử lý chất thải tại Hương Bình;

- Giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai các bước tiếp theo theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và trong phạm vi thẩm quyền.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét, thông qua phương án đầu tư.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHAN LÊ HIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /PA-MTĐT	*Huế, ngày tháng 4 năm 2026*

(Dự thảo)

PHƯƠNG ÁN
ĐẦU TƯ KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI TẠI HƯƠNG BÌNH
(Bản đã rà soát, điều chỉnh, tiếp thu ý kiến Sở Tài chính tại Công văn số 3142/STC-ĐKKD ngày 15/4/2026)

I. Mục tiêu của phương án

- Di dời cơ sở xử lý chất thải tại Thủy Phương đến Khu xử lý Hương Bình theo đúng quy hoạch, bảo đảm không gián đoạn hoạt động xử lý chất thải nguy hại (CTNH) và chất thải công nghiệp trên địa bàn Thành phố Huế.

- Xây dựng Khu xử lý chất thải tập trung tại Hương Bình theo hướng kinh tế tuần hoàn, thu hồi năng lượng, tái chế tài nguyên, nâng cao tỷ lệ tái chế theo yêu cầu của Luật BVMT 2020, đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải trên địa bàn Thành phố.

- Góp phần giảm tải Nhà máy đốt rác Phú Sơn (đang vượt công suất >600 tấn/ngày), bảo vệ môi trường, nâng cao tỷ lệ tái chế, tạo việc làm và giá trị gia tăng từ chất thải.

II. Hiện trạng xử lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố

1. Hiện trạng cơ sở xử lý chất thải rắn trên địa bàn Thành phố

1.1. Chất thải rắn thông thường

- Thành phố có 06 bãi chôn lấp chất thải thông thường. Trong đó có 03 bãi đang hoạt động gồm:

+ Bãi rác Thủy Phương đang chôn lấp chất thải công nghiệp thông thường, xử lý phân bùn hầm cầu toàn thành phố và rác thải phát sinh trong quá trình tổng vệ sinh, rác không đốt được.

+ Bãi rác Quảng Lợi: Đang chôn lấp rác vùng Quảng Điền (huyện Quảng Điền cũ).

+ Bãi rác Hồng Thượng: đang chôn lấp rác địa bàn vùng A Lưới (huyện A Lưới cũ).

(Bãi rác Nam Đông, Lộc Thủy, Phong Thu đang ngưng hoạt động).

- Toàn thành phố có 05 lò đốt chất thải rắn sinh hoạt:

+ 01 lò tại nhà máy xử lý rác Thủy Phương thuộc công ty Tâm Sinh Nghĩa với công suất 100 tấn/ngđ đang xử lý phần chất thải tồn đọng;

+ 01 lò đốt tại xã Điền Hải, huyện Phong Điền với công suất 20 tấn/ngđ (đang tạm dừng);

+ 01 lò đốt tại xã Quảng Công, huyện Quảng Điền, công suất 50kg/giờ (đang tạm dừng).

+ 01 lò đốt tại Lộc Thủy, với công suất 24 tấn/ngđ, hiện đang chuẩn bị nghiệm thu đưa vào vận hành;

+ Dự án Nhà máy xử lý rác Phú Sơn do đơn vị thực hiện dự án là Công ty TNHH Năng lượng môi trường EB triển khai có công suất 600 tấn/ngđ. Hiện nay

đã đưa vào vận hành, khai thác, đang xử lý hầu hết lượng chất thải rắn sinh hoạt thông thường trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, hiện lượng rác tiếp nhận của Nhà máy đã vượt công suất 600 tấn/ngđ..

- Việc phân loại và tái chế rác chưa được chú trọng, mang tính nhỏ lẻ do các cá nhân tự thực hiện.

1.2. Chất thải nguy hại

- Hiện Công ty cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Huế (HEPCO) đang quản lý hệ thống xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại duy nhất trên địa bàn thành phố Huế được Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) cấp phép hoạt động (Giấy phép môi trường số 317/GPMT-BTNMT do Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 25/11/2022), hết hạn ngày 24/11/2029:

+ 02 lò đốt rác thải nguy hại gồm lò Actree (100kg/h), 01 Lò đốt công suất 500kg/h tại Khu xử lý rác thải Thủy Phương và một số thiết bị xử lý chất thải nguy hại khác.

+ Ngoài ra, bãi chôn lấp chất thải nguy hại hiện tại ở Lộc Thủy do HEPCO đang quản lý được tiếp tục sử dụng trong tương lai.

- Toàn bộ chất thải nguy hại sinh hoạt, chất thải y tế phát sinh tại các bệnh viện, trung tâm y tế và đang được HEPCO thu gom và xử lý theo quy định. Và hầu hết các Doanh nghiệp lớn trên địa bàn thành phố đang hợp đồng với HEPCO xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong sản xuất.

2. Tình hình xử lý chất thải

TT	Loại chất thải	ĐVT	Khối lượng Dự báo 2025 theo Đề án 435	Khối lượng HEPCO thực hiện bình quân 2025	Tỷ lệ thực hiện	Ghi chú
1	CTRSH	tấn/ngày	728	587	80,68%	
-	Quảng Điền	tấn/ngày	37	37	100,00%	Bãi Quảng Lợi
-	A Lưới	tấn/ngày	23		0,00%	Bãi A Lưới
-	Địa bàn còn lại	tấn/ngày	668	550	82,34%	Nhà máy EB
2	CTRCNTT					
-	CTRCN TT xử lý	kg/ngày	59.981	20.000	33,34%	Bãi Thủy Phương
-	CTRCNTT Tái chế	kg/ngày	143.955	400	0,28%	Tái sử dụng, tái chế
3	Thu gom, xử lý CTNH	kg/ngày	39.227	1.900	4,84%	
-	Công nghiệp	kg/ngày	35.989	150	0,42%	Cơ sở xử lý CTNH HEPCO
-	Y tế	kg/ngày	2.760	1.735	62,86%	

TT	Loại chất thải	ĐVT	Khối lượng Dự báo 2025 theo Đề án 435	Khối lượng HEPCO thực hiện bình quân 2025	Tỷ lệ thực hiện	Ghi chú
-	Nông nghiệp	kg/ngày	479	15	3,13%	
4	Bùn thải		238	69	28,98%	Bãi Thủy Phương
4.1	Hút, xử lý Bùn bể tự hoại	tấn/ngày	68	50	73,49%	
4.2	Bùn hệ thống thoát nước	tấn/ngày	170	19	11,17%	

3. Hiện trạng quy hoạch và xây dựng các Khu xử lý chất thải rắn tập trung ở thành phố Huế

3.1. Khu xử lý chất thải rắn tập trung Phú Sơn, thị xã Hương Thủy (nay là Phường Phú Bài, thành phố Huế):

Theo phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu xử lý chất thải rắn tập trung Phú Sơn, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 18/6/2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế, Khu xử lý chất thải rắn tập trung Phú Sơn gồm các khu chức năng chính:

- Khu đốt rác (DOT) 6,91ha: Hiện đã thực hiện dự án Nhà máy xử lý rác Phú Sơn do đơn vị thực hiện dự án là Công ty TNHH Năng lượng môi trường EB triển khai đã đi vào vận hành, khai thác.

- Khu chôn lấp:

+ Khu chôn lấp 1 (CL-01) 6,27 ha: Đã thi công cơ bản hoàn thành. Dự án do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư. HEPCO đã cử cán bộ tham gia vào Ban Điều hành dự án.

+ Khu chôn lấp 2 (CL-02) 4,34ha: Khu này đã giao cho EB chôn lấp tro xỉ sau khi đốt.

+ Khu chôn lấp dự phòng (CL-DP) 5,38ha: Đang tiến hành thi công. Dự án do Ban QLDA Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị thành phố Huế làm chủ đầu tư.

Khu chôn lấp 1 (CL-01) và khu chôn lấp dự phòng (CL-DP) hiện vẫn chưa giao đơn vị quản lý, vận hành khi các dự án nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng để thay thế cho Khu xử lý rác Thủy Phương.

- Khu rác nguy hại (RNH): 5,12ha: Hiện tuyến đường giao thông để tiếp cận khu xử lý chất thải nguy hại chưa được đầu tư xây dựng và phải còn băng ngang qua tuyến đường cao tốc Bắc Nam nên để có thể khai thác, sử dụng cần phải đầu tư nguồn kinh phí lớn.

- Khu xử lý chất thải rắn tập trung Phú Sơn không có và cũng không còn quỹ đất để xây dựng khu xử lý rác công nghiệp và khu phân loại – tái chế.

Do đó, việc di dời cơ sở xử lý chất thải Thủy Phương và đầu tư cơ sở phân loại, tái chế cũng như xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Phú Sơn là không thể.

3.2. Khu xử lý chất thải rắn tập trung Hương Bình, thị xã Hương Trà (nay là xã Bình Điền, thành phố Huế):

Theo Quy hoạch phân khu xây dựng Khu xử lý chất thải rắn tập trung Hương Bình, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2457/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 (trong đó có chôn lấp CTR nguy hại). Khu xử lý chất thải rắn tập trung Hương Bình gồm các khu chức năng chính:

a. Tổng diện tích:

Khu xử lý chất thải rắn Hương Bình có tổng diện tích đã được quy hoạch phân khu là 48,3ha, trong đó:

- Dự án Khu xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt (26,5 ha) do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển đô thị Thành phố Huế làm chủ đầu tư, đã được phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500.
- Diện tích còn lại (21,8 ha) chưa được phê duyệt quy hoạch chi tiết.

b. Tình hình triển khai dự án tại Hương Bình:

"Dự án Khu xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt tại các khu vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế":

- Khu cây xanh và bãi đổ xe (diện tích 0,388 ha): đã GPMB, đã san lấp mặt bằng.
- Khu tập kết + phân loại + tái chế (diện tích 1,23 ha): đã GPMB, đã san lấp mặt bằng (nhưng hiện nay đã bị sói lỡ khoảng 70%), đã thi công mặt bằng khu tập kết rác thải 1.500m2, chưa thi công nhà phân loại.
- Khu đốt (diện tích 2,71 ha): chưa GPMB, chưa san lấp mặt bằng
- Khu xử lý rác bằng công nghệ sinh học (XLSH) diện tích 3,2 ha: chưa GPMB, chưa san lấp mặt bằng.
- Khu chôn lấp (CL): đã xây dựng hoàn chỉnh 02 khu, còn 02 khu đã đào san nền làm khu chôn lấp dự trữ.
- Khu xử lý nước thải (XLNT): đã xây dựng phần thô, chưa lắp đặt thiết bị; đang thi công Hồ chỉ thị sinh học.
- Khu điều hành và các công trình phụ trợ (DH): đã thi công cơ bản hoàn thành.
- Khu xử lý phân bùn (XLPB) 2,25ha: đang chuẩn bị triển khai.
- Và một số hạng mục khác đã thi công như đường giao thông, thoát nước,...
- Hiện dự án Xử lý triệt để ô nhiễm môi trường do rác thải sinh hoạt tại các khu vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (thuộc Khu xử lý chất thải rắn tập trung Hương Bình, thị xã Hương Trà) do Ban QLDA Đầu tư xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế làm chủ đầu tư đã gần cơ bản hoàn thành, HEPCO là đơn vị được UBND tỉnh giao là đơn vị vận hành, quản lý Khu xử lý chất thải rắn tập trung Hương Bình trong thời gian đầu (khi chưa lựa chọn được đơn vị quản lý) tại Văn bản số 10879/UBND-XD ngày 01/12/2020.

IV. Sự cần thiết để đầu tư

- HEPCO là đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý các loại rác thải trên địa bàn Thành phố; và là đơn vị duy nhất trên địa bàn thành phố thực hiện xử lý rác thải nguy hại, công nghiệp. Thời hạn Giấy phép môi trường số 317/GPMT-BTNMT đến 24/11/2029, sau thời gian này, theo Quy hoạch Khu xử lý chất thải rắn Thủy Phương phải đóng cửa. Vì vậy cần sớm di dời cơ sở xử lý tại Thủy Phương sang địa điểm mới và đầu tư hệ thống xử lý hiện đại hơn nhằm đảm bảo bảo đảm không gián đoạn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại trên địa bàn Thành phố.

- Đồng thời, để đáp ứng yêu cầu phân loại rác tại nguồn, việc đầu tư khu phân loại, sơ chế, tái chế rác sau phân loại là rất cần thiết để tăng tỷ lệ tái chế theo quy định.

- Hiện nhà máy đốt rác phát điện Phú Sơn đã đạt công suất, việc đầu tư khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hướng tuần hoàn, thu hồi năng lượng là rất cần thiết để đáp ứng nhu cầu xử lý dài hạn của thành phố và phát triển bền vững.

V. Định hướng đầu tư

1. Lựa chọn vị trí đầu tư

Theo Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt tại Quyết định số 108/QĐ-TTg, ngày 26/01/2024, Hương Bình là khu xử lý chất thải tập trung của thành phố Huế (có khu xử lý chất thải nguy hại).

Với quy hoạch đã phê duyệt và hạ tầng đã được đầu tư xây dựng tại các Khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố, HEPCO đề xuất lựa chọn Khu xử lý chất thải tập trung Hương Bình để di dời, đầu tư các hệ thống xử lý rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại và đầu tư các khu phân loại, tái chế rác sau phân loại, hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt phục vụ khu vực phía bắc thành phố theo quy hoạch.

Việc đầu tư tại Khu xử lý chất thải rắn Hương Bình là thuận lợi, đảm bảo hoạt động đồng bộ cho các công trình đã và đang được thành phố đầu tư xây dựng.

2. Định hướng đầu tư tổng thể của HEPCO tại Khu xử lý chất thải rắn tập trung Hương Bình:

HEPCO đặt mục tiêu xây dựng khu xử lý chất thải tập trung tại Hương Bình theo định hướng phát triển bền vững, tuân thủ Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và các văn bản định hướng của Chính phủ về quản lý chất thải và kinh tế tuần hoàn, bao gồm Quyết định 687/QĐ-TTg (2022) về phát triển kinh tế tuần hoàn. Chiến lược được triển khai qua hai giai đoạn chính, tập trung vào quản lý chất thải hiệu quả, bảo vệ môi trường và tạo giá trị gia tăng, góp phần xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn bền vững.

2.1. Giai đoạn 1: Di dời cơ sở xử lý chất thải từ Thủy Phương và đầu tư Khu phân loại, sơ chế, tái chế rác thải sinh hoạt sau phân loại

Vị trí xây dựng: Khu xử lý rác bằng công nghệ sinh học 3,2 ha. (Khu đất này chưa GPMB, chưa san lấp mặt bằng đề xuất được chuyển đổi thành Khu phân loại, tái chế rác rác thải sau phân loại, khu xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại, khu đốt chất thải nguy hại và công nghiệp; Việc bố trí các hạng mục xử lý CTNH, chất thải công nghiệp, phân loại – tái chế tại khu đất 3,2 ha không làm thay đổi chỉ tiêu đất xây dựng).

a. Chất thải nguy hại

Di dời lò đốt, các thiết bị xử lý rác thải nguy hại tại Thủy Phương; lắp bổ sung lò đốt, đầu tư hệ thống tái chế: Hệ thống xử lý chất thải điện tử; Hệ thống xử lý các tấm quang năng; Hệ thống súc rửa thùng phuy; Hệ thống xử lý hóa chất, dung dịch thải có chứa thành phần nguy hại,.. để xử lý được toàn bộ chất thải nguy hại cho toàn thành phố (theo hướng thu hồi năng lượng).

Công suất: trên 10 tấn/ngày (đáp ứng khối lượng dự kiến gấp 5 lần so với khối lượng thực hiện hiện tại).

b. Rác thải công nghiệp và rác tái chế

- Đầu tư dây chuyền tách khô (băm, nghiền, sàng, lọc từ), phân loại tách riêng rác tái chế; lò công nghiệp thông thường (có thể sử dụng chung cho rác sinh hoạt theo quy chuẩn lò đốt mới nhất năm 2025), thu hồi nhiệt lượng sấy bùn, sản xuất nguyên liệu làm phân.

- Khu tập kết, dây chuyền sơ chế rác sau phân loại làm phế liệu nhằm đẩy mạnh hoạt động thu hồi, tái chế.

c. Thí điểm sản xuất vật liệu làm phân bón từ chất thải hữu cơ

- Thí điểm sản xuất vật liệu làm phân bón từ chất thải hữu cơ (Chất thải sinh hoạt hữu cơ sử dụng phân hầm cầu phối trộn); công suất dự kiến 40 tấn/ngày.

- Hạng mục này Công ty dự kiến thực hiện thí điểm nhằm đánh giá khả năng tích hợp theo hướng kinh tế tuần hoàn. Hạng mục này không phải hạng mục đầu tư chính, có quy mô linh hoạt và sẽ được xem xét, quyết định cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu khả thi, bảo đảm không trùng lặp với các dự án xử lý tập trung trên địa bàn.

2.2. Giai đoạn 2: Xây dựng hệ thống xử lý rác thải sinh hoạt phục vụ khu vực phía bắc thành phố Huế công suất dự kiến 250 - 300 tấn/ngày (và có thể nâng công suất)

Thực hiện một phần trên khu đất chưa được phê duyệt quy hoạch chi tiết (21,8 ha), diện tích dự kiến thực hiện giai đoạn 2 khoảng 10 ha.

a. Phương án 1: xây dựng nhà máy xử lý theo công nghệ đốt thu hồi năng lượng (gồm hệ thống phân loại, xử lý hữu cơ).

- Phân loại cơ học – sinh học (MBT)

Dây chuyền phân loại bán tự động tách riêng rác tái chế (giấy, nhựa, kim loại), rác hữu cơ (ủ compost), rác trơ (RDF – đốt thu hồi năng lượng).

- Giảm 40–50% khối lượng rác cần đốt, tiết kiệm chi phí nhiên liệu và xử lý tro xỉ.

- Rác tái chế đưa vào dây chuyền sơ chế; sản phẩm: phế liệu.

- Xử lý rác hữu cơ – sản xuất phân compost và biogas

Ứng dụng công nghệ ủ hiếu khí kín (In-vessel Composting) hoặc hầm ủ sinh học bán tự động; kết hợp xử lý phân bùn bể phốt và rác thực phẩm để tăng hiệu suất phân hủy, thu hồi khí sinh học (CH_4) cho đốt sấy RDF.

Sản phẩm: phân compost phục vụ nông nghiệp tuần hoàn, góp phần thay thế phân bón hóa học.

- Xử lý rác trơ và RDF – thu hồi năng lượng

Đầu tư lò đốt RDF 150–200 tấn/ngày thu hồi nhiệt, cấp hơi hoặc chạy turbine nhỏ phục vụ nội bộ, không cần đầu tư phát điện hòa lưới.

Tro xỉ xử lý đạt chuẩn QCVN 07:2023/BTNMT, dùng sản xuất vật liệu xây dựng không nung, gạch block.

b. Phương án 2: xây dựng nhà máy xử lý chất thải theo công nghệ phân hủy nhiệt.

Hệ thống gồm sáu phần chính: tiếp nhận và tiền xử lý rác; lò nhiệt hóa rác; xử lý khí thu hồi khí đốt và dầu sinh học; thu hồi than sinh học; xử lý nước thải tuần hoàn và cụm điều khiển tự động. Công nghệ vận hành theo nguyên lý nhiệt phân – phân hủy ở nhiệt độ thấp, dưới 300°C, có xúc tác để tăng hiệu quả phân rã chất thải. Quá trình tạo ra khí sinh học, dầu sinh học và than sinh học, các sản phẩm này được thu hồi để tái sử dụng. Khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn môi trường; tro xỉ rất ít và được tận dụng làm vật liệu.

Hệ thống xử lý thiết kế có khả năng xử lý rác không cần phân loại tại nguồn.

HEPCO sẽ nghiên cứu lựa chọn phương án đảm bảo hiệu quả kinh tế và môi trường trong việc xử lý và tái chế chất thải trên địa bàn Thành phố.

VI. Phương án thực hiện Giai đoạn 1

1. Quy mô đầu tư:

1.1 Bố trí mặt bằng:

Tổng diện tích khu đất: 3,2 ha, bố trí thành 05 khu chức năng chính:

1). Khu phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật: 0,5 ha, gồm văn phòng điều hành, nhà nghỉ công nhân, xưởng cơ khí, nhà để xe, trạm cân, cổng, tường rào, trạm điện, đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, hệ thông thu gom nước thải, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh và hệ thống PCCC.

2). Khu tiếp nhận, phân loại và lưu chứa phế liệu: Diện tích khoảng 0,5 ha, gồm khu tiếp nhận rác phế liệu sau phân loại, sơ chế, kho rác phế liệu.

3). Khu xử lý chất thải công nghiệp thông thường: Khoảng 0,7 ha, bố trí dây chuyền phân loại, lò đốt công nghiệp 2.000 kg/h, hệ thống sấy bùn và khu phối trộn vật liệu làm phân.

4). Khu xử lý chất thải nguy hại: Khoảng 0,5 ha, gồm lò đốt 500 kg/h, khu súc rửa thùng phuy, xử lý hóa chất và hệ thống tái chế điện tử – quang năng, kho chứa, hệ thống xử lý khí, bể đóng kén.

5). Khu tái chế và xử lý nước thải: Khoảng 1,0 ha, gồm: Thí điểm sản xuất vật liệu làm phân bón từ chất thải hữu cơ. (công suất 40 tấn/ngày), hồ sinh học và hệ thống RO.

Chỉ tiêu sử dụng đất theo Quy định quản lý xây dựng theo đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng Khu xử lý chất thải rắn tập trung Hương Bình tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 03/11/2017. Mật độ xây dựng <= 60%

(Đính kèm sơ đồ bố trí mặt bằng).

1.2 Hạng mục thiết bị:

TT	Hạng mục	Quy mô	Ghi chú kỹ thuật
1	**Khu phụ trợ**		

TT	Hạng mục	Quy mô	Ghi chú kỹ thuật
-	Trạm cân	60 Tấn	Điều khiển ra/vào, ghi nhật ký vận hành
-	Trạm biến áp	650kva	Cấp nguồn điện
-	Hệ thống PCCC		Cho toàn bộ
2	**Khu phân loại (khu phế liệu)**		
-	**Máy ép kiện..**		Sử dụng lại
3	**Khu xử lý rác thải công nghiệp thông thường**		
-	Dây chuyền tách khô (băm, nghiền, sàng, lọc từ)		
-	Hệ thống sấy bùn, phối trộn vật liệu	>500 kg/h	Thiết bị cơ – nhiệt, tách nước
-	Lò đốt công nghiệp	2.000 kg/h	Lò đốt thu hồi nhiệt cấp cho sấy bùn
-	Dây chuyền phối trộn, nghiền, ép vật liệu hữu cơ		Làm nguyên liệu sản xuất phân bón
4	**Khu xử lý chất thải nguy hại**		
-	Hệ thống tái chế điện tử, quang năng, dung môi		Thiết bị nghiền, phân tách, thu hồi kim loại
-	Lò đốt CTNH thu hồi nhiệt	500 kg/h	Lò 2 buồng, xử lý khí bằng than hoạt tính
5	**Khu tái chế, xử lý nước thải**		
-	Thí điểm sản xuất vật liệu làm phân bón từ chất thải hữu cơ. (công suất 40 tấn/ngày)		Gồm: nhà xưởng, dây chuyền phân loại, khu ủ, khu đóng bao.
-	Hệ thống xử lý nước rỉ rác RO	50 m^3/ngày	

2. Tổng mức đầu tư Giai đoạn 1: 99,976 tỷ đồng

Bằng chữ: (Chín mươi chín tỷ, chín trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng 21,58 tỷ đồng
- Chi phí thiết bị 59,161 tỷ đồng
- Chi phí quản lý dự án 1,80375394 tỷ đồng
- Chi phí tư vấn 6,264453 tỷ đồng
- Chi phí khác 3,092223 tỷ đồng
- Chi phí dự phòng 8,0741 tỷ đồng

3. Hình thức đầu tư: Đầu tư xây dựng mới.

4. Nguồn vốn đầu tư:

HEPCO là nhà đầu tư, sẽ sử dụng vốn hoạt động sản xuất kinh doanh kết hợp với các nguồn vốn khác để thực hiện dự án. Phương án huy động vốn như sau:

- Vốn tự có: 35%;
- Vốn vay ưu đãi: 30% (vay từ Quỹ Bảo vệ Môi trường với lãi suất ưu đãi).

- Phần còn lại huy động từ các cổ đông, đối tác chiến lược để chia sẻ rủi ro và tối ưu hóa nguồn lực; hoặc vay ngân hàng.

Tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn nêu trên là dự kiến ở cấp độ chủ trương. Phương án huy động vốn, cân đối dòng tiền và kế hoạch trả nợ (gốc, lãi) sẽ được Công ty nghiên cứu, xác định cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu khả thi, bảo đảm phù hợp quy định pháp luật và khả năng cân đối tài chính.

5. Tiến độ:

5.1. Thời gian thực hiện:

- Thời gian đầu tư: 2026-2029;
- Thời gian vận hành: từ năm 2030.

5.2. Kế hoạch triển khai:

Giai đoạn	Thời gian	Hoạt động chính	Nguồn vốn
Giai đoạn 1	2026-2027	Lập kế hoạch, khảo sát Hương Bình, xin giấy phép: + Xin giấy phép đầu tư + Lập báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) và báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Khu xử lý Hương Bình. *(BNN&MT cấp 6-12 tháng)* + Khảo sát chi tiết địa điểm Hương Bình, san mặt bằng.	Vốn tự có
Giai đoạn 2	2027-2028	Xây dựng cơ sở hạ tầng tại Hương Bình	Vốn tự có và vốn vay ưu đãi
Giai đoạn 3	2028-2029	- Lắp đặt các lò đốt, hệ thống xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại, dây chuyền phân loại, dây chuyền sản xuất vật liệu hữu cơ, phối trộn bùn; - Di dời thiết bị tái sử dụng từ Thủy Phương. - Giấy phép MT, vận hành thử, đào tạo nhân sự.. đưa vào vận hành chính thức (cuối năm 2029)	Vốn tự có, vốn vay ưu đãi và vốn vay + hợp tác đầu tư

6. Hiệu quả dự án

6.1. Hiệu quả kinh tế

Với quy mô công suất dự kiến, giá dịch vụ xử lý chất thải theo khung giá của UBND tỉnh và doanh thu từ hoạt động tái chế, dự án dự kiến đạt doanh thu khoảng 95 tỷ đồng/năm. Sau khi trừ chi phí vận hành, dự án có khả năng hoàn vốn trong khoảng 8,5 năm, tính từ thời điểm đầu tư năm 2026 (thu hồi sau 4,5 năm vận hành.

Các chỉ tiêu tài chính nêu trên là ước tính sơ bộ phục vụ định hướng chủ trương; Hiệu quả tài chính chi tiết sẽ được xác định trong Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

6.2. Hiệu quả môi trương, xã hội

- Về mặt môi trường:

+ Tăng năng lực xử lý chất thải trên địa bản thành phố Huế;

+ Giảm tác động tiêu cực từ cơ sở Thủy Phương đến khu dân cư lân cận;

+ Xử lý triệt để chất thải nguy hại, nước thải và khí thải, đảm bảo không gây ô nhiễm thứ cấp; Đáp ứng các quy chuẩn QCVN 61-MT:2016/BTNMT, QCVN 30:2025/BNNMT và QCVN 30:2012/BTNMT tại Khu Hương Bình.

- Về mặt xã hội:

+ Nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại rác tại nguồn; tạo việc làm cho lao động địa phương tại Hương Bình.

+ Ổn định lao động hiện có của HEPCO và tạo điều kiện phát triển cho HEPCO.

VII. Nhiệm vụ Giai đoạn 2:

- Quy hoạch phân khu, lập quy hoạch chi tiết và bản vẽ thiết kế cho khu vực được chọn. (21,8 ha).

- Lựa chọn phương án công nghệ đảm bảo hiệu quả kinh tế và môi trường trong việc xử lý và tái chế chất thải trên địa bàn Thành phố.

- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM).

- Dự kiến chi phí đầu tư.

- Lựa chọn phương thức đầu tư và nguồn vốn, xác định thời gian triển khai và vận hành.

- Trình phương án lên UBND Thành phố Huế để xin chấp thuận chủ trương.

- Thực hiện các thủ tục đầu tư theo quy định sau khi được phê duyệt.

VIII. Biện pháp giảm thiểu rủi ro

- Chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, làm việc chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn, đơn vị tư vấn để đảm bảo ngăn ngừa rủi ro pháp lý.

- Đàm phán lãi suất cố định, lập kế hoạch chi phí chi tiết để ngăn ngừa rủi ro tài chính; Rủi ro thanh khoản do trả nợ gốc lớn giai đoạn 2030–2034: Đã lập kế hoạch vay lưu động bổ sung và tái vay để cân đối dòng tiền; Rủi ro lãi suất tăng: Ưu tiên vay cố định lãi suất thấp từ Quỹ BVMT.

- Hợp tác với nhà cung cấp công nghệ uy tín, thử nghiệm trước khi vận hành chính thức để ngăn ngừa rủi ro kỹ thuật.

- Tổ chức tham vấn cộng đồng, minh bạch thông tin và tuyên truyền về lợi ích môi trường của dự án.

IX. Tuân thủ pháp luật

1. Cơ sở pháp lý:

- Luật Bảo vệ môi trường 2020;

- Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính Phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 108/QĐ-TTg, ngày 26/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

- Nghị định 08/2022/NĐ-CP về quản lý chất thải và phế liệu.

- Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ Môi trường.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 61-MT:2016/BTNMT, QCVN 30:2025/BNNMT, QCVN 30:2012/BTNMT, QCVN 40:2025/BTNMT.

- Quyết định số 435 /QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt Đề án tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030;

- Quyết định 1413/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch quản lý CTR tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

2. Yêu cầu pháp lý:

- Lập và phê duyệt báo cáo ĐTM trước khi triển khai tại Hương Bình.

- Đảm bảo hệ thống xử lý nước thải, khí thải và tro xỉ đạt tiêu chuẩn.

- Đăng ký giấy phép xử lý chất thải nguy hại với Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

X. Kiến nghị

HEPCO kính đề nghị UBND thành phố Huế xem xét:

1. Chấp thuận chủ trương cho phép HEPCO:

- Di dời cơ sở xử lý chất thải Thủy Phương đến Khu xử lý Hương Bình và đầu tư Khu xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại tại Khu xử lý chất thải rắn Hương Bình (theo đề xuất của Sở XD tại *CV 1001/SXD-PTĐT&HTKT ngày 21/3/2025 về việc di dời lò đốt chất thải nguy hại, công nghiệp).*

- Đầu tư Khu xử lý rác thải sinh hoạt công suất 250 - 300 tấn/ngày bằng công nghệ đốt thu hồi năng lượng kết hợp làm phân vi sinh hoặc công nghệ phân hủy nhiệt tại Khu xử lý chất thải rắn Hương Bình (*theo Quyết định số 435 /QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt Đề án tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030*).

2. Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện các thủ tục về quy hoạch, đất đai, điều chỉnh quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết các khu vực liên quan đến dự án; đồng thời xem xét áp dụng các cơ chế phù hợp theo quy định pháp luật về đất đai để tạo điều kiện triển khai dự án, trong đó nghiên cứu phương thức giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đất đai năm 2024.

3. Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kết nối, áp dụng cơ chế ưu đãi đối với dự án bảo vệ môi trường, tạo điều kiện để HEPCO sớm triển khai dự án.

XI. Kết luận

- Phương án đầu tư Khu xử lý Hương Bình đáp ứng quy hoạch và nhu cầu phát triển của thành phố Huế. Việc xây mới lò đốt đảm bảo không gián đoạn hoạt động sản xuất và xử lý chất thải trên địa bàn Thành phố, ứng dụng công nghệ hiện đại và đáp ứng nhu cầu xử lý chất thải dài hạn. Dự án tận dụng nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của HEPCO, kết hợp với vay vốn và hợp tác đầu tư, đảm bảo hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật.

- Phương án Đầu tư xây dựng Khu xử lý rác thải sinh hoạt công suất 250 - 300 tấn/ngày bằng công nghệ đốt thu hồi năng lượng kết hợp làm phân vi sinh hoặc công nghệ phân hủy nhiệt đều khả thi, đáp ứng quy hoạch và nhu cầu phát triển của thành phố Huế. Việc xây dựng mới khu xử lý rác sinh hoạt tại Hương Bình giúp giảm tải cho công tác xử lý rác tại nhà máy Phú Sơn (do lượng rác ở Phú Sơn đã quá công suất thiết kế).

Dự án không chỉ giải quyết vấn đề môi trường cấp bách của thành phố mà còn góp phần hình thành mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực xử lý chất thải, phù hợp với định hướng phát triển đô thị xanh của thành phố Huế.

Phương án này được xây dựng ở cấp độ chủ trương đầu tư, là cơ sở để xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua. Các nội dung chi tiết của dự án sẽ được Công ty tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và các hồ sơ đầu tư theo quy định của pháp luật.

Việc sớm chấp thuận chủ trương di dời cơ sở xử lý chất thải Thủy Phương và đầu tư khu xử lý chất thải tại Hương Bình sẽ tạo điều kiện để Công ty chủ động triển khai dự án, góp phần giải quyết căn cơ vấn đề xử lý chất thải trên địa bàn thành phố Huế.

Nếu được UBND thành phố Huế chấp nhận chủ trương đầu tư; HEPCO sẽ tập trung mọi nguồn lực để sớm thực hiện đầu tư dự án, đầu tư dứt điểm từng hạng mục công việc nhằm đưa dự án vào hoạt động đúng kế hoạch, có hiệu quả.

HEPCO báo cáo và kính đề nghị UBND thành phố Huế xem xét, giải quyết.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
Số: /2026/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Huế, ngày 15 tháng 5 năm 2026

(Dự thảo)

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế (sửa đổi, bổ sung lần thứ hai thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021);
- Căn cứ Nội dung và kết quả họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế ngày 15/5/2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và Phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 với một số chỉ tiêu chính như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Tỷ lệ % (TH/KH)
1	Doanh thu thuần	358.442.263.235	311.232.498.118	86,83
2	Lợi nhuận trước thuế	17.205.228.635	17.893.189.544	104,00
3	Lợi nhuận sau thuế	14.968.548.913	15.715.429.918	104,99
4	Nộp ngân sách	24.200.000.000	25.207.258.108	104,16
5	TSCĐ hữu hình	192.301.929.275	224.133.944.027	116,55
5.1	TSCĐ CTPLCC	158.729.828.016	191.503.143.992	120,65
5.2	TSCĐ tính khấu hao	33.572.101.259	32.630.800.035	97,20
	Trích khấu hao TSCĐ	8.908.306.199	10.085.824.372	113,22
6	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
7	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	16.587.119	16.585.904	99,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12,00%/VĐL	12,00%/VĐL	100,00

2. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % (KH/TH)
1	Doanh thu thuần	311.232.498.118	342.557.775.359	110,06
2	Lợi nhuận trước thuế	17.893.189.544	18.840.677.645	105,30

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ % (KH/TH)
3	Lợi nhuận sau thuế	15.715.429.918	16.391.389.551	104,30
4	Các khoản nộp NS	25.207.258.108	25.500.000.000	101,16
5	TSCĐ hữu hình	224.133.944.027	118.460.268.720	52,85
5.1	TSCĐ CTPLCC	191.503.143.992	85.330.268.720	44,56
5.2	TSCĐ tính khấu hao	32.630.800.035	33.130.000.000	101,53
	Trích khấu hao TSCĐ	10.085.824.372	10.500.000.000	104,11
6	Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	100,00
7	Thu nhập b/q (đồng/người/tháng)	16.585.904	17.081.571	102,99
8	Tỷ lệ cổ tức/vốn ĐL	12%/VĐL	12,29%/VĐL	102,42

(Năm 2026, Công ty dự kiến bàn giao Trung tâm quản lý và Khai thác hạ tầng thành phố Huế đối với các công trình phúc lợi công cộng, như Nghĩa trang, bãi rác, thoát nước, vỉa hè, điện chiếu sáng (phần còn lại); Các tài sản khác (bãi rác Lộc Thủy, các trạm bơm tại Lăng Cô), Công ty sẽ bàn giao khi có Quyết định của UBND Thành phố).

Điều 2. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2025 và định hướng hoạt động năm 2026 với một số nội dung chính như sau:

1. Kết quả hoạt động năm 2025:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị, định hướng và giám sát theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định nhằm chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh.

- HĐQT đã bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc triển khai đồng bộ các giải pháp điều hành; tăng cường giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính, sử dụng vốn, tài sản, kiểm soát chi phí và tuân thủ pháp luật.

- Mặc dù còn nhiều khó khăn khách quan, Công ty vẫn duy trì ổn định hoạt động, bảo toàn và phát triển vốn, hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận, nghĩa vụ với Nhà nước và đảm bảo quyền lợi cổ đông, người lao động.

2. Công tác cổ đông và người đại diện phần vốn nhà nước:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với cổ đông theo quy định; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, trong đó cổ đông Nhà nước giữ vai trò chi phối.

- Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật về chứng khoán; tổ chức Đại hội đồng cổ đông đúng trình tự, thủ tục; đảm bảo quyền tham gia và biểu quyết của cổ đông.

- Người đại diện phần vốn Nhà nước thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu trước khi tham gia biểu quyết các nội dung quan trọng tại Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, bảo đảm tuân thủ quy định và nâng cao hiệu quả quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Cơ cấu cổ đông của Công ty được duy trì ổn định, phù hợp với định hướng phát triển và quy định của pháp luật.

3. Định hướng hoạt động năm 2026:

Hội đồng quản trị tiếp tục định hướng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung:

- Chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026;
- Mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Tăng cường quản trị chi phí, bảo đảm an toàn tài chính;
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, hiện đại hóa công tác quản lý;
- Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;
- Nâng cao hiệu quả quản trị công ty, tăng cường minh bạch và quan hệ cổ đông.

Điều 3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 và kế hoạch phân chia lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2026 với các chỉ tiêu như sau:

Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức 2026:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026	Tỷ lệ KH/TH(%)
I	Lợi nhuận trước thuế	17.893.189.544	18.840.677.645	105,30
II	Lợi nhuận sau thuế	15.715.429.918	16.391.389.551	104,30
1	Trích quỹ ĐTPT	3.800.800.943	4.099.972.686	107,87
2	Trích quỹ Khen thưởng, quỹ Phúc lợi (30%); trong đó:	4.714.628.975	4.917.416.865	104,30
	- Quỹ KT (60%)	2.828.777.385	2.950.450.119	104,30
	- Quỹ PL (40%)	1.885.851.590	1.966.966.746	104,30
3	- Tỷ lệ chia cổ tức (%/VĐL)	12,00%	12,29%	102,42
	- Chi trả cổ tức:	7.200.000.000	7.374.000.000	102,42
	+ 51% vốn góp Nhà nước	3.672.000.000	3.760.740.000	102,42
	+ 49% vốn cổ đông	3.528.000.000	3.613.260.000	102,42

Điều 5. Thông qua Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua toàn văn:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (thay thế Điều lệ hiện hành);
- Các Quy chế nội bộ của Công ty (thay thế các Quy chế hiện hành), gồm: Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Các văn bản được ban hành theo đúng thẩm quyền quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các văn bản nêu trên có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế toàn bộ các văn bản trước đây của Công ty

Điều 6. (Dự kiến) Thông qua Phương án đầu tư Khu xử lý chất thải Hương Bình.

- Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua chủ trương đầu tư Khu xử lý chất thải tại Hương Bình theo Tờ trình của Hội đồng quản trị.

- Phương án đầu tư được xem xét ở cấp độ chủ trương đầu tư, làm cơ sở để Công ty triển khai các bước chuẩn bị đầu tư tiếp theo theo quy định của pháp luật.

- Giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai các bước tiếp theo, bao gồm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, lựa chọn công nghệ, xác định tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và các nội dung liên quan, trong phạm vi thẩm quyền và theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Việc triển khai dự án phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật, đặc biệt là quy định về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; bảo đảm hiệu quả đầu tư, an toàn tài chính và đúng thẩm quyền quyết định.

(Phương án đầu tư Khu xử lý chất thải Hương Bình được gửi kèm theo tài liệu Đại hội để cổ đông nghiên cứu, thảo luận.

Việc xem xét, thông qua nội dung này chỉ được thực hiện trong trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận theo quy định.

Trường hợp chưa có ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu tại thời điểm tổ chức Đại hội, nội dung này không đưa ra biểu quyết và không thuộc phạm vi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026).

Điều 7. Thông qua các nội dung theo Tờ trình của Hội đồng quản trị về các vấn đề xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 với một số nội dung chính như sau:

1. Thông qua Quỹ tiền lương thực hiện 2025 và Quỹ lương kế hoạch năm 2026:

1.1. Quỹ tiền lương thực hiện 2025:

Tổng quỹ lương thực hiện năm 2025: **123.754.628.050 đồng**; Trong đó tiền lương của Chủ tịch HĐQT, TVHĐQT, Trưởng Ban kiểm soát là: 1.836.291.840 đồng; Quỹ tiền lương của Ban điều hành và người lao động là: 121.918.336.050 đồng.

Xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện 7 tháng đầu năm 2025, Công ty căn cứ Nghị định số 44/2025 và Thông tư 003/2025/TT-BNV; đồng thời Công ty cũng căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP để làm xác định quỹ tiền lương của 5 tháng còn lại năm 2025 và xây dựng kế hoạch tiền lương năm 2026 thực hiện theo Nghị định số 248/2025 đã được các Sở thẩm định ngày 02/04/2026 và UBND thành phố có ý kiến thống nhất các số liệu về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2025 và kế hoạch 2026 của Công ty Cổ phần Môi

trường và Công trình Đô thị Huế tại Công văn số 5074/UBND-CCHC ngày 13/04/2026

1.2. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026:

- Quỹ tiền lương của Chủ tịch HĐQT, TVHĐQT, Trưởng ban kiểm soát: **2.352.000.000 đồng (hai tỷ, ba trăm năm hai triệu đồng chẵn);**

- Quỹ tiền lương của Ban điều hành và người lao động: **134.671.110.144 đồng (Một trăm ba tư triệu, sáu trăm bảy mười mốt ngàn, một trăm bốn bốn đồng chẵn).**

- Trên cơ sở dự kiến quỹ lương kế hoạch 2026 đã được các ngành thẩm định và UBND thành phố thống nhất. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT căn cứ vào doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh, xác định đơn giá tiền lương thực hiện năm 2026 để chi trả tiền lương cho HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Ban điều hành và người lao động đảm bảo hợp lý và đúng quy định hiện hành của nhà nước.

- Ủy quyền cho HĐQT quyết định việc phân chia lợi nhuận sau thuế theo quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ hoạt động của Công ty và Quy chế quản lý tài chính và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

2. Thông qua chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và phương án chi trả năm 2026:

2.1. Thù lao đã chi trả năm 2025:

Thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030, thu lao đã chi trả năm 2025 là: **384.000.000 đồng;** Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT: 6.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên HĐQT và Trưởng BKS: 4.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên BKS: 2.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký Công ty: 2.000.000 đồng/người/tháng

2.2. Dự kiến thù lao chi trả năm 2026:

Thực hiện theo Nghị định 248/2025 và kế hoạch chi trả tiền thù lao 2026 đã được các ngành và UBND thành phố thẩm tra và thống nhất số liệu như sau:

STT	Chức danh	Số tiền (đ/ng/tháng)	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	14.800.000	Theo số liệu các Sở và UBND thành phố đã thẩm tra (20%/x TL)
2	Thành viên HĐQT	12.000.000	
3	Trưởng Ban KS	12.000.000	
4	Thư ký Công ty	10.000.000	
5	UV Ban Kiểm soát	5.000.000	

Điều 8. Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026.

Điều 9. Điều khoản thi hành

- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

- Nghị Quyết này được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua ngày 15/5/2026.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ HUẾ
CHỦ TỌA